

DC 451
GI-108B

GIAO BƯU THÔNG TIN LÂM ĐỒNG



NGÀY ẤY...
BÂY GIỜ

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG - XUẤT BẢN 2000

GIAO BƯU - THÔNG TIN LÂM ĐỒNG
Ngày ấy... Bây giờ

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 284



SỞ VĂN HOÁ - THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÒNG ĐỊA CHỈ

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG
XUẤT BẢN 2000

Lời giới thiệu

Tôi đã đọc tất cả những tác phẩm trong tập sách này và rất xúc động trước những gương chiến đấu, hy sinh anh dũng của các chiến sĩ lực lượng Giáo binh thông tin liên lạc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

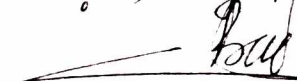
Tôi hoàn nguyện Bài di chúc của đồng đội bằng tâm lòng và trách nhiệm, tổ chức biên soạn và xuất bản tập sách "GIÁO BINH THÔNG TIN LÂM ĐỒNG NGÀY ẤY... BÂY GIỜ".

Tôi cảm ơn các nhà báo, nhà văn đã thể hiện, biên soạn những tư liệu quý giá, những thanh quả rực rỡ và những tập, thông tin tốt đẹp của Bài di chúc, Lâm đồng trong thời kỳ kháng chiến và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đó là những cái họ công nhận việc người Bài di chúc Lâm đồng sẽ phát huy truyền thống của lực lượng Giáo binh thông tin, phát huy tinh thần trách nhiệm trước những hy sinh và lao động của đồng chí, những đồng đội, tổ tiên của đồng bào các dân tộc Lâm đồng đó với lực lượng Giáo binh thông tin trong cuộc kháng chiến thiết tha của dân tộc.

Xin trân trọng giới thiệu tập sách này với bạn đọc gần xa và tin rằng một trang sách, một câu chuyện sẽ là một phần từ kho quý báu với tất cả chúng ta.

Đà Lạt, tháng 11-1999


Nguyễn Hoài Bảo

Bí Thư Tỉnh Ủy Lâm Đồng

GIAO BƯU-THÔNG TIN LÂM ĐỒNG

Ngày ấy... Bây giờ

NHÌN LẠI TRUYỀN THỐNG HẢO HÙNG ĐỂ SỐNG XỨNG ĐÁNG HƠN VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

NGUYỄN HUY NINH

Giám đốc Bưu điện tỉnh Lâm Đồng

Chiến tranh đã đi qua gần 25 năm mà hậu quả nhiều mặt của nó vẫn còn là nỗi day dứt của hàng triệu con người. Đặc biệt với ngành bưu điện nói chung và bưu điện Lâm Đồng nói riêng, ngoài việc phải đối mặt với muôn vàn khó khăn của nền kinh tế thị trường và đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa theo định hướng XHCN, thì một công việc nữa không kém phần quan trọng là thực hiện tốt chính sách với bao đồng chí, đồng đội đã từng là giao liên, thông tin trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ suốt ba mươi năm không ngừng tiếng súng, ngay trên địa bàn gian khổ Nam Tây Nguyên này.

Họ là những người con từ mọi miền Tổ quốc, một lòng kiên trung với Đảng, với cách mạng, với nhân dân. Luôn chấp nhận hy sinh bản thân mình để hoàn thành công tác đưa đón, bảo vệ cán bộ qua lại trên khắp địa bàn từ Trung ương đến khu, tỉnh, huyện, thị và các đội công tác. Họ vượt biết bao sông sâu, núi cao và qua bao nhiêu hệ thống đồn bót dày đặc của kẻ thù để giữ vững thông tin

liên lạc mà công văn, tài liệu vẫn được bảo đảm an toàn và bí mật. Nhiều tấm gương hy sinh vô cùng dũng cảm của hàng trăm cá nhân và tập thể: có anh bị lộ, địch bắt và dùng bao nhiêu cực hình tra tấn vẫn không hé răng khai báo một lời nào, địch chém đầu bêu suốt mấy ngày cũng không sao uy hiếp được tinh thần cách mạng của đồng bào, đồng chí chúng ta. Nhiều anh chị em, trước khi đi làm nhiệm vụ đã biết chắc có thể sẽ hy sinh, nhưng vẫn xung phong lên đường, nhiệm vụ thì hoàn thành nhưng những đồng chí ấy mãi mãi không còn trở về nữa. Có anh đã dùng thân mình làm tiêu điểm báo mìn trên bãi sình để đoàn cán bộ vượt qua an toàn, nhưng bản thân anh bị tê cứng vì quá rét, để rồi chân anh lại vướng vào chính quả mìn ấy và anh đã anh dũng hy sinh. Có anh trên đường công tác, bị thương rất nặng vẫn cố gắng bảo toàn vũ khí, tài liệu, suốt cả tuần lễ phải chịu đựng nỗi đau đớn, đói rét đến tột cùng ấy anh vẫn tìm về với đơn vị v...v... Còn biết bao tấm gương cao cả của anh chị em giao liên - thông tin dù thiếu cơm, lạt muối, ăn rau rừng suốt một thời gian dài vẫn phải vừa chiến đấu, vừa đảm bảo đưa đón cán bộ an toàn và giữ vững mạch máu thông tin liên lạc thông suốt. Có những địa bàn ác liệt đến mức chỉ trong mười năm (1965 - 1975) đã mấy lần xóa sạch cán bộ, chiến sĩ; lớp sau nối tiếp truyền thống lớp trước, dù ác liệt, dù gian khổ đến đâu anh chị em vẫn luôn luôn hoàn thành vẻ vang mọi nhiệm vụ được giao. Ngoài công tác ra, các đơn vị còn sản xuất để tự túc lương thực, thực phẩm nuôi mình và hỗ trợ cho các đoàn công tác đi qua.

Hoạt động trên chiến trường đặc biệt gian khổ này, đã hun đúc, rèn luyện những người lính giao liên, thông tin trở nên cứng cỏi, kiên cường cả trong chiến đấu và

trong cuộc sống. Biết bao tấm gương của các mẹ, các chị, của đồng bào các dân tộc trong tỉnh không quản ngại nguy hiểm đã đùm bọc, nhường cơm sẻ áo, che dấu, bảo vệ cho cán bộ, chiến sĩ giao liên, thông tin trong suốt hai thời kỳ kháng chiến. Đặc biệt, trong ba mươi năm trường kỳ, gian khổ và ác liệt ấy, lực lượng giao liên, thông tin với hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường Lâm Đồng, Tuyên Đức đã không hề hoang mang, giao động, không một ai rời bỏ hàng ngũ chiến đấu, phản bội lại cách mạng. Sự dũng cảm, hy sinh và tinh thần chịu đựng khó khăn, gian khổ của các thế hệ cha, anh đi trước luôn là tấm gương sáng cho thế hệ hôm nay.

Ngoài lực lượng phục vụ trực tiếp trên chiến trường, giao bưu - thông tin Lâm Đồng còn có một đội ngũ hoạt động công khai ngay trong lòng địch. Cuộc chiến của những anh chị em này còn gay go, phức tạp và ác liệt hơn gấp bội lần, bởi tinh thần họ không giây phút nào được bình yên. Họ phải chiến thắng kẻ thù bằng cả trí thông minh và lòng dũng cảm; để hoàn thành nhiệm vụ, họ phải hy sinh tình cảm gia đình, thậm chí phải cúi mặt với đời, chấp nhận cả sự hiểu lầm, dèm pha của bà con, làng xóm.

Những chiến công và sự hy sinh vô cùng lớn lao của các thế hệ đi trước đã xây đắp nên truyền thống “trung thành, dũng cảm” của ngành bưu điện ngày nay. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, mở cửa ... hội nhập vv... chúng ta không bao giờ quên công ơn của những người đi trước. Bởi chiến tranh đã đi qua nhưng nỗi đau vẫn còn ở lại; Đã lành dần những vết thương trên da thịt, nhưng biết đến bao giờ mới lành được những vết thương trong sâu thẳm mỗi con người. Nhiều năm qua, ngành Bưu điện Lâm Đồng cũng đã làm được nhiều việc như:

tìm kiếm, quy tập mộ các liệt sĩ, thực hiện chính sách đối với các đồng chí thương binh, bệnh binh, quan tâm đến những anh chị em kháng chiến có hoàn cảnh khó khăn, phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng của ngành; đồng thời sưu tập được nhiều sự kiện lịch sử để xây dựng phòng truyền thông giao bưu, thông tin Lâm Đồng trong hai thời kỳ kháng chiến... nhưng vẫn không đáng bao nhiêu so với sự hy sinh mất mát của thế hệ cha anh. Vẫn còn rất nhiều những con người, còn nhiều những chiến công anh dũng khác mãi mãi sẽ không được biết đến, bởi họ ra đi mà không còn để lại một dấu tích gì, dù nhỏ nhất. Còn biết bao liệt sĩ vẫn còn nằm lại đâu đó trong rừng sâu chưa một lần được hưởng hơi ấm từ nén nhang của đồng đội.

Trong hành trang cất cánh hôm nay, tiếc rằng trong chúng ta không ít người vẫn chưa thấy hết truyền thống anh hùng của ngành! Phải chăng trên con đường cạnh tranh và hội nhập, trong cuộc sống muôn mặt của đời thường, một bộ phận trong chúng ta không còn cần đến quá khứ?... Không, không thể như vậy, những truyền thống hào hùng của các thế hệ đi trước, cả những chiến công và mất mát của cha anh trong hai cuộc kháng chiến mãi mãi là truyền thống đáng tự hào của chúng ta hôm nay. Hơn thế nữa, đó là những tấm gương sáng dẫn bước chúng ta tới tương lai, cả trong sự nghiệp và trong cuộc sống. Chúng ta phải thấy rằng, để có được những gì hôm nay là do công lao xương máu của đồng bào, đồng chí mình. Hãy sống và làm việc xứng đáng với những người đã mãi mãi ra đi .

BUƯ ĐIỆN LÂM ĐỒNG: CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HẠNH NHÂN

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hệ thống thông tin liên lạc ở Lâm Đồng - Tuyên Đức luôn đảm bảo thông suốt để phục vụ cách mạng, góp phần đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng. Sau giải phóng, phát huy truyền thống bất khuất trong kháng chiến, ngành Bưu điện tỉnh Lâm Đồng không ngừng tự hoàn thiện mình nhằm phục vụ một cách đắc lực cho công cuộc kiến thiết đất nước. Sự lớn mạnh không ngừng đó ngày càng chứng minh rằng trong đời sống xã hội, hệ thống thông tin liên lạc đóng giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

Tháng 4.1930, tại căn buồng số hai trên tầng gác của nhà xe khách sạn Palace, Đà Lạt, Chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam đầu tiên của Lâm Đồng được thành lập gồm ba đảng viên do đồng chí Trần Diệm làm Bí thư. Ngay khi mới thành lập, Chi bộ Đảng đã xác định được vị trí vô cùng quan trọng của công tác thông tin giao bưu. Có thể

nói, ngay từ những ngày đầu đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hệ thống thông tin liên lạc ở tỉnh ta luôn thể hiện được vai trò là một ngành quan trọng hàng đầu của cách mạng. Trước cách mạng tháng Tám, tuy rằng công tác thông tin liên lạc chưa là những tổ chức hoàn chỉnh và hoạt động của nó còn nằm trong khuôn khổ bí mật nhưng đã góp phần xứng đáng vào việc tổ chức tập hợp lực lượng, giáo dục và tuyên truyền ảnh hưởng của Đảng để cách mạng từng bước tiến lên giành chính quyền.

Sau Cách mạng tháng Tám, các tổ chức thông tin liên lạc ở Lâm Đồng đã cơ bản hình thành. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, hệ thống đó vẫn còn bị phân tán; mặt khác, do điều kiện khốc liệt của chiến trường, các phương tiện hoạt động không đảm bảo, cho nên việc liên lạc vẫn thường xuyên bị gián đoạn. Từ năm 1950 trở về sau, việc thông tin liên lạc ở Lâm Đồng có bước phát triển mạnh hơn..., nhờ đó, việc phục vụ cho công cuộc kháng chiến đã mang lại những kết quả thiết thực hơn, mang tính lâu dài hơn.

Lịch sử Bưu điện Lâm Đồng đã ghi lại: Trong quá trình hoạt động, dù bí mật hay công khai, dù hoạt động trong lòng địch hay ở ngoài căn cứ, những người làm nhiệm vụ giao thông liên lạc tỉnh ta luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng, vượt qua khó khăn gian khổ, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp độc lập của dân tộc, vì sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đưa đến thống nhất đất nước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đất nước ta tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Hệ thống thông tin liên lạc trong giai đoạn mới càng trở nên thiết yếu hơn. Ở Lâm Đồng, hệ

thống giao thông liên lạc trải trên một địa bàn rừng núi vô cùng phức tạp, điều kiện sống của anh em rất thiếu thốn, phương tiện hoạt động còn nghèo nàn nhưng các cán bộ, chiến sĩ của ngành đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Tại Di Linh, tổ liên lạc của Huyện ủy tuy chỉ có 3 đồng chí nhưng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyển công văn tài liệu của huyện xuống các xã căn cứ (Mang Yệu, Chi Lai...) và 4 đội công tác Kon Rum, BNƠM, Châu Trưng, Bảo Thuận, mỗi tháng hai lần, đồng thời kiêm nhiệm vụ vận tải muối, thuốc chữa bệnh, nắm tình hình địch, đưa đón cán bộ... Bước sang năm 1955, công tác giao thông liên lạc đòi hỏi nặng nề hơn. Do vậy, ngoài tổ giao liên của Huyện ủy, tại các xã căn cứ ở Di Linh còn hình thành mạng lưới liên lạc hợp pháp theo từng chiều, liên hệ giữa buôn này với buôn khác. Đây là lực lượng làm công tác liên lạc quan trọng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Lâm Đồng.

Đặc biệt, kể từ sau khi có Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi, Huyện ủy Di Linh hình thành bộ phận phụ trách hành lang làm hai nhiệm vụ: Cắt đường, mở đường vào các vùng căn cứ nối liền với các địa phương bạn; đồng thời chuyển công văn tài liệu và đưa đón cán bộ lên xuống. Từ đó, tuyến hành lang Di Linh dần được phát triển rộng hơn.

Tháng 8/1959, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về xây dựng căn cứ cách mạng vùng Tây nguyên. Giữa năm 1959, Trung ương tăng cường cho chiến trường Tây nguyên ba mươi cán bộ làm nhiệm vụ mở đường hành lang nối Nam Tây

nguyên với miền Đông Nam bộ bằng hai tuyến: từ Đắc Lắc qua Lâm Đồng vào chiến khu Đ, tuyến thứ hai phát triển qua tỉnh Phước Long. Những năm sau các tuyến hành lang khác phục vụ cho kháng chiến cũng đã được mở ra. Có thể nói, với đường hành lang chiến lược giữa Nam Tây nguyên nối liền với Đông Nam bộ đã nối được sự liên lạc giữa hai miền Nam - Bắc, nó là mạch máu giao thông quan trọng trong việc chi viện sức người và sức của từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam.

Đồng thời với việc hình thành và củng cố các đội giao thông liên lạc ở phía nam Lâm Đồng, cuối năm 1954, Ban cán sự Cục Nam đã tăng cường 8 đồng chí lên hoạt động ở Đà Lạt. Tại đây, tuyến giao thông liên lạc hợp pháp đường xe lửa Đà Lạt - Tháp Chàm (đã có trong thời kỳ chống Pháp) được củng cố và đưa vào hoạt động khá hiệu quả; đồng thời, nhiều cơ sở cách mạng và các tuyến giao thông liên lạc khác cũng đã được hình thành, trong đó đặc biệt là các tuyến Đà Lạt - Sài Gòn - Gia Định, Đà Lạt - Sài Gòn - Bình Dương. Tiếp theo là tuyến liên lạc giữa Đà Lạt với các hướng Liên Tỉnh ủy 3 và Liên Tỉnh ủy 4 cũng đã được nối thông. Về cơ bản, đến cuối năm 1960, các tuyến hành lang trong tỉnh đã hình thành và là mạch máu rất quan trọng trong kháng chiến chống Mỹ ở Lâm Đồng. Có thể nói, giai đoạn 1954 đến 1960 là thời kỳ củng cố lại tổ chức, phát triển lực lượng, chuẩn bị xây dựng đường hành lang chiến lược.

Từ 1961 đến 1965 là giai đoạn hình thành đường hành lang chiến lược Bắc Nam và củng cố các tuyến hành lang trong tỉnh. Trong giai đoạn này, cùng với việc nối thông đường hành lang chiến lược Bắc Nam, Liên khu ủy 5 còn

chú trọng mở phong trào và hình thành đường hành lang giữa Nam Tây nguyên với Cực Nam Trung bộ. Ở Tuyên Đức, nhận rõ vị trí và nhiệm vụ quan trọng của công tác hành lang, Tỉnh ủy đã thành lập Ban hành lang do đồng chí Nguyễn Xuân Khanh làm Trưởng ban. Hệ thống hành lang của Tuyên Đức gồm các tuyến: Đường hành lang chiến lược Bắc Nam nối từ trạm ở buôn Đắc Rbrun (nam Đắc Lắc) đi buôn Khang qua sông Krôngnô, chạy dọc theo sông Đạ Rmăng vào Lâm Đồng; đường hành lang từ Tỉnh ủy về Khu 6 đóng tại Bắc Brun; đường hành lang từ tỉnh xuống Bắc Ái (Ninh Thuận) từ Krông Phe Xuống Rô Men, Kon Đú, Đạ Cháy và Sông Trương. Như vậy là sau năm 1960, trên địa bàn hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng (cũ) ra đã mở được hai hành lang chiến lược Bắc Nam; đường hành lang về Ninh Thuận, Bình Thuận và hàng chục tuyến hành lang nội tỉnh. Quá trình mở hành lang đã khó, việc bảo vệ, đảm bảo thông suốt lại càng khó gấp bội lần.

Bị thất bại trong “chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang thực hiện “chiến tranh cục bộ” và ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Ở Lâm Đồng, địch tập trung quân càn quét vào những vùng ta mới giải phóng để dồn dân vào các ấp chiến lược xung quanh thị xã, thị trấn và dọc đường 20. Do vậy, Tỉnh ủy, T29 và các K đã bố trí một đồng chí trong cấp ủy phụ trách công tác hành lang, đội ngũ những người làm công tác giao bưu được tuyển chọn nhằm vừa đảm bảo số lượng vừa đảm bảo chất lượng.

Đến năm 1967, toàn tuyến hành lang ở Lâm Đồng được giao cho Tỉnh đội quản lý do đồng chí Nguyễn Xuân Du trực tiếp chỉ đạo và toàn bộ hệ thống hành lang trong tỉnh gồm bảy trạm được thống nhất thành đơn vị C267

hành lang. Sau hai cuộc phản công chiến lược bị thất bại nặng nề, đặc biệt là chiến lược “chiến tranh cục bộ” đứng trước nguy cơ bị phá sản, Mỹ và Ngụy ngày càng bị động, bế tắc. Nhằm phục vụ kịp thời các chiến sĩ hành lang hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng phải làm việc suốt ngày đêm. Từ việc đưa đón cán bộ, dẫn đường cho các đơn vị đến việc vận chuyển vũ khí, tải thương... đều có sự đóng góp đáng kể của hệ thống hành lang, giao liên và liên lạc hợp pháp.

Sau chiến thắng Mậu Thân của ta, đầu năm 1969, Mỹ tìm cách rút dần quân đội Mỹ khỏi chiến trường miền Nam Việt Nam nhưng vẫn duy trì chính quyền tay sai Sài Gòn. Trước những âm mưu, thủ đoạn mới của địch, Tỉnh ủy Lâm Đồng càng coi trọng công tác hành lang và thông tin liên lạc nhằm bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Lúc này, hệ thống đường hành lang của tỉnh được tổ chức thành 5 trạm: X44, X60, X61, X63 và X64 cùng với việc mở tuyến thủy dọc theo sông Đồng Nai lên Bến Cát (Phước Long) mỗi đêm có một chuyến xuôi và một chuyến ngược bằng xuồng máy. Nhờ củng cố các tuyến hành lang, công cuộc giải phóng miền Nam ở tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn này đã có được những thuận lợi hơn.

Trong những ngày cận kề tháng Tư năm 1975 lịch sử, Thường vụ Khu ủy Khu 6, Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tỉnh ủy Tuyên Đức xác định: Cùng với việc chủ động tiến công địch để phối hợp với các chiến trường, cần xác định rằng công tác hành lang đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thông suốt, đưa đón cán bộ, vận chuyển tài liệu và tin tức từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong một cách nhanh chóng, kịp thời và đảm bảo bí

mật, an toàn. Và, từ 28.3 đến 3.4.1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân hai tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức đã kết thúc thắng lợi. Như vậy, trong suốt 25 năm kháng chiến, hệ thống thông tin liên lạc của Lâm Đồng cùng các lực lượng khác đã vượt qua muôn vàn khó khăn góp phần vào thắng lợi chung của phong trào cách mạng địa phương.

Sau khi hai tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức được giải phóng, các chiến sĩ giao bưu và thông tin liên lạc đã nhanh chóng tiếp thu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chế độ cũ để lại, củng cố bộ máy tổ chức nhằm phục vụ kịp thời sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban quân quản và các cấp, các ngành trong tỉnh. Ngày đầu mới tiếp quản, cơ sở Bưu điện Lâm Đồng còn hết sức nghèo nàn: Chỉ có 1 trụ sở (16 Trần Phú - Đà Lạt), bốn bưu cục, hai tuyến đường thư cấp I Nha Trang - Đà Lạt và TP. HCM - Đà Lạt...

Qua hơn mười năm đổi mới, Bưu điện Lâm Đồng đã có bước phát triển không ngừng. Quan điểm của lãnh đạo Bưu điện tỉnh Lâm Đồng là: tranh thủ sự giúp đỡ, tạo điều kiện của chính quyền các cấp; tranh thủ sự đầu tư của Tổng Công ty Bưu chính viễn thông; đi thẳng vào hiện đại bằng việc mua sắm thiết bị của các hãng lớn; viễn thông đi trước một bước để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và phục vụ cho các ngành kinh tế khác phát triển; kỹ thuật luôn cập nhật; coi trọng yếu tố con người - nhân tố thành công của công cuộc đổi mới. Nhờ thế, sau những năm đổi mới, Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những thành tích cao trên các lĩnh vực về bưu chính, viễn thông và các mạng khác.

Về bưu chính, nếu như năm 1991 cả tỉnh chỉ có mười tám bưu cục thì đến năm 1998, con số này đã tăng lên

ba mươi lăm; bán kính phục vụ bình quân từ 13 km năm 1991 giảm xuống còn 10,2 km năm 1998 (với địa hình phức tạp như Lâm Đồng thì việc giảm bán kính phục vụ là một vấn đề hết sức khó khăn); mạng đường thư cấp 1 từ chỗ chỉ có 1 chuyển thư trong ngày nay nâng lên 2 chuyển mỗi ngày; đảm bảo cho các xã có báo đọc trong ngày; mở thêm các dịch vụ mới như điện hoa, EMS, chuyển tiền nhanh...

Tương tự, mạng viễn thông cũng không ngừng được hiện đại hóa: hệ thống chuyển mạch: 03 Host EWSD của hãng Bosch và Siemens của Cộng hòa liên bang Đức lắp đặt tại Đà Lạt, Bảo Lộc và Đức Trọng với 11 RUS, 15 tổng đài độc lập SDE, Starex DTS... có tổng dung lượng lắp đặt năm 1999 là 40.000 số, tốc độ tăng 68 lần so với năm 1991.

Ngay từ năm 1995, về mạng truyền dẫn đã có 100% trung tâm huyện được viba hóa, đáp ứng dung lượng đường truyền cho tất cả các vệ tinh. Đến cuối năm 1998 có 67 luồng E1 đưa vào khai thác; Bên cạnh, bưu điện tỉnh còn xây dựng tuyến trục cáp quang Đà Lạt - Đức Trọng - Bảo Lộc 155 Mbit/s SDH, hiện đang gấp rút nối thông tuyến trục liên tỉnh qua Đồng Nai đi TP. HCM...

Các mạng khác: mạng nhắn tin đã phủ sóng được hầu hết địa bàn tỉnh với ba trạm BTS và 350 thuê bao. Mạng điện thoại di động phủ sóng được Đà Lạt, Bảo Lộc và Đức Trọng với dung lượng gần 800 thuê bao. Mạng phone card với tám mươi điểm đưa vào năm 1998. Mạng Internet hiện có hơn ba trăm thuê bao...

Sự nghiệp giao bưu - thông tin liên lạc của Lâm Đồng đã trải qua một quá trình lịch sử vẻ vang với những thành tích hết sức to lớn, trong đó có cả sự đóng góp bằng máu

của không ít cán bộ, chiến sĩ của ngành. Ngày nay, những người làm công tác thông tin - bưu điện càng thấm thía hơn với câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó đảm bảo thắng lợi”.

VỀ NGUỒN

Ghi chép: THANH HẰNG



rước chuyên “Về nguồn”, chúng tôi đã được nghe giới thiệu về hoạt động giao bưu vận. Trong kháng chiến chống Mỹ, cùng với tuyến hành lang Bắc Nam là những hành lang, giao bưu khu vực, trong đó có khu 6, Tuyên Đức, Lâm Đồng. Hành lang giao bưu Tuyên Đức được hình thành vào khoảng năm 66-67. Hồi ấy, Mỹ Ngụy đang mở rộng chiến lược hai gọng kìm “Tìm diệt” và “Bình định”. Chúng lập ấp chiến lược, gom dân, khủng bố dã man phong trào cách mạng. Về phía ta cũng đẩy mạnh kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị. Một mặt du kích, các đội công tác cùng lực lượng vũ trang bám dân, bám ấp, diệt ác trừ gian. Mặt khác, ta tăng cường xây dựng, củng cố các cơ sở cách mạng trong nông dân, công nhân, trong tầng lớp trí thức, thanh niên học sinh, chuẩn bị cho một kế hoạch tổng tấn công. Đáp ứng tình hình cách mạng lúc bấy giờ, Ban giao bưu vận tỉnh (lúc đó do đồng chí Chế Đăng làm trưởng ban, đồng chí Nguyễn Bình làm phó ban, đồng chí Nguyễn Đức Ba

và đồng chí Trần Ngừ làm uỷ viên), đã quyết định tổ chức thêm một số trạm giao bưu nổi liền Thị uỷ Đà Lạt với tỉnh Tuyên Đức, với khu 6. Đó là các trạm T371 ở Đức Trọng, T376 ở Đơn Dương và T372 ở vùng tam giác giữa ba quốc lộ, ba huyện, thị Đà Lạt, Đức Trọng và Đơn Dương. Chính vì ở vị trí đặc biệt ấy mà trạm 372 trở thành nơi khó khăn nhất, gian khổ ác liệt nhất. Và nhìn lại thì đây cũng chính là một đơn vị hy sinh, mất mát nhiều nhất. Tám năm trụ bám ở đây, chín trong số mười bốn người của trạm đã hy sinh.

Chuyến này, cùng đi với chúng tôi có các anh chị từng sống, chiến đấu ở căn cứ tam giác. Anh Sơn ở Đội công tác; chị Lan, chị Tuyết ở Ban kinh tài. Đặc biệt có anh Hai, anh Chay, anh Đua là những người cuối cùng còn lại của T372. Anh Huỳnh văn Hai, hiện là Phó Bưu điện huyện Di Linh. Tôi đã nghe nhắc nhiều đến một anh Hai gan lì, nay mới được “kỳ hình” - một người tầm thước, nói năng hoạt bát, tác phong khoáng đạt, đúng chất Quảng Nam. Anh Chay (Lê Duy Hưng), cán bộ Thành uỷ đã nghỉ hưu. Anh Đua, tên thật là Cao Thi- người trạm trưởng cuối cùng của T372, sau giải phóng làm bưu điện mấy năm rồi nghỉ, giờ làm nhà vườn ở Thái Phiên. Các anh chị đều đã trên dưới năm mươi. Gặp nhau, chuyện cũ mừng mừng, tủi tủi, ngậm ngùi nhắc tên người đã khuất.

Từ Đà Lạt, chúng tôi ghé qua thôn Xuân Sơn, mọi người tíu tít thăm hỏi, thì ra Xuân Sơn vốn là hậu cứ của khu tam giác. Các gia đình ở đây đều là những cơ sở cách mạng, các mẹ, các chị đây đều là những người đã từng nuôi giấu cán bộ, bộ đội ta, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho căn cứ. Ít phút sau, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình, và từ đây mới bắt đầu một cuộc hành trình vất vả.

Chiếc xe jeep quật vào con đường rừng nhỏ hẹp, vốn là con đường của xe máy cày chở rau từ vườn ra. Chỉ một quãng ngắn là hết đường nên xe phải leo ngược lên đồi thông. Những đoạn dốc trơn trượt khiến bánh xe quay tít, cả đoàn xúm lại hò dô, chèn, đẩy. Qua những rừng thông, xe dừng lại, phía trước đã là rừng già âm u. Chúng tôi lội bỏ hết vạt cỏ tranh cao đến lưng người. Từng quãng đường đi qua như còn in dấu vết cằn cỗi năm xưa. Đến một bãi đất khá bằng phẳng gần suối, giờ đã thành vườn cà phê, anh Hai nói đây vốn là bãi khách. Vượt qua con suối, cả đoàn vào khu rừng già, lá cây ẩm mục xếp lớp dày dưới chân. Sắp tới chỗ ở của trạm và các ban rồi. Những đoạn hầm xưa, nay chỉ còn là dấu vết, nhưng các anh chi vẫn nhớ như in chỗ này hầm nấu ăn, chỗ kia nơi canh gác. Ba cựu giao liền nhảy xuống hào khoác vai nhau chụp chung kiểu ảnh. Nhân tiện tôi hỏi các anh có còn tấm hình nào ngày xưa không? Anh Hai cười lớn: Hồi đó chụp sao được, giao liền đi không dấu mà...Chúng tôi tiếp tục vào sâu, trong lúc băng rừng, thấy anh Hai tuy khập khiêng nhưng bước chân vẫn rất nhanh. Tôi tò mò:

- Chân anh bị thương năm nào vậy?

-Năm bảy tư. Chuyển ấy tưởng mất mạng. Thế mà...vẫn có cơ hội hôm nay lội rừng cùng nhà báo...!

Nói rồi anh tiếp tục sải bước, tôi cầm cuốc bước theo.

Lại gặp suối và rừng già. Một phần do thấm mệt bởi hành trình bằng “xe của bộ”, mặt khác có lẽ “Cảnh cũ, người xưa” khiến lòng mỗi người đều ngổn ngang tâm trạng nên cả đoàn chậm bước. Tôi cố gắng theo kịp anh Hai và tìm cách gợi chuyện. Câu chuyện trên chặng đường rừng tôi biết thêm: Huỳnh Văn Hai giác ngộ cách mạng và tham gia hoạt động trong nội thành Đà Nẵng. Cùng với anh khi

đó có cả anh Chay. Bị địch bắt đưa lên cao nguyên giam tại Trại cải huấn Đà Lạt. Năm 1972, anh Hai, anh Chay cùng 12 anh em khác được tổ chức bố trí trốn khỏi trại. Cơ sở đưa hai anh vào rừng và được bổ sung làm giao liên trạm T372. Anh Cao Thi về trạm trước đó hai năm. Anh gốc Huế, năm 1960 theo bà con trong làng vào Đà Lạt làm thuê ở Thái Phiên và đến năm 1969 - như cách nói của anh - lại "theo" vào rừng làm giao liên. Các anh cùng sống với nhau ở trạm cho đến ngày giải phóng. Gần ba chục năm rồi nhưng kỷ niệm về những ngày kháng chiến vẫn còn nguyên vẹn. Căn cứ tam giác này là nơi bọn Mỹ, ngụy thường xuyên lùng sục càn quét. Cả ba tuyến công tác của T372, tuyến nào cũng phải qua nhiều đèo dốc hiểm trở và nhất là đều phải vượt qua quốc lộ. Hướng về T371 phải qua QL 20 (đoạn Đình An - Hiệp Thạnh). Hướng Đơn Dương phải vượt QL 21 (đoạn Lạc Xuân, Lạc Nghiệp). Hướng đi Lạc Dương phải qua QL 11 (đoạn Hầm Xẻ - Dốc Đu). Các điểm vượt lộ thường phải thay đổi trong mỗi chuyến đi và xê dịch trong khoảng một cây số. Khó khăn và nguy hiểm nhất là những đoạn đường này đều có bốt gác của địch, kèm theo là mìn, lựu đạn gài dày đặc hai bên đường, muốn vượt đường thì phải đợi đêm về. Công việc đòi hỏi người giao liên phải nhanh nhạy, thông thuộc địa hình. Vừa đi vừa quan sát. Đoạn nào phân đoạn không có dấu hiệu địch phục kích thì đứng thẳng người băng qua. Đoạn nào gần lộ thì phải thận trọng nghe ngóng, vừa đi vừa dò dẫm, mất thời gian và vô cùng nguy hiểm. Trạm chỉ có năm, sáu người nên thay nhau đi thường xuyên, cứ một chuyến hai ngày. Đi hôm nay thì mai mới về lại trạm. Cùng có khi chia nhau đi hai tuyến cùng một lúc. Cứ có lệnh là đi. Công văn giấy tờ trong bóng gọn gàng trên

lung. Có chuyến chỉ đưa công văn giấy tờ, thì một hoặc hai giao liên đi với nhau. Có chuyến đưa đón khách (cán bộ hay các đội công tác) từ trạm này sang trạm kia, thì có khi đông cả chục người. Đi đường, nguyên tắc là không được theo đường mòn, cứ cắt rừng mà tiến. “ Quân lệnh như sơn”, mọi việc nhất nhất phải theo giao liên. Giao liên hô bỏ dép là tất cả chấp hành. Có chị cán bộ chân đau rất vẫn không dám kêu một tiếng. Giao liên đi một mình thì thôi, chứ đi đông phải trải ni-lông để vượt lộ, qua khỏi lại cuốn theo ngay, đảm bảo không để địch phát hiện hành lang của ta.

Gian khổ, thiếu thốn - Có khi đói đến mấy ngày, có khi cả tháng mới được một bữa no nhưng vẫn không một ngày bỏ trực. Trạm T372 cũng như các trạm giao bưu khác lúc bấy giờ, mọi người đều rất trẻ. Cao nhất cũng chỉ ba mươi, còn lại chỉ sần sần nhau, trên dưới hai mươi. Khó khăn, vất vả là vậy nhưng vẫn cứ vui, cứ hát, cuộc sống vẫn căng tràn niềm lạc quan yêu đời. Những trận càn, những trận tập kích mà đạn địch như trút lửa lâu dần rồi cũng quen. Nhiều khi địch vào càn, nó đằng trước, mình vòng lại đằng sau. Nó đi khỏi, mình lại tiếp tục nhiệm vụ. Anh em sống chết có nhau, gắn bó, nghĩa tình như ruột thịt. Vậy mà, tám năm trời, trạm phải chịu chín cái tang. Mỗi người mất đi, anh em trong trạm như mất đi một phần cơ thể. Sự tổn thất ban đầu của trạm là năm 1972 khi anh Trương Thành, hy sinh trong một trận địch tập kích. Không ai quên được người con trai Quảng Nam chân tình và luôn hết lòng vì mọi người. Anh là trạm trưởng đầu tiên và cũng là con chim đầu đàn của đơn vị, luôn nhận về mình những vất vả, khó khăn. Có lần dẫn một đoàn công tác, sau khi vượt qua Quốc lộ 21, tiếp tục qua sông thì cơn lũ ập tới. Trong dòng nước

cuộn chảy, anh như con cá kinh rề nước, đưa hết người này đến người khác qua sông an toàn...Anh nằm xuống bên con suối K'Rèn (xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng). Sau khi anh Thành hy sinh, thay anh làm trạm trưởng là anh Phạm Tấn Ngự. Cũng sinh ra ở quê biển Quảng Nam, anh là con người rắn chắc, xóc vác công việc. Tuy vậy, chỉ chưa đầy một năm sau, năm 1973, trong chuyến đi công tác một mình, trên tuyến đường 20 anh đã hy sinh trong khi đèn địa điểm giao trực.

Sang năm 1974, địch tăng cường quân đóng chốt tại khu tam giác Hồ Tiên, núi Chai hùng chặn đứng mọi hoạt động của trục hành lang. Về phía ta, do tình hình quân số thiếu hụt, hệ thống các trạm cũng phải thu hẹp lại. Hành lang nội tinh chỉ còn lại T378, T374, T371, T372 và T376. Tại vùng tam giác, nơi T372 đóng, địch phục kích và càn quét liên miên. Vào đầu năm nay, anh Đào Vinh - người Hà Nội là trạm trưởng thứ ba hy sinh. Chuyến ấy, khi đang trên đường từ T371 trở về cách trạm không xa thì anh bị phục kích. Tiếp theo, anh Lê Hùng Am, quê Thanh Hóa lên thay cũng hy sinh ngay sau đó ít lâu. Chuyến đi công tác cuối cùng của anh là tuyến đường 11. Lúc đó, sau khi đã giao trực, trên đường trở về thì gặp địch. Sau khi bắn anh chết, bọn chúng còn dơ man cắt tai, xẻo mũi anh đến không còn nhận dạng được.

Cuộc chiến ngày thêm phần ác liệt. Đến thời kỳ 1974, không còn người để bổ sung nữa nên biên chế của trạm chỉ có anh Đua (lúc này làm trạm trưởng thay anh Am), anh Hai, anh Chay và một vài người làm nhiệm vụ vận tải. Khi ấy, mỗi chuyến đi chỉ là một liên lạc. Không có ngày nghỉ. Đi suốt đêm và không kể hướng nào. Cứ về đến trạm là lại vội thu xếp cho chuyến tiếp. Ngày toàn thắng gần kề

nhưng vẫn chưa hết những mất mát. Máu vẫn đổ trên các tuyến đường giao liên. Chỉ trong mấy tháng đầu năm 1974, sau khi anh Vinh, anh Am hy sinh thì anh Chay, anh Hai lại bị thương lần lượt phải đi điều trị.

Nhưng rồi sự mong đợi đã đến. Đầu năm 1975, ta phản công mạnh trên các chiến trường. Tin chiến thắng liên tiếp dội về. Buôn Ma Thuột, Gia Lai, Lâm Đồng lần lượt giải phóng. Và ngày 3-4, tin ta chiếm Đà Lạt làm nức lòng chiến sĩ các đơn vị căn cứ tam giác. Ngày sáng 4-4, anh Hai và anh Đua đã kịp tiếp quản bưu điện Lạc Nghiệp (huyện Đơn Dương). Đến lúc này, có thể coi các trạm giao bưu văn, hành lang chiến lược đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Một vat rừng, một con suối lạnh buốt chân, rồi lại đến một khe núi, rừng già rậm rạp cây cối, dây leo chằng chịt. Đây chính là nơi mà ba chục năm về trước các đội công tác và các ban cùng với Trạm T372 đóng quân. Mọi người tản ra các nga, dò tìm những dấu vết còn lại. Những tiếng thì thầm, xúc động ... Hồi lâu chung tôi tìm ra một chiếc thùng sắt tây (dùng để đựng gạo) đã han rỉ và một cuộn dây nóc. Mọi người giải thích dây nóc có nghĩa là dây dùng để làm nóc nhà bằng ni lông. Anh Đua làm động tác căng lên chừng một mét - Thế, rồi vắt mảnh ni lông lên để có chỗ ngủ qua đêm. Thật là đơn giản - đơn giản đến mức khó hình dung nổi!

- Hồi đó sức chịu đựng của con người ta thật ghê gớm.

Một ai đó tiếp lời:

- Thì ai mà tin được ông Hai kia, cái chân gãy rồi ra mà vẫn lê lết bảy ngày trong rừng, tại sao nó không nhiễm trùng nhỉ.

Anh Hai lúc ấy mới lên tiếng:

- Tôi còn nhớ rõ hôm ấy 14-4-74 đi nổi trực và dẫn cán bộ về trạm hướng đông. Đêm bàn giao khách và nhận công văn xong, trên đường về, khi vượt qua Quốc lộ 11 thì vướng mình. Âm một cái. Tôi nhớ là nghe rất rõ, thế mới biết mình còn sống, nhưng nhìn lại thì chân phải gãy rồi. Nghĩ nghe tiếng nổ, thế nào chúng cũng mò đến thế là phải cố mà lết vào một bụi rậm cách xa chỗ đó. Ý như rằng chúng đến, lưng suc mãi không thấy gì, chúng bỏ đi. Cái chân gãy vừa đau vừa vướng, phải băng lại rồi treo lên cổ để bò.

Chân gãy mà chỉ có băng sơ rồi buộc lên cho đỡ vướng, nghe cứ như chuyện phịa, thế mà thật. Không những thế, mười ngày sau khi đưa vào Bệnh viện B57 của tỉnh để chữa trị thì dịch can vào, hô lý kéo anh chạy, thế là bung cả băng, cả nẹp ra, chân lại gãy lần nữa.

- Thế mấy ngày trong rừng anh ăn gì để sống?

- Lá rừng - Anh Hai bắt nắm lá tươi cạnh chỗ ngồi rồi nhát gừng - cứ lá đỏ, lá chưa chín mà ăn, đừng ăn quả ngọt dễ trúng độc lắm.

Suốt bảy ngày trong rừng, anh ăn lá cây, uống nước suối để chống chọi với tử thần. Lúc mọi người tìm được thì cũng là lúc anh đang lả đi vì đói, vì mệt và đau đớn. Anh Hai nằm điều trị ở B57 mất mấy tháng, sau đó trở lại trạm tiếp tục nhiệm vụ. Cái chân bị thương đã thành tật, phải đi cà nhấc.

Chiều mưa. Sương giăng trắng núi rừng. Lội ngược trở lại chỗ xe đỗ, đường về có vẻ dài hơn. Đất đỏ ba dan như nín kéo chân người. Chúng tôi thỉnh thoảng vẫn quay đầu, hưởng tầm mắt về khu rừng xanh ngấn ngát. Nơi ấy có T372 một thời hy sinh gian khổ trong cuộc sống và chiến đấu như mạch ngầm chưa khi nào ngừng chảy.

Đà Lạt, tháng 6 năm 1999

KHOI DÒNG THÁC CÁCH MẠNG ĐỔ VỀ MIỀN NAM

Ghi chép: KHẮC DŨNG



ừ một vùng rừng núi âm u, hiểm trở, một con đường đã được mở ra. Đó là đường hành lang chiến lược - mạch máu giao thông vô cùng quan trọng. Đó là tuyến đường để chi viện sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam, góp phần làm nên đại thắng mùa xuân 1975, thống nhất đất nước.

Tôi tìm gặp hai nhân vật quan trọng trong những ngày đầu mở đường hành lang chiến lược Bắc - Nam trên vùng đất Nam Tây Nguyên này: ông Nguyễn Xuân Khanh và ông Đinh Sỹ Uẩn. Ông Nguyễn Xuân Khanh nhớ lại: “Ngày ấy mới gian khổ làm sao! Nhưng, nếu không mở được con đường này thì chắc chắn cách mạng miền Nam gặp không ít khó khăn. Và thế là chúng tôi quyết tâm. Vì, như một nhận định trước đây, ai nắm được Tây Nguyên thì người đó thắng trong cuộc chiến tranh này!”. Còn ông Đinh Sỹ Uẩn thì nói: “Thực tế đã chứng minh rằng đường hành lang chiến lược chiếm giữ một vai trò to lớn trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam. Ở Tây Nguyên

nói chung và Tuyên Đức - Lâm Đồng nói riêng, trong giai đoạn này (cuối những năm 50 và đầu những năm 60), tuyến hành lang chiến lược đã góp phần không nhỏ vào việc đưa cách mạng miền Nam lớn mạnh, đủ sức đương đầu với thế lực thù địch”.

KHOI DÒNG CHẢY

Trước năm 1961, đường hành lang Bắc Tây Nguyên nối với cực Nam đã được xoi nhưng nó lại đi qua một hệ thống đồn bốt dày đặc, đi qua những khu trù mật và dinh điền vốn là hệ thống phòng thủ từ xa của bọn giặc nên không tiện cho ta trong việc chuyển quân, chuyển vũ khí, tài liệu... Đồng chí Bùi San đại diện Khu ủy vào Tây Nguyên chỉ đạo việc mở đường. Từ phía Quảng Đức, 13 cán bộ và chiến sỹ trong đội công tác của Liên Tỉnh ủy 4 (Gia Lai, Công Tum, Đăk Lăk và Quảng Đức) vượt sông Đạ Rmăng vũ trang tuyên truyền vào các buôn Păng Tang, Rnoi, Ròn, Krong Phe, Phiti Rbút, từ đó tiếp tục phát triển ra các buôn ở phía Tây huyện Đức Trọng. Cuối tháng 3 - 1961, đường hành lang trên địa bàn Đức Trọng nối với B5 và B7 đã thông suốt, và đã hình thành 5 trạm giao liên cùng một kho chứa hàng trên tuyến đường này.

Từ đây, ta tiếp tục mở phong trào xuống vùng Phi Liêng, Ba Ran, Păng Đơng, Păng Xim, Pi Á đến Rô Men và Păng Ting Đơng. Trước đó, cuối năm 1959, Liên Tỉnh ủy 3 tổ chức hai đội vũ trang tuyên truyền từ căn cứ Ninh Thuận có nhiệm vụ mở đường, xây dựng tuyến hành lang từ cực nam Trung Bộ lên Tây Nguyên qua hướng Đông Bắc và Đông Nam Đà Lạt do đồng chí Đinh Sỹ Uẩn phụ trách. Ngày 25-4-1961, đội công tác của đồng chí Năm Khanh

Ngày ấy...

(Nguyễn Năm Khanh) mở tuyến từ Tây Đức-Trung ương vùng Rô Mên, Pang-Ting Đông đã bắt được liên lạc với đội của đồng chí Đinh Sỹ Uẩn từ phía Ninh Thuận lên. Ngoài ra, từ trên tuyến hành lang chiến lược Bắc - Nam đi Đinh Xiết, Xa Nia vào đến Bù Cháp để nối với chiến khu Đ, trên địa bàn Lâm Đông còn “mọc” ra các nhánh đến các K và phân ban T14 với những tổ giao liên làm nhiệm vụ liên lạc về tỉnh và xuống các đội công tác. Như vậy, từ 1960-1962, trên địa bàn hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đông (cũ) đã hình thành hai đường hành lang chiến lược Bắc - Nam (một đường từ Quảng Đức vào Lâm Đông nối với chiến khu Đ và một đường từ Nam Đắc Lắc qua Tuyên Đức vào Lâm Đông), đường hành lang về Ninh Thuận và Bình Thuận, và hàng chục tuyến hành lang nội tỉnh.

ĐI, VỀ TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG BÍ MẬT

Ông Năm Khanh bồi hồi nhớ lại: “Với tôi nói riêng và với toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên tuyến hành lang ở Nam Tây Nguyên lúc đó, ngày 25-3-1961 là ngày không thể nào quên được!”. Thật vậy! Đó là ngày diễn ra một sự kiện có ý nghĩa vô cùng quan trọng: Đường hành lang chiến lược Nam Tây Nguyên đã thông suốt. Chuyến đón trực đầu tiên được thực hiện. Chuyến đi này gồm một đại đội và một số hàng chiến lược từ B5 (Đắc Lắc) đã vượt sông Krông Knô, vượt qua các trạm đến B7 an toàn tuyệt đối. Từ đó, hàng trăm chuyến đưa đón cán bộ, chiến sĩ, hàng hóa, tài liệu, thư từ... đã diễn ra trên tuyến hành lang này. Trong số đó có những cán bộ cấp cao có vai trò không nhỏ trong việc quyết định

thắng lợi của cách mạng miền Nam như các đồng chí Võ Chí Công, Trần Lương (Trần Nam Trung), luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Trương Chí Cương, Trần Lê, Bùi San, Nguyễn Minh Châu, Đồng Văn Cống... Cũng trên các tuyến đường bí mật này, giữa tháng 6/1961, đồng chí Nguyễn Xuân Du đã được các đồng chí Hà Huy Do, K'Brèo và K'Thét đưa từ phía nam đường 20 lên vùng căn cứ phía bắc để bắt liên lạc với các đội công tác từ Quảng Đức phát triển xuống, chuẩn bị các điều kiện để thành lập Ban Cán sự B7 - tiền thân của Tỉnh ủy Lâm Đồng sau này.

“Mở được đường đã khó, giữ được bí mật, an toàn trên tất cả các tuyến đường lại càng khó” - ông Đinh Sỹ Uẩn nói. Trên các tuyến hành lang, không phải lúc nào cũng được suôn sẻ trong các chuyến đưa đón khách và hàng. Ở đó đòi hỏi rất cao sự mưu trí, dũng cảm, linh hoạt của từng cán bộ, chiến sĩ hành lang. Ví như, những lúc vượt qua đường 20, đường 8, các chiến sĩ giao liên phải liên tục theo dõi để nắm được quy luật hoạt động của địch, lợi dụng sự sơ hở của địch để đưa quân, đưa hàng chiến lược qua đường. Ông Đinh Sỹ Uẩn kể lại: “Trần Ngừ là một cán bộ hành lang rất mưu trí. Anh có tài cắt đường (cắt rừng) khó có ai có được. Với tài cắt đường của mình, khi bị địch phục, Trần Ngừ tìm mọi cách để đưa đoàn về bằng con đường khác một cách an toàn, bí mật và bất ngờ nhất. Trần Ngừ là con người của công việc: Về đến trạm là anh lao ra rẫy để sản xuất lương thực - lương thực lúc bấy giờ có ý nghĩa vô cùng quan trọng!”.

NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN

Khi tôi hỏi về những kỷ niệm trong những ngày đầu

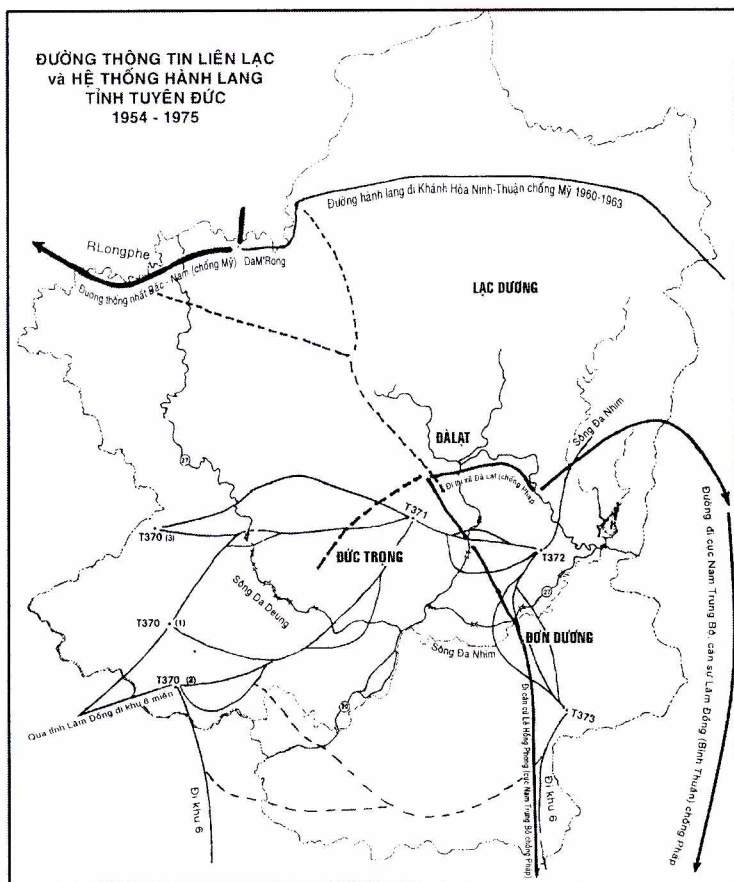
mở đường hành lang chiến lược Bắc - Nam, ông Năm Khanh nhớ lại: “Lúc đưa đồng chí Võ Chí Công đi qua con đường này để về Trung ương cục một cách an toàn, đồng chí ấy đã tâm sự một số vấn đề. Tôi không nhớ nguyên văn, đại ý đồng chí đã nói: Mở được con đường này là vĩ đại lắm. Mở được nó là nhờ vào dân. Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên tốt quá. Ta dựa được vào dân như thế này dứt khoát là thắng Mỹ.

Và ông đã kể cho tôi nghe về những ngày đầu mở đường vô cùng gian khó ấy: Những năm đầu 60, hệ thống chính quyền ngụy tuy đã vươn tới các buôn làng nhưng mới chỉ là hình thức. Lúc ấy, trong các buôn làng Nam Tây Nguyên về cơ bản là những “vùng trắng” - cách mạng chưa thâm nhập nhiều, hệ thống chính quyền của địch chỉ là hình thức. Do vậy, đồng bào còn quá xa lạ với các khái niệm “cộng sản”, “chiến sĩ giải phóng”, “cách mạng”... Thế nhưng lạ thay, với cụm từ “anh bộ đội Cụ Hồ” thì ai cũng cảm thấy thân thiết, gần gũi. “Bọn tôi từ Đắk Lắk sang Tuyên Đức - ông Năm Khanh kể, vào các buôn làng, mọi người đều chạy tán loạn, nhất là phụ nữ. Chỉ có người già là dè dặt đứng lại tiếp chuyện. Anh hỏi vì sao phụ nữ bỏ chạy ư? Phụ nữ người thiểu số lúc bấy giờ đều cởi trần, chỉ mặc khố. Họ nghe địch tuyên truyền rằng cộng sản là những người chuyên hãm hiếp phụ nữ, xong, lấy kim rút móng tay, móng chân của họ. Do vậy, chúng tôi phải nói với người già rằng: “Không! Chúng con là bộ đội cụ Hồ! Chúng con về đây để giải phóng Tây Nguyên, trả Tây Nguyên cho đồng bào mình. Chúng con là người Kinh. Mà, Kinh với Thượng là một!”. Người già dần nghe ra. Và chúng tôi thực hiện ba cùng: Cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Dần dần, họ tin tưởng ở chúng tôi. Có người đã hỏi: “Bác

Hồ ở miền Bắc có khỏe không? Khi nào thì Bác Hồ vào đây giải phóng Tây Nguyên?”. Chúng tôi trả lời: “Bác Hồ vẫn khỏe. Vì nhiều việc quá, Bác chưa vào đây được, chỉ cử bộ đội vào đây giải phóng Tây Nguyên!”. Và thế là họ tin ở bộ đội Cụ Hồ. Rồi ông kể tiếp: “Có lần đưa một đoàn bộ đội đi qua đường dây những các trạm đều cạn lương thực. Thế là hàng trăm gói lúa được huy động. Rồi nữa, bộ đội chuyển vũ khí qua sông, không có thuyền (độc mộc) to. Thế là bà con xúm lại chặt gỗ làm thuyền.

“Không có dân, đường dây sẽ vỡ, cách mạng không thể thành công!” - ông Đinh Sỹ Uẩn khẳng định. Trong câu chuyện của hai vị cách mạng lão thành này, hình ảnh một người phụ nữ dân tộc thiểu số ở Păng Tang tên là Heng đã hiện ra rất đẹp: chị là người đầu tiên ở Păng Tang được anh em đường dây bắt liên lạc và xây dựng thành một cơ sở rất đáng tin cậy. Chị đã giúp đội công tác mở phong trào xuống Đức Trọng. Khi hành lang đi qua, chị là người động viên anh em thanh niên trong làng thoát ly ra phụ trách hành lang. Bộ đội qua trạm thiếu lương thực, chị đã huy động hàng trăm ký gạo để ủng hộ anh em. Đích thân chị là người nhiều lần lo cơm nước cho bộ đội khi đến trạm. Có trường hợp anh em bị hy sinh thì chị vừa động viên gia đình và vừa tổ chức chôn cất. Mặc dầu không phải là giao bưu nhưng chị đã từng cất đường và cùng chồng dẫn đoàn đi một cách an toàn. Về sau, chị thoát ly và là cán bộ phụ nữ của huyện Đức Trọng. Hiện nay chị Heng đang sống tại xã Rô Men, huyện Lâm Hà.

Trước khi chia tay, ông Năm Khanh lại một lần nữa lưu ý tôi: “Trong việc mở đường hành lang chiến lược, vai trò của nhân dân, nhất là nhân dân các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, là rất lớn. Cái gốc của vấn đề là nhân dân. Không có nhân dân, đường dây không thể tồn tại!”.



NHỮNG NGƯỜI LÍNH GIAO BƯU ĐẦU BẠC

Ghi chép: THU HIỀN



hi biết chúng tôi đi tìm nhân chứng để viết tập sách truyền thống cho ngành Bưu điện, đại tá Trần Tấn Công - nguyên thị đội trưởng Thị đội Bảo Lộc thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nay đã là một cựu chiến binh đầu bạc, ông xúc động nói với chúng tôi rằng: Sáng kiến của ngành bưu điện rất hay, bởi trong vận hội mới của đất nước, với bao nhiêu công việc phải làm ở trước mắt, nhưng nếu chúng ta không nhớ và nói về những ngày đã qua, thì sẽ có tội với lịch sử, với con cháu của chúng ta và cả thế hệ sau này, nhân chứng của một thời “mở đường” còn nhiều lắm.

Theo địa chỉ của người đại tá cựu chiến binh này, chúng tôi đi Lộc Nga (Bảo Lộc) tìm đ/c Châu; đi Lộc An (Bảo Lâm) tìm đ/c Phúc; đi Madagui (Đạ Oai) tìm đ/c Thanh, đ/c Hòa; đi Đạ Tẻh tìm đ/c Ba Đen... và dù tôi đã có rất nhiều dịp tham dự các buổi họp mặt đầy cảm động với các bậc lão thành cách mạng, nhưng có lẽ buổi gặp gỡ gần gũi với những người lính giao bưu “đầu bạc” của

thời kháng chiến - những người đã từng “xoi đường, nối thông hành lang thống nhất Bắc - Nam” để lại trong tôi nhiều ấn tượng đẹp nhất.

Những con người mà một thời tên tuổi của họ đã gắn liền với từng đoạn đường, từng khúc sông, từng ngọn núi thân yêu của Tổ quốc, nay còn lại không nhiều và phần lớn họ lặng lẽ với cuộc đời thường bên mảnh vườn và đàn con, cháu. Dù ở đâu, cương vị nào nhưng khi nhận được thư của chúng tôi mời đến gặp mặt, để kể lại “một thời mở đường” của mình, các ông đều vui vẻ nhận lời và đều đến rất đúng hẹn. Có thể bây giờ tuổi tác có chênh lệch nhau, công ăn việc làm mỗi người một khác, nhưng điều ấy chẳng phải là lý do để họ xa cách nhau. Gặp được nhau, họ lại gần gũi như một thời đã sát cánh trên cùng một chiến hào.

Cảm động nhất là hình ảnh ông A Ma Hòa - thật ra tên của ông là Bùi Đình Quảng, nhưng ông rất tự hào với cái tên A Ma Hòa mà đồng bào đã đặt cho ông trong kháng chiến - ngày nay do tuổi cao, sức yếu đã làm cho ông đi lại khó khăn hơn, nhưng đã ở cái tuổi 76 rồi mà đầu óc ông lại rất minh mẫn, ông đã nhớ đến từng chi tiết những cuộc hành quân mở đường vào Nam cách đây 39 năm. Gặp lại những đồng đội cũ, ông run run nắm tay từng người một, trong đôi mắt đục mờ của ông tôi thấy long lanh giọt lệ. Có lẽ, trong lòng ông muốn nói nhiều lắm với những người đã cùng một thời với mình “cơm nắm, măng rừng, đốt cỏ tranh ăn thay muối”, nhưng miệng chỉ lặp đi lặp lại mỗi câu: “sao, khỏe không, làm ăn được chứ?”. Còn ông Nguyễn Ngọc Thanh - người đội trưởng “đội băm đường” thì nói rất ít, ông cứ ngậm ngùi về sự hy sinh của anh em trong đội khi làm nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho

khách (cán bộ - chiến sĩ qua lại trên đường dây), bảo vệ bí mật cho đường dây.

Đội của ông chịu trách nhiệm bám quốc lộ 20 (nên được đặt tên là đội bám đường) và đưa đón an toàn các đoàn khách từ trung ương về cũng như từ tỉnh, từ khu về trung ương. Đội chỉ có 8 anh em, nhưng không khi nào được ở chung với nhau trọn vẹn cả 8 người, 4 người này về đội thì 4 người khác lại phải lên đường. 11 năm “bám đường” (1964-1975), đội của ông đã đưa đón an toàn hàng chục ngàn lượt cán bộ - chiến sĩ qua lại, vận chuyển hàng chục tấn công văn, tài liệu, hàng hóa về căn cứ an toàn. Đã 29 năm trôi qua, vậy mà ông cứ nghẹn ngào khi nhớ về chuyến vượt đường 20 năm ấy - năm 1970:

“Chuyến ấy, chúng tôi đã được cơ sở báo trước cho biết có địch phục kích, nhưng không cách nào móc nối liên lạc kịp với đơn vị bạn bên kia đường, vì thế cho nên bất cứ giá nào chúng tôi cũng phải đến địa điểm cũ để đón đoàn cán bộ đi công tác từ Trung ương về hơn 50 người, trong đó có các đồng chí cán bộ cao cấp của Khu 6. Để bảo vệ an toàn cho khách và cho đơn vị bạn, hôm ấy chúng tôi đã xuất quân sớm hơn mọi ngày, chuẩn bị tinh thần cho anh em kỹ hơn, đó là những giây phút căng thẳng nhất, tình cảm nhất, cảm động nhất trong cuộc đời làm giao liên của chúng tôi... Vì biết cái chết ở trước mặt thế mà ai cũng xung phong đi chuyến công tác ấy, cuối cùng trách nhiệm nặng nề đó cả đội đã phân công nhau cùng gánh vác.

- Hôm ấy, cuộc chiến đấu diễn ra thật ác liệt - ông Thanh kể, tôi không thể tả lại cái ác liệt ấy, nhưng nhờ có sự hỗ trợ kịp thời của đơn vị bộ đội nên cuối cùng chúng tôi đã đón an toàn cả đoàn khách, nhưng nhiều đồng đội

của chúng tôi đã nằm lại, chưa khi nào đội lại phải bổ sung quân số đông như năm ấy.

Tôi cũng lặng đi theo sự im lặng của ông, nhìn nét mặt đau đớn của ông, tôi thật sự không dám hỏi thêm điều gì nữa. Qua tìm hiểu, tôi được biết thêm:

“Đội bám đường” của ông thuộc trạm giao liên F2, đoạn đường mà đội phụ trách rất ác liệt vì địch đóng rất nhiều đồn bót, phát quang cây cối cả hai bên đường và gài đặt đủ các loại mìn để khống chế giao bưu đi lại, khống chế sự vận chuyển vũ khí, lương thực vào vùng căn cứ. Đội có 8 người, nhưng năm nào cũng phải bổ sung thêm từ 1-3 người mới đủ quân số, vì vài tháng lại có anh em hy sinh! Khi hỏi đơn vị ông có được khen thưởng gì trong thời kỳ ấy không? Ông Thanh đã cười rất hiền “ồ, lu bù, khen đơn vị, khen cá nhân nhiều lắm không sao nhớ hết, chỉ nhớ là lúc nào cũng được khen là hoàn thành nhiệm vụ”.

Thời gian buổi gặp gỡ ngắn ngủi ngày hôm ấy không đủ để các vị giao bưu lão thành tóm lược lại từng giai đoạn mở đường, giữ vững đường dây mà mình là nhân chứng. Dù vậy khi được nói, các ông lại dành hết thời gian nói về đồng đội của mình, về những người bạn chiến đấu đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường, về những ước mơ của họ cho ngày đất nước được hoàn toàn thống nhất.

Năm tháng sẽ qua đi, những con người đã từng gắn bó cả cuộc đời với số phận của từng cung đường, từng trạm giao liên trên chiều dài của đất nước, rồi cũng sẽ ra đi theo quy luật của tự nhiên. Con cháu chúng ta sẽ hiểu gì về những ngày hào hùng ấy, nếu chúng ta không ghi chép lại? Trước khi chia tay chúng tôi ra về, những người lính giao bưu đầu bạc đã dặn dò như thế!

T371, NHỮNG ĐIỀU CHƯA NÓI HẾT

Ghi chép: KHẮC DŨNG



ôi tìm đến một quầy điện thoại công cộng ở gần lối đi vào chợ Đà Lạt để gặp người Trạm trưởng T371 ngày nào. Tôi mời anh đi uống cà phê nhưng ngặt nỗi là không có ai trông điện thoại. Anh bảo: “Thông cảm! Anh em ta ngồi tạm bên vệ đường này để trao đổi, nhé!”. Âm ào tiếng xe và tiếng người. Thỉnh thoảng anh lại nhấn số để “nối mạch” cho khách hàng của mình. Tôi để ý tới một cô gái chừng trên hai mươi tuổi: Cô vô tư cầm ống nghe và thoải mái nói cười bằng đôi môi khá rục rờ. Những đồng tiền gọi là cước phí đàm thoại lạnh lùng đến khó chịu từ nơi khách hàng trao cho anh -ông... chủ! Câu chuyện giữa chúng tôi thường hay bị ngắt quãng vì những cú điện thoại. Nhưng không sao, trong câu chuyện đó, tôi nhận ra vẫn còn không ít điều chưa nói hết về một trạm giao bưu ngày ấy mà anh là Trạm trưởng - Trạm giao bưu T371.

Anh Nguyễn Hữu Hào - Trạm trưởng Trạm giao bưu T371 - vào đề bằng một câu nói nghe có vẻ rất kinh điển:

Có gì đâu! Chuyện chiến tranh ấy mà!”. Tôi chớp lấy cơ hội: “Thì tôi cũng chỉ muốn nghe chuyện thời chiến tranh của T371 mà thôi”. Và anh kể...

T371 - MẠCH MÁU LIÊN LẠC CỦA THỊ ỦY ĐÀ LẠT

Khoảng đầu năm 1966, tại khu vực Suối Cát, Đà Lạt, Trạm giao bưu T371 của Thị ủy Đà Lạt được chính thức thành lập. Gọi là một trạm và có địa bàn hoạt động khá rộng nhưng biên chế lúc đầu của T371 chỉ có 3 người do đồng chí Nguyễn Đức Ba làm Trạm trưởng. Mãi đến tháng tư năm 1967, Thị ủy Đà Lạt mới tăng cường cho Trạm 3 đồng chí là Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Hữu Đăng và Chế Thanh Tùng. “Lúc bấy giờ tôi là Trạm phó - anh Hào kể lại - Đến 1972, cấp trên điều anh Ba về Ban Hành lang tỉnh Tuyên Đức. Tôi lên làm Trạm trưởng từ đó cho tới ngày giải phóng”. Anh Hào kể về T371 cho tôi nghe khá dài. Nhờ thế cho nên tôi phần nào hình dung được đó là mạch máu thông tin liên lạc không thể thiếu được của Thị ủy Đà Lạt lúc bấy giờ.

T371 có nhiệm vụ nối liên lạc từ Thị ủy về Trạm giao bưu tỉnh và ngược lại, nối với T372 (khu Tam giác); đồng thời nối với các đơn vị phía dưới và với các đội công tác như đội công tác Tây Bắc, hướng Nam thị, hướng Quang Trung, Quảng Hiệp, Định An... địa hình hoạt động của T371 lúc bấy giờ khá phức tạp: rừng già, núi non hiểm trở, quân số lúc cao nhất không đến năm người! Trong khi đó, trung bình 3 ngày là Trạm có một phiên trực, lại luôn là tiền tiêu của Thị ủy và “tọa độ” của kẻ địch. Đó là chưa kể chuyện chạy thư hỏa tốc, đưa cán bộ theo lệnh của cấp trên...

SỰ HY SINH

Anh Hào kể cho tôi nghe: “Chỉ từng ấy năm nhưng Trạm của chúng tôi hy sinh đến những sáu đồng chí. Đó là các anh Vạn, Hy, Hiền, Chương, Thọ và Hồng. Có đồng chí trước lúc đi công tác, biết mình có thể không trở về được nói với anh em ở nhà về chỗ cất giấu ba lô, tài liệu của mình nhằm phòng khi bất trắc. Tội lắm...”. Chuyện trong chiến tranh của T371 khó kể hết ra đây, tuy nhiên không thể không kể hai câu chuyện này:

Đó là một ngày của năm 1973. Một đoàn cán bộ của Thị ủy gồm 9 người cùng với 2 cán bộ của T371 về công tác tại Định An. Màn đêm buông xuống khá nhanh. Sương giăng khắp nẻo rừng thông. Tứ bề yên vắng. Đoàn người khởi hành. Hai cán bộ giao bưu của T371 đi trước dẫn đường. Năm phút, rồi mười phút. Thời gian theo tính toán rất đảm bảo. Sắp đến “cơ sở” của ta ở Định An.

Đã nhìn thấy mật hiệu. Người của ta ở cơ sở đang đón. Mọi công việc được tiến hành một cách suôn sẻ. Thời gian đúng theo như dự tính. Đã đến giờ trở lại Thị. Đoàn người quay về theo hướng đã đến. Đêm vẫn dày như bưng. Chỉ thoáng hoặc một cơn gió nhẹ trườn qua. Và vẫn lặng lẽ hai cán bộ của T371 đi trước dẫn đường. Bất ngờ một trái mìn nổ. Không! Không chỉ nổ một trái mà nhiều, rất nhiều! Thì ra địch đã phát hiện ra lối đi của ta chúng đã cài mìn. Chín đồng chí hy sinh. Trong đó có hai người là cán bộ của Trạm giao bưu T371 là Chương và Hồng.

Và còn một câu chuyện này nữa: Sau năm 1966, T371 nhận một cán bộ tên là Nguyễn Văn Vạn. Chỉ thỉnh thoảng anh em trong Trạm mới được nghe Vạn kể rằng: “Quê mình ở Bình Định. Nhà nghèo lắm, nên mình mới vào Trại Hầm (Đà Lạt) chăn bò thuê. Và một hôm mình đã

gặp cách mạng...”. Câu chuyện giữa tôi và anh Nguyễn Hữu Hào lại bị ngắt quãng bởi một cú điện thoại. Lại là cô gái ấy! Cô gái vẫn vô tư cầm ống nghe...

Nhấn số cho cô gái xong, anh Hào trở lại câu chuyện: “Vạn hy sinh trong chuyến công tác cùng đi với tôi. Đến tận bây giờ vẫn chưa làm được thủ tục báo tử. Bởi một lẽ đơn giản là không ai biết được tông tích của anh ấy!”. Ngày đó, nhằm đảm bảo cho hoạt động, nguyên tắc được đưa ra là không ai được... biết nhiều về nhau! Cũng như vậy, anh Hào chỉ biết về người đồng đội của mình là Nguyễn Văn Vạn chỉ có thế.

Hôm đó, hai anh Vạn và Hào nhận nhiệm vụ chuyển một số công văn, tài liệu và đưa một đoàn cán bộ về Trạm T372. Xong nhiệm vụ, hai anh em trên đường trở về thì bất ngờ gặp sự cố: Đêm, hai người ngủ lại ở Đồi đá Vũ Linh (nay là núi Voi, Đà Lạt). Sáng sớm hai người băng qua đồi Bù để về Thị ủy. Giữa rừng gặp một nhóm “giải phóng quân”, khoảng một trung đội. Bất ngờ nhóm “giải phóng quân” giương nòng súng về phía hai người. Vạn và Hào đổ người xuống vực. Những tiếng nổ xé tan bầu trời yên tĩnh buổi sớm mai. Gặp biệt kích rồi! Ánh mắt của hai người nhìn nhau nhằm xác định đối phương. Anh Vạn hy sinh.

“Khi thoát thân tìm đường về đến Trạm, tôi thông báo ngay với anh em - anh Nguyễn Hữu Hào tiếp tục câu chuyện - Trở lại đồi Bù, bọn tôi tìm xác của Vạn để chôn cất. Mãi đến đầu năm 1999 vừa rồi chúng tôi mới đưa được hài cốt của Vạn về Nghĩa trang liệt sĩ. Ai là thân nhân của anh ấy, đến giờ cũng chưa ai biết được. Và, chưa chắc gì người thân của anh Vạn biết được rằng Vạn đã theo cách mạng và đã hy sinh”.

CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI NHẮC LẠI

Cô gái lại quay trở lại gọi điện thoại và để rồi móc ví lấy ra những đồng tiền lạnh lùng. Câu chuyện giữa tôi và anh Nguyễn Hữu Hào lại bị ngắt quãng...

Với tay xắn ống quần, anh Hào chỉ vào vết thương: “T371 có đến sáu người hy sinh. Ba người còn lại thì cả ba đều đang hưởng chế độ thương binh. Có lần... chuyện lâu rồi, nhưng mà vui miệng thì cứ kể cho anh nghe...”. Chuyện là thế này:

Theo lời anh Hào, T371 là cánh cửa để bước vào Thị ủy Đà Lạt. Định muốn tấn công Thị ủy thì trước tiên phải đánh vào T371. Bởi thế, Trạm giao bưu T371 bị tập kích là chuyện thường xuyên. Nhưng có một lần... người Trạm trưởng giao bưu T371 ấy trầm ngâm: “Hôm đó, Trạm chỉ còn lại hai người. Định vào và bất ngờ nổ súng. Tôi và đồng chí Hiền - hai người còn lại ở Trạm - chỉ kịp vợ lấy bó tài liệu rồi... biến! Còn hai khẩu súng của hai anh em thì chịu, không kịp lấy mang theo. Và bởi vậy, chúng tôi bị kỷ luật! Chiến trường mà!”.

Tôi hỏi: “Nhưng thành tích của T371 là không nhỏ?”.

Anh Hào cười: “Tất nhiên rồi. Nhưng chuyện cũng đã quá lâu”! Tôi gắng mãi, anh Hào mới nhớ lại:

Khoảng năm 1972, tỉnh có đặt vấn đề với Thị ủy nên tặng thưởng Huân chương hạng hai cho T371. Nhưng mãi đến ngày giải phóng vẫn chưa thực hiện được. Tôi hỏi: “Năm ấy ít nhất có một cuộc họp? Và cho đến lúc này, ai là người còn sống?”. Người Trạm trưởng nhú mồm: “Hôm đó anh Ngọc là người chủ trì cuộc họp. Lúc ấy, anh Ngọc là Ủy viên Ban Hành lang khu 6. Anh Ngọc hy sinh năm 1974. À, tôi còn nhớ ra nữa đây rồi: Cùng dự họp còn có anh Lê Thành Dũng - Thị ủy viên phụ trách T371. Sau

Ngày ấy...

giải phóng, anh Dũng có thời từng là Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt. Mà thôi, chuyện thời chiến tranh ấy mà!”. Vâng, đành rằng là thế, đành rằng là chuyện của thời chiến tranh, nhưng...

Cô gái nọ vẫn vô tư cầm ống nghe. Hình như cô gái không để ý gì đến câu chuyện giữa tôi và anh?

T.378 - NHỮNG DẤU ẤN CÒN LẠI.

Bút ký: CHÍ HIẾU



heo chân những cán bộ “đường dây” của Ban hành lang tỉnh Tuyên Đức và Trạm giao liên T.378, chúng tôi trở về vùng căn cứ cách mạng của tỉnh. Trong chiến tranh, từ thành phố Đà Lạt xuống vùng căn cứ này phải đi bộ ròng rã hơn tuần lễ, qua 4 trạm giao liên và phải vượt không biết bao nhiêu núi cao, sông suối. Nhưng hôm nay, chỉ trong một buổi sáng, lúc đi xe, lúc lội bộ (vì chỉ có chiếc jeep lùn mới chạy được trên con đường này, mà đoàn đi có tới mười bảy người nên chiếc jep phải “tăng bo” nhiều đoạn), chính xác là chúng tôi chỉ lội bộ khoảng 4 - 5 cây số là đã đến chân núi Tà Đùng - nơi đóng quân của T.378 và Ban hành lang tỉnh Tuyên Đức

Do khá lâu không trở lại, mà cả vùng căn cứ hôm nay cũng đã khác xưa, không còn những cánh rừng già nữa mà đồng bào đã phát rẫy, trồng bắp, trồng cà phê lên um tùm, xanh ngát. Địa hình đã thay đổi quá nhiều khiến cho những người giao liên kỳ cựu, những thổ công của vùng đất này một thời cũng phải chịu lạc đường. Bác Chế Đặng,

năm nay 76 tuổi, suốt chặng đường luôn vượt lên dẫn đầu đoàn, đến nơi cả đoàn “về nguồn” lại phải chờ bác đi gặp đồng bào để hỏi thăm đường. Sau khi trao đổi với bác Chế Đăng, một già làng của buôn Bàng Dung (xã Phi Liêng, huyện Lâm Hà) đã sốt sắng dẫn chúng tôi đến nơi có mạch nguồn của con suối mà theo ông khi đưa gia đình về định cư, nơi đây vẫn còn nhiều dấu vết của cách mạng để lại.

Càng đi vào sâu, các anh chị nguyên là giao liên của T.378 càng reo lên “Đúng rồi! Đúng nơi đây rồi!”. Sau câu nói ấy, tôi thấy chị Nguyễn Thị Hiếu bươn lên phía trước dẫn đường, rồi chị Nguyễn Thị Thuận, Thái Thị Hoa, các anh Nguyễn Khánh Thanh, Trần Khải Minh cũng lên theo. Các anh chị vui như những người con đi xa lâu ngày được trở về nhà. Riêng hai vị lão thành cách mạng: Nguyễn Bình và Nguyễn Đức Ba - nguyên là cán bộ hành lang của tỉnh Tuyên Đức thì nét mặt lại buồn và trầm lắng hẳn. Tôi nghi ngờ địa điểm này không phải là căn cứ cũ nên đến gần và hỏi chú Bình:

- Đúng không chú, sao chú buồn vậy?

- Đúng rồi. - Người cán bộ hành lang năm xưa chậm rãi nói - Chính tại nơi đây, ngày 1/5/1974 hai đồng chí giao liên Nguyễn Hồng Lập và Phan Thi Luông đã hy sinh. Luông ở Bình Thuận, còn Lập ở tận Vĩnh Bảo - Hải Phòng, cả hai đứa hy sinh khi còn rất trẻ! Đã hơn 25 năm trôi qua, nhưng thời gian càng lùi xa cái nhớ trong tôi càng in rõ. Mỗi lần nhớ lại thấy muốn khóc nhớ thương tui nó.

Tôi hiểu được nỗi buồn của người cán bộ giao bưu máu đầu đã bạc trắng này khi ông trở lại chiến trường xưa, trước những dấu ấn còn đậm tình đồng đội, những kỷ niệm cả một thời trai trẻ của mình.

Trở về với “một điểm nóng” của chiến tranh, dù sao cũng chưa bị thời gian xếp thành “chuyện cổ tích” như một số người vẫn thường nói. Những hiện vật của một thời gian khổ và ác liệt còn đó, những chứng nhân lịch sử vẫn còn, đã gọi lại cho các anh chị Giao liên - những người đã từng gắn bó máu thịt với mảnh đất này biết bao điều suy nghĩ. Anh Nguyễn Khánh Thanh - người có mặt đầu tiên ở T.378 từ những ngày đầu mới thành lập đã kể lại cho chúng tôi nghe về những trường hợp hy sinh của anh em trong trạm: Từ Trạm trưởng Lê Hồng Gấm, Trạm phó Trương Minh Thành, đến các giao liên Nguyễn Hữu Đăng, Trần Út, Hà Ngọc, Phan Thị Luông, Nguyễn Hồng Lập... chỉ mới được thành lập từ tháng 3/1968 thôi, mà trạm giao liên trong căn cứ này đã mất mát nhiều như vậy đó.

- Nói T.378 là trạm căn cứ, nhưng tính chất ác liệt chẳng kém những trạm khác đâu. Bác Chế Đặng kể - Giai đoạn 68 - 74, càng thua đậm ở tiền tuyến, địch càng thường xuyên tập trung lực lượng càn quét với quy mô lớn ở hậu cứ nhằm đánh phá cơ quan đầu não của ta mà giao bưu luôn là điểm đầu phải gánh chịu.

Trong suốt những năm 68 - 75, lúc ở chung với Ban hành lang, lúc thành một đơn vị độc lập, trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào T.378 cũng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Gần 8 năm gian khổ ấy, T.378 đã đưa đón hàng ngàn lượt cán bộ, nhận và gửi hàng tấn công văn, tài liệu, thư từ về khu, xuống thị và các đội công tác an toàn. Anh Trần Khải Minh kể lại những năm tháng anh em T.378 sống và chiến đấu ngay trên khu căn cứ này:

- Đến năm 1974 T.378 chỉ còn lại sáu anh chị em do anh Lạc làm trạm trưởng, chị Thuận làm trạm phó. Lực

lượng mỏng, vũ khí ít nhưng T.378 phải đảm nhận ba tuyến liên lạc: về Tỉnh ủy, nối với trạm Đức Trọng để liên lạc với Thị ủy Đà Lạt và hướng đông, nối với trạm Lâm Đồng để liên lạc với Khu 6 và Trung ương cục. Mỗi tuyến đường do hai giao liên đảm nhận, mỗi chuyến công tác anh chị em phải đi hết hai ngày một đêm. Sống chết như trở bàn tay, mỗi chuyến ra đi không ai chắc mình có ngày trở về đơn vị, vì địch phục kích và thả thám báo khắp nơi. Nhưng đã là “mạch máu” thì anh em giao liên phải có trách nhiệm giữ cho thông suốt, nên địch phục đường này, anh em mở đường khác mà đi. Đánh trên đường không được, địch âm mưu tập kích thẳng vào đơn vị. Nhiều đồng đội của chúng tôi đã nằm xuống ngay tại trạm này trong những đợt tập kích ấy.

Đó là những trận đánh không cân sức, anh em chúng tôi mỗi người chỉ một cây AK, mà địch thì có cả đại đội, lại hay đánh úp bất ngờ, hỏa lực mạnh. Như trận tập kích trưa 10/6/1974, súng AR15, M79, M72 của địch đã bắn xối xả vào đơn vị. Quả M79 đầu tiên đã làm cho bác Lý hy sinh ngay tại chỗ. Khi phát hiện Nguyễn Thị Minh Luận, chúng hô “xung phong, bắt sống nữ Việt cộng”. Hôm đó nhờ đồng chí Vũ dùng AK khống chế địch để anh chị em rút lui, Luận cũng chạy thoát nhưng trận đó cô giao liên mới 18 tuổi này đã lạc đơn vị, một mình lặn lội trong rừng sâu, ban ngày hái lá rừng ăn cầm hơi, tối phải leo lên cây ngủ để tránh thú dữ, bốn ngày sau Luận mới bắt được liên lạc về với đơn vị.

Ngay sau khi địch rút, chúng tôi bám về đơn vị để truy điệu và chôn cất bác Lý. Xác bác Lý đã bị bọn địch đốt cháy rất dã man. Lễ truy điệu bác Lý được tổ chức đơn giản nhưng anh em chúng tôi ai cũng nhớ thương bác, chưa

khi nào chúng tôi khóc nhiều như vậy. Bác sống vui vẻ, hiền lành, luôn quan tâm chăm sóc từng anh chị em trong trạm, thế mà khi nằm xuống chúng tôi chưa kịp biết gì về quê hương, tuổi tác của bác, ngay cả họ của bác cũng không biết. Trong phần lý lịch trích ngang chỉ vắn vắn có mấy dòng : Đồng chí Lý (tức Mai), quê Khu Bốn, đơn vị T.378, hy sinh ngày 10/6/74. Và cho đến năm 1998, được sở LĐTĐ & XH và ngành Bưu điện giúp đỡ chúng tôi mới đưa được hài cốt của bác về nghĩa trang liệt sĩ, trên mộ bia cũng chỉ có mấy dòng ngắn ngủi trên...

Kỷ niệm về những ngày chiến đấu, về đồng đội, nhất là những người đã ngã xuống trong các chuyến công tác, các trận càn quét của địch có lẽ không bao giờ hết đối với những người còn sống. Hình ảnh các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ giao bưu ngày xưa và những cán bộ của ngành Bưu điện hôm nay nâng niu từng mảnh vỡ của vại muối, chiếc bát ăn cơm, một băng đạn đã rỉ sét... đã làm cho chúng tôi thật sự xúc động.

- Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, nơi đây sẽ không còn lại dấu vết gì về cuộc chiến tranh, thế hệ sau sẽ không còn nhớ gì về một thời đạn bom ác liệt. Cũng may là hôm nay chúng tôi đã có mặt trong đoàn “về nguồn” này, đồng chí Trần Quang Đăng - nguyên Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh đã nói như vậy.

Mặt trời đã xuống sau dãy núi Tà Đùng, cơn mưa lại sắp ập đến, trời đất tối đen, nhưng các anh chị giao liên của T.378 ai cũng tần ngần chẳng muốn ra về. Các đồng chí trong ban hành lang còn dẫn chúng tôi đến nơi đồng chí Hà Ngọc hy sinh, mỗi người đốt một nén nhang cho hương hồn người đã mất, cô em gái của liệt sĩ khấn vài lời cầu nguyện cho anh mình, đơn giản giữa trời đất mênh

mông nhưng tôi vẫn thấy có một cái gì đó thật thiêng liêng. Một cơn gió lạnh ào đến, thổi mạnh vào bó hương đang nghi ngút khiến cho ngọn lửa bùng lên. Nhiều người bảo như thế là vong hồn của người đã khuất trở về và chứng giám cho lòng thành của chúng ta, không hiểu sao nhưng lúc này thì tôi tin điều đó là sự thật.

Để lại sau lưng mình dãy núi Tà Đùng với vùng căn cứ kháng chiến, chiếc jeep lùn lại đưa chúng tôi lên lối trên con đường nhỏ của buôn Bàng Dung để trở về với bao công việc thường nhật. Bên cạnh những nét vui tươi, hồn nhiên của các cháu nhỏ đang ríu rít như chim trên đường thôn, là nét mặt đầy vẻ xúc động, ưu tư của những con người đã từng có mặt trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt. Điều ấy cũng thật dễ hiểu... Một đồng chí lão thành cách mạng nói: "Dù cuộc sống có sôi động với bao điều mới lạ, nhưng khi gặp lại cảnh cũ, người xưa, nơi đồng đội của mình đã nằm lại, ta bỗng thấy mình như người có lỗi. Cuộc về nguồn này cũng đã nói lên tấm lòng của những người còn sống và kế tục sự nghiệp hôm nay, trong cơ chế thị trường họ vẫn không quên truyền thống."

Đà Lạt, tháng 8-1999

NHỚ MÃI MỘT CHUYẾN ĐI

Hồi ký MẠC VẤN

Bao năm tháng nằm trên tuyến hành lang, những người lính giao bưu chúng tôi như những con thoi chuyển công văn giấy tờ, liên lạc, lo hậu cần cho các đoàn quân đi qua, lo dẫn đường - bảo vệ các vị lãnh đạo... Gian nan nối tiếp gian nan nhưng chúng tôi vẫn vui vẻ lao vào công việc, mỗi người có thừa lòng nhiệt thành cách mạng, đầy ắp niềm tin vào ngày chiến thắng, những kỷ niệm chân chất nhưng hết sức sâu đậm -trong đó kỷ niệm về chuyến đi bảo vệ một vị lãnh đạo cao cấp của Trung ương cục miền Nam vào cuối năm 1961”.

Ông ngừng lại rút điều thuốc, đóm lửa đỏ hồng rực lên dường như làm ấm lại cả căn phòng đầy không khí lạnh của Đà Lạt. Người ta bảo bây giờ ông là một cụ già cô độc, hay uống rượu. Từ xưa cổ nhân đã nói: tuổi già - ly rượu - thú điền viên... Ông có uống rượu nhưng trí nhớ của ông vẫn còn tốt. Trước mặt tôi, ông vẫn có sắc thái trẻ trung của đồng chí Huyện ủy viên, phó Ban hành lang Đ3 ngày nào trong chiến tranh đầy bom đạn - đồng chí

Nguyễn Bình.

“Hôm ấy, vào một ngày trung tuần tháng 11 năm 1961, bộ phận hành lang chúng tôi được lệnh của lãnh đạo tỉnh Tuyên Đức đón dẫn đường và bảo vệ một cán bộ lãnh đạo. Sáng có lệnh, trưa tôi cùng bốn đồng chí nữa trong ban hành lang lập tức lên đường. Đến năm giờ chiều, tại buôn Khan -phía Nam sông Krông Nô chúng tôi gặp đoàn từ Ma Tồn (Đăklăk) sang. Một cuộc bàn giao “thời chiến” diễn ra nhanh chóng và chúng tôi lên đường. Đồng chí Ma Chô làm trưởng đoàn lo việc ăn uống, còn lại chúng tôi (chia làm ba tốp) đi cách nhau dẫn đường bảo vệ.”

Hớp ngưng nước trà xong, giọng ông chậm rãi, chắc nịch:

“Anh em trong đoàn không biết vị lãnh đạo này là ai nhưng trông tướng người này rất trí thức nên ai cũng đoán là “quan to” từ thành phố ra. Con đường đi khá xa, đoàn chia làm ba tốp đi cách nhau 15-20m. Chúng tôi mang theo võng để khi nào đồng chí lãnh đạo không đi nổi thì anh em khiêng. Thế nhưng chỉ với cây gậy, đồng chí ấy đã cùng đi với anh em suốt trên những con đường rừng.” Ông nói “Bất đắc dĩ chứ nằm trên võng, sướng gì”. Chúng tôi đi bộ cứ đi khoảng 60 - 90 phút đoàn lại nghỉ 5-10 phút. Vị lãnh đạo không nói nhiều trên đường đi song chúng tôi cũng được nghe ông nói về tình hình Liên Xô, Trung Quốc... và hỏi thăm về cuộc sống chiến đấu của anh em. Hành trình của đoàn đi trên tuyến đường từ buôn Khan ngược sông Đakman - qua Krông Phe - đến buôn Hàng No rồi về Đinh Xiết. Chúng tôi tránh các buôn làng đồng bào dân tộc vì lúc ấy trên địa bàn Tuyên Đức người của bọn địch còn nhiều, không đi theo con đường mòn mà cắt lối mới, cũng không dừng ở các trạm vì sợ nhiều người biết càng

nguy hiểm. Cứ thế ngày đi, đêm căng bạt ngủ trên nường rẫy của đồng bào. Cậu ba Thành và cậu Vinh - hai cán bộ giao bưu của hành lang Đ3 cùng đi trong đoàn là những chiến sĩ hăng hái nhất; các cậu ấy chia nhau gác suốt đêm cho đoàn, lo nước muối cho đồng chí lãnh đạo bóp chân khi bàn chân bị sưng tấy vì không quen đi rừng; có hôm cậu Vinh phải cải trang giả làm người đi rừng rồi vào buôn đồng bào đổi một số vật dụng lấy gà mang về nấu cháo cho đồng chí lãnh đạo. Anh Ma Chô cũng luôn đi kiếm con cá, con chim rừng... làm thức ăn cho đoàn. Ngồi ăn chung một mâm với đồng chí lãnh đạo, thật sự anh em vừa lo lại vừa vui. Song, tất cả rồi cũng hết những chỗ cho niềm vui trọn vẹn thực sự khi sau 4 ngày 3 đêm, anh em hành lang Đ3 - Tuyên Đức đã bảo vệ tốt đồng chí lãnh đạo đến buôn Đinh Xiết. Một đêm không trăng, không sao, bên này sông Đồng Nai lại một cuộc bàn giao chuyển tiếp chớp nhoáng nữa được thực hiện. Anh em không biết bộ phận nào nhận chuyển tiếp - mãi sau này mới biết được.

- Đó là bộ phận nào?

Ông mỉm cười, khuôn mặt đỏ hào hứng như đang nồng men rượu:

- Cũng là chiến sĩ giao bưu kỳ cựu cả thôi - lão Sáu Công khét tiếng ấy.

À, thì ra là Sáu Công - C Phó C200 - người chỉ huy bắt liên lạc nối hành lang giao bưu Bắc Nam. Thật đúng như người ta nói: Sáu Công chỉ già tuổi không già tính, dáng người to cao vạm vỡ, bước đi vẫn còn đầy nét “oai hùng” ngày nào với cách nói đặc biệt “người Củ Chi”, thân tình “kiểu Nam bộ”.

- Cha Bình nói đúng, tao làm ở hành lang bao nhiêu

năm, đưa nhiều cán bộ cao cấp lăm song chuyển đó vẫn ấn tượng nhất.

Ông dừng nói, lật tấm bản đồ hành lang chiến lược Bắc Nam trên địa bàn Tây Nguyên và Đông Nam bộ dò một lát rồi gật gù:

- Đây, buôn Đinh Xiết đây rồi. Hồi ấy được lệnh đón - bảo vệ một lãnh đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, tao lấy mười anh em cùng đi. Lính giao bưu vác công văn giấy tờ giỏi đánh đấm cũng không thua ai. Sông Đồng Nai mùa này còn nước, anh em làm bè vượt sông đón vị lãnh đạo. Nếu như ở hành lang Đ3 - Tuyên Đức khá nguy hiểm vì thuộc địa bàn còn địch thì sang địa phận Lâm Đồng (cũ) việc bảo vệ đỡ căng thẳng hơn nhiều. Ngược lại, khó khăn lớn nhất là đường đi rất gian nan. Hành quân từ Đinh Xiết, vị lãnh đạo này đi được một đoạn đường thì không thể đi được nữa. Anh em lấy vớng ra khiêng đi.

Do phải cắt đường nên phát dọn đường hết sức vất vả; đặc biệt địa hình gấp khúc nên có lăm dốc dựng đứng. Anh em phân nhau nhóm phát đường, nhóm khiêng vị lãnh đạo, nhóm bảo vệ; đi một đoạn các nhóm đổi việc nhau. Từ Đinh Xiết đến Bù Lưng rồi sang Bù Đăng, anh em thay nhau khiêng cù vì chân cù sưng tấy, hai đầu gối run lên. Dân trí thức thành phố có khác, nhìn là biết ngay. Trông cù thông minh và phúc hậu; lúc khỏe cù lại xuống đi bộ hỏi chuyện anh em. Món cá lóc nấu cháo cù khen mãi, suốt đường đi món ăn chính của cù là cá lóc rồi lại cá lóc nấu cháo rắc tiêu.

Sáu Công châm điều thuốc, thêm một ngụm nước trà với tiếng khà thích thú ông lại kể tiếp, say sưa hào hứng; câu chuyện bắt đúng mạch trong dòng hồi ức của ông.

- Khiêng miết anh em cũng oải, về đến Bù Đăng tao lần vào làng đồng bào hỏi mua một con ngựa. Đồng bào ở đây là người mình cả họ không bán lại cho. Thế là anh em giao bưu khỏe ra. Cụ ngồi ngựa không vững, qua suối đá ở Bù Cháp, cụ bị rớt ngựa, lăn tồm xuống suối nước chảy cuộn cuộn. Anh em lại một phen thất kinh; lo dìu đỡ cụ dậy, đốt lửa cho cụ sưởi. Từ Bù Đăng về Bù Sa Lu Siêng và cuối cùng về đến Bun Gor - nơi đoàn bộ C.200 đóng - sau bốn ngày đường gian truân. Tại Bun Gor, anh em dựng một ngôi nhà riêng có đầy đủ giường chiếu, bàn làm việc... cho cụ. Cụ ở đây an dưỡng hơn mười ngày anh em lại đưa lên đường tiếp.

- Lại đi nữa ?

- Đi về U 50 - Mã Đà là trạm trung chuyển của Trung ương Cục miền Nam. Lại một con ngựa cho cụ. Cha Lệnh người Hóc Môn - một tay cưỡi ngựa rất giỏi được giao nhiệm vụ “nài ngựa” cho cụ; tám người khác trong lực lượng giao bưu cùng đi theo bảo vệ. Hơn một ngày sau thì đến Mã Đà an toàn.

- Vị lãnh đạo đó là...?

- Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, lúc đó ông đã làm Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau này tao mới biết cụ là ai và giữ chức vụ gì. Cụ bị Mỹ Diệt quần thúc ở Củng Sơn (huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên). Sau 3 lần tập kích, lực lượng ta mới giải thoát cho cụ. Từ Phú Yên cụ được bí mật đưa lên Đăklăk và được anh em giao bưu mình đưa qua Tuyên Đức - Lâm Đồng (cũ) xuống Mã Đà sau đó về R để lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam.

Chuyến đi bảo vệ “lịch sử” ấy có sự tham gia của những chiến sĩ giao bưu. Giờ đây những người chỉ huy cuộc hành

Ngày ấy...

trình trên đất Lâm Đồng ngày nay là những nhân chứng sống vẫn giữ mãi ký ức khó phai ấy. Tao nhớ mãi chuyến đi này, chuyến đi bảo vệ một cán bộ lãnh đạo cao nhất miền Nam lúc bấy giờ, một chuyến đi bí mật nhất, dài ngày nhất và cũng có nhiều kỷ niệm khó quên nhất - ông Sáu Công lại nói với đôi mắt ánh lên vẻ tự hào.



Minh họa của **HOÀNG KHAI**

MỘT LẦN NHẬN NHIỆM VỤ

NGUYỄN ĐỨC TÀI

*Nguyên là chiến sĩ giao bưu T29,
chiến sĩ thông tin của Tỉnh ủy Lâm Đồng
Hiện nay là Trưởng Bưu điện
huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng*



Trên mười năm tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tôi đã có những nhiệm vụ khác nhau: bộ đội trinh sát, chiến sĩ giao bưu, lính thông tin ... Tôi đi nhiều nơi, nhiều lần nhận nhiệm vụ quan trọng, nhưng chuyển công tác cách đây gần 30 năm đã để lại một dấu ấn đẹp suốt trong cuộc đời tôi.

Lúc ấy là một ngày cuối năm 1969, tôi là một trinh sát của đơn vị C744 (bộ đội địa phương của tỉnh Lâm Đồng), được tăng cường cho trạm giao bưu T29 làm nhiệm vụ dẫn đường, đưa đón khách (khách là những cán bộ - chiến sĩ qua lại trên đường dây).

Tình hình chiến sự ở Lâm Đồng lúc bấy giờ tương đối căng thẳng. Sau khi Trung ương cục thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam. Tỉnh Lâm Đồng cũng tổ chức đại hội đại biểu thành lập chính quyền cách mạng lâm thời của tỉnh. Chính cái mốc lịch sử ấy đã đánh dấu sự thắng lợi của cách mạng, động viên quân dân trong tỉnh tích cực chiến đấu. Ta càng đánh

mạnh, địch càng điên cuồng bắn phá, tổ chức càn quét vào các vùng căn cứ. Máy bay của địch thường xuyên ném bom, rải chất độc hóa học, bắn pháo tầm xa vào các vùng căn cứ, lập nhiều đồn bót dọc các quốc lộ, gài mìn dày đặc trên các tuyến đường mà chúng nghi ngờ là hành lang của ta, gây khó khăn trở ngại rất lớn trong việc vận chuyển vũ khí, lương thực, thuốc men, tài liệu ... cho vùng căn cứ. Vì vậy, cấp trên đã chỉ đạo “ta phải đánh địch ngay trong hang ổ của địch, làm tan rã hàng ngũ nguy quân nguy quyền ngay từ cơ quan đầu não của chúng”.

Chuyến công tác ấy, giao bưu T29 có trách nhiệm cử một giao liên đi làm nhiệm vụ đặc biệt với đồng chí Bùi Quốc Ân (Bảy Trung) - lúc đó đ/c Bảy Trung là Tỉnh ủy viên, Bí thư Thị ủy Bảo Lộc. Do tính chất đặc biệt của chuyến công tác là cải trang để đưa một đồng chí tỉnh ủy viên vào trong vùng địch, gặp đội biệt động để tổ chức “đánh địch ngay trong lòng địch”, sau đó vượt quốc lộ 20 đưa đ/c về tỉnh để đ/c dự họp Tỉnh ủy Lâm Đồng kịp thời. Tôi đã được vinh dự được đội cử đi (tôi đã có ba năm làm lính trinh sát), với nhiệm vụ dẫn đường và bảo vệ đ/c Bảy Trung.

Trên đường đi, tôi được đ/c Bảy Trung cho biết sẽ có tổ biệt động ra đón (đơn vị 715). Nhưng đến khoảng ba giờ chiều, khi gần tới khu vực Đại Bình, trời bắt đầu mưa... tôi phát hiện phía trước có người, đường ngập đầy cỏ lau, che khuất tầm nhìn quan sát rất hạn chế, khó khăn lắm tôi mới phát hiện ra đó là tên lính nguy. Nhờ địa hình thuận lợi, tên lính nằm trong tầm ngắm của tôi. Lúc ấy trong đầu tôi lại hiện lên cái chết của người anh trai duy nhất của mình cách đây vài tháng, cũng tại địa bàn này,

lòng căm thù trong tôi sôi lên, tôi tiêu diệt tên địch chắc cấp trên chẳng thể kỷ luật tôi. Nhưng tôi đang ở rất gần địch, lại có trách nhiệm phải bảo vệ an toàn cho một cán bộ lãnh đạo đang đi làm một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, nổ súng sẽ lộ mục tiêu ngay, không thể tiếp tục hành quân thực hiện nhiệm vụ được. Hơn nữa, đây không phải đi chiến đấu mà đang đi tổ chức những trận chiến đấu lớn hơn, ý nghĩa hơn. Nghĩ đến đó, tôi buông cò súng, hít mạnh luồng không khí lạnh vào trong để nén sự căm hờn xuống. Khi hoàn toàn bình tĩnh, tôi nghĩ đến cách đi vào lòng địch sao cho nhanh nhất, bảo đảm an toàn nhất. Bằng nghiệp vụ trình sát, tôi đã khống chế được tên lính ngục, khi nhìn thấy bộ đồ lính tôi đang mặc tên lính ngục la lên:

-Trời ơi, ông cũng lính, tôi cũng lính sao ông lại đánh tôi.

Tôi muốn cười vào mặt nó, nhưng để được việc, tôi không cho nó nói và nhanh chóng kiểm tra trong người nó và đưa đến một địa điểm an toàn để đồng chí Bảy Trung nói chuyện với nó. Sau khi khai thác tình hình, làm công tác binh vận, giải thích chính sách khoan hồng của cách mạng cho nó hiểu, sau đó đ/c Bảy Trung nói cho tôi biết:

- Tên này ở tiểu đoàn 2, Trung đoàn 44, Sư đoàn 23 quân đội ngục, đơn vị nó đang trên đường hành quân đi càn, nó hoang mang dao động nên đã đào ngũ và hấn đang trên đường trốn thoát thì gặp ta, nên cho nó về.

Để đảm bảo an toàn cho đoạn đường, tôi đã bắt tên lính ngục đi trước, không cho nó quay đầu lại, nó chấp hành rất nghiêm chỉnh mệnh lệnh của tôi. Mất tôi không rời nó. Khoảng hai km sau, tôi và đồng chí Bảy Trung

lặng lẽ rẽ sang con đường khác vào nơi liên lạc với đội biệt động tại Y3 an toàn.

Năm tháng qua nhanh, mới đó đã gần ba mươi năm rồi. Trong những năm tháng làm giao liên ở T29, sau đó chuyển sang làm lính thông tin, tôi không thể nhớ hết những lần được giao nhiệm vụ, nhưng kỷ niệm của lần nhận nhiệm vụ này thì tôi không bao giờ quên được.

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ ĐÀI THÔNG TIN Đ56

ĐẶNG THỊ THU HIỀN

Nguyên là báo vụ của Đài thông tin Đ56



Năm 1970, được Tỉnh ủy Tuyên Đức phân công, tôi và Huỳnh Thị Hồng Trang về công tác tại đài thông tin Đ56, được bổ sung về Đ56, vừa phục vụ cho công tác thông tin liên lạc, vừa thực tập để trở thành những báo vụ có thể lên phiên độc lập. Đ56 là bộ phận thông tin của Tỉnh ủy tỉnh Tuyên Đức, lúc đó do anh Nguyễn Kim Kiệm làm trưởng đài và gồm các báo vụ: Nguyễn Đình Thập, Nguyễn Ngọc Bảo, Lê Thanh Sơn, Trần Mỹ Sơn và Lê Ngọc Triêm làm cơ công. Đến nay gần ba mươi năm trôi qua, xa Đ56 cũng hơn hai mươi lăm năm nhưng kỷ niệm của những ngày tháng ở Đ56 như sống mãi trong tôi, như vừa mới xảy ra ngày hôm qua...

Những năm 70 - 71, Đài thông tin Đ56 ngoài nhiệm vụ đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt với khu ủy, các đài ở tiền phương, đài huyện, anh chị em còn phải phân công nhau đi trực điện qua Tỉnh ủy (vì điện đài ở cách tỉnh ủy hơn một km); đồng thời thay phiên nhau làm quay viên để đảm bảo các phiên việc và còn phải sản xuất tự

túc lương thực. Mặc dù ít người, nhưng anh em phải làm việc nhiều hưởng, nhiều phiên trong ngày. Những ngày địch càn, Đ56 phải chuyển sang làm việc ban đêm, thức đến hai - ba giờ sáng mới được chợp mắt.

Khó khăn lớn nhất của Đ56 là phải thường xuyên đóng quân ở các vùng núi cao, độ ẩm lớn, máy móc, phương tiện làm việc quá cũ nên sóng luôn bị yếu (QSA 1 - 2) đảm bảo được các phiên liên lạc rất vất vả: Báo vụ phải áp cả hai ống nghe vào tai, thần kinh thì vô cùng căng thẳng vì phải tập trung cao độ để nhận tín hiệu. Nhu cầu về văn phòng phẩm thường xuyên không đáp ứng đủ, nhiều lúc anh em phải nhận điện bằng bút chì ghi trên mặt trái bao thuốc lá. Đời sống thì luôn luôn khó khăn, tình trạng thiếu ăn, lạt muối là “chuyện thường ngày ở Đ56”. Thường sau mỗi phiên liên lạc anh em phải đi kiếm rau rừng, đào củ mài để cải thiện giữ sức để làm việc, nhất là quay ragônô.

Ngày ấy, Đ56 chỉ có một ragônô “đầu trâu”, mỗi phiên việc phải có hai người quay, phát điện chừng ba mươi phút cả hai anh quay đều đói lả. Nhiều đồng chí ở các bộ phận khác trong Tỉnh ủy, Tỉnh đội thương anh em Đ56, nhưng chẳng biết làm sao, thỉnh thoảng có anh ghé vào Đ56 quay hộ ragônô nhưng do quay không quen nên điện không ổn định, báo vụ không phát được điện. Khi có điện hỏa tốc, dù có đang lên cơn sốt rét anh em cũng phải cố gắng tự quay ragônô. Thông cảm nỗi vất vả ấy, trong những ngày bị địch càn hoặc những lúc có điện hỏa tốc, nhiều anh chị em san sẻ cho Đ56 cả khẩu phần ăn ít ỏi của mình. Có lần cả đơn vị phải đi tải lương thực, ở nhà chỉ còn anh Kiệm - trưởng đài, Hồng Trang đang bị sốt rét nặng và tôi, chiều hôm ấy cơ yếu đưa qua hai

mười lăm bức điện hỏa tốc, nếu liên lạc thuận lợi, một người phát nhanh cũng phải mất hai giờ, nhưng còn một mình tôi thì không thể quay cái “đầu trâu” trong 2 tiếng đồng hồ được, anh Kiệm phải báo cáo tỉnh ủy để xin “chi viện”.

Do tầm quan trọng của nội dung điện hỏa tốc hôm đó nên đ/c Bí thư Tỉnh ủy đã trực tiếp xuống chỉ đạo các bộ phận rút người hỗ trợ cho Đ56. Nhưng hết người này lại người khác, thay phiên nhau quay nhưng không thể nào đều tay quay cùng tôi để duy trì kim ragônô ở vạch đỏ, để tín hiệu phát ra ổn định, mặc dù tôi đã chủ động “đẩy - kéo” cần quay đến vĩ mô hơi hệt, nhưng đài bạn vẫn không nhận được. Người cuối cùng ngồi vào quay ragônô hôm đó là đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, nhưng tình hình vẫn không sáng sủa hơn. Hai giờ trôi qua mà chưa chuyển xong năm bức điện, thấy tình hình không ổn, Hồng Trang phải nhảy vào quay, dù đang lên cơn sốt gần 40 độ. Đó là phiên việc nhiều kỷ niệm nhất ở Đ56, từ phiên việc ngày hôm đó, mọi người nhìn anh em ở Đ56 bằng con mắt “nể” hơn.

Cuối năm 1970, đài thông tin Đ56 được về ở chung trong cơ quan Tỉnh ủy và được bổ sung thêm anh Lê Quang (báo vụ), anh Lê Thu và Nguyễn Văn Thanh (quay viên). Trong đơn vị có tôi, Mỹ Sơn, Hồng Trang và Thanh là những Đoàn viên trẻ tuổi nhất, còn tất cả các anh đều là đảng viên, bất cứ công việc gì khó khăn nhất, nguy hiểm nhất trong đơn vị, chúng tôi đều xung phong đảm nhận: tham gia chống càn, tải lương, văn phòng phẩm, làm rẫy, sản xuất... không việc gì không có mặt lính Đ56.

Ngoài thời gian đảm bảo các phiên việc trong ngày, chúng tôi phải thường xuyên học chuyên môn để nâng

cao tay nghề và dạy văn hóa cho những anh chị em chưa biết chữ trong cơ quan... Những ngày cùng làm việc trên căn cứ, cùng tham gia chống càn, thiếu ăn, thiếu muối... Đ56 chính là nơi anh chị em chúng tôi - những người lính thông tin mới mười tám - đôi mươi được rèn luyện và trưởng thành. Tại Đ56, tôi và Trần Mỹ Sơn đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng khi chúng tôi vừa tròn mười tám tuổi.

Đầu năm 1972, chuẩn bị cho chiến dịch “chôm lên”, Đ56 đã cử Nguyễn Ngọc Bảo về thị Đà Lạt, Nguyễn Đình Thập và Lê Thanh Sơn về hướng Đông để thiết lập các đầu mối liên lạc ở Tiền phương. Đài thông tin Đ56 của chúng tôi cùng Tỉnh ủy hành quân ra “trung tuyến” để tiện chỉ đạo chiến dịch. Tháng 4/1972, Đ56 được bổ sung báo vụ Nguyễn Quang Tích và đầu năm 1973 thêm 2 anh Nguyễn Xuân Nhị, Tống Xuân Công là báo vụ và anh Hà Tân Tiến là cơ công; Trần Mỹ Sơn được tăng cường về đài thông tin của Thị ủy Đà Lạt để chuẩn bị vào chiến dịch.

Có lẽ, đây là thời điểm khó khăn nhất, do không sản xuất được nên chúng tôi chỉ ăn toàn củ mì xắt lát, sấy khô được mang từ căn cứ ra. Muốn có gạo, văn phòng phẩm phải ra Thị hoặc về hướng tây bắc của thị gửi cơ sở mua, cả đi và về mất bảy ngày trời. Thường những chuyến đi như vậy rất ác liệt, vì địch cài rất nhiều mìn claymo trên các tuyến hành lang, những nơi có dấu vết đi lại thường bị bọn lính biệt kích phục đánh, nhiều anh em đã hy sinh trong khi đi làm nhiệm vụ này, trong đó có Nguyễn Văn Thanh - quay viên của Đ56, Thanh ngã xuống khi tuổi đời mới tròn mười chín.

Để bảo đảm bí mật, chúng tôi được lệnh cấp trên phải

thực hiện “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”. Ban ngày, ngủ trưa chỗ ở, máy móc thật kỹ, rồi đi tìm củ khô, phụ giúp chị nuôi nấu ăn cho cả đơn vị để tránh khói; Ban đêm quây kín chỗ ở lại, thắp ngọn đèn dầu “ló thụt” để làm việc... Tuy vậy, Đ56 đã luôn giữ vững mạch máu thông tin liên lạc với cấp trên, với các Huyện, Thị và các đài tiền phương trong Tỉnh, đáp ứng được yêu cầu chỉ đạo của Đảng trong những lúc gay go, gian khổ và ác liệt nhất.

Tôi không cùng tham gia các chiến dịch với Đ56 cho đến ngày toàn thắng, bởi để chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh, tôi và Hồng Trang được điều về khu để thành lập đài Minh ngữ (trước đó hai chúng tôi được cử về Trung ương cục để học Minh ngữ tại Thông tấn xã Giải phóng). Cả Khu 6 lúc đó chỉ có một đài minh ngữ, chính thức liên lạc với Trung ương để nhận và phát tin, điện bằng chữ rõ. Vì chỉ có hai chị em gái đi độc lập 1 đài, nên lúc đó chúng tôi đã được đ/c Trần Chuyên - Trưởng Ban thông tin Khu 6 ưu tiên cho nhận bộ máy 15w mới và một ragônô cải tiến tốt nhất để phục vụ chiến dịch.

Nhiệm vụ của chúng tôi là nhận tin từ Trung ương, ghi tin đọc chậm từ đài giải phóng để cung cấp cho bản tin Nam Trung Bộ và phát tin về tình hình chiến sự của các Tỉnh trong Khu 6. Do phương tiện thông tin đầy đủ nên chúng tôi theo dõi chiến dịch khá chặt chẽ. Từ ngày 10/3/1975 trở đi, sau khi Buôn Ma Thuột được giải phóng, liên tiếp sau đó là Kon Tum, Gia Lai, Phú Bổn, Quảng Trị... đến Bảo Lộc, Đà Lạt, Ninh Thuận, Bình Thuận... và ngày toàn thắng của toàn dân tộc. Được đắm mình trong niềm vui chiến thắng, tôi càng nhớ đến Đ56, nhớ từ cái thuở mới học gõ những tín hiệu đầu tiên chưa chuẩn,

để rồi khó khăn và hồi hộp biết chừng nào khi được chính thức ngồi vào máy làm việc.

Nhớ những ngày vừa sốt vừa quay ragônô để đảm bảo liên lạc. Nhớ lúc ác liệt nhất của chiến trường, cả Chi đoàn đã đào hầm tập hát để kịp biểu diễn vào ngày quốc khánh 2/9. Nhớ những lúc cùng anh Kiệm lặn lội vào rừng sâu, đào từng khúc củ mài về nấu cháo cho anh Lê Quang cầm cự với cơn sốt ác tính... nhưng vượt qua được cơn sốt hiểm nghèo đó, anh Quang lại không vượt qua được dòng nước định mệnh đã cuốn Anh đi trong chuyến công tác cuối năm 1973.

Có trải qua những năm tháng khó khăn, gian khổ và hy sinh ác liệt của chiến trường, chúng ta mới thấy hết niềm vinh quang của ngày chiến thắng. Lính của Đ56 ngày đó không còn nhiều lắm, nhưng những ai còn lại đều đã trưởng thành: Trần Mỹ Sơn, hiện là Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh Lâm Đồng; Nguyễn Quang Tích, Trưởng Bưu điện huyện Đơn Dương; Hà Tân Tiến, Trưởng Bưu điện huyện Đa Huoai, Tổng Xuân Công, cán bộ của Bưu điện tỉnh. Những người đã chuyển ngành cũng đang phát huy truyền thống tốt đẹp của Đ56 như: Nguyễn Đình Thập, Nguyễn Xuân Nhị... Nhiều người hoàn cảnh gia đình hiện rất khó khăn như Lê Thanh Sơn, Huỳnh Thị Hồng Trang, Lê Thu, nhưng họ vẫn đang là những người công dân gương mẫu trên quê hương mình.

Tôi tự hào về những đóng góp của Đ56 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhớ về Lê Quang, Nguyễn Văn Thanh - những người đồng chí thân yêu của Đ56, những liệt sĩ đã ngã xuống cho ngày toàn thắng, niềm vinh quang đồng đội của tôi không kịp hưởng!

THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN BÁO Ở VÙNG CĂN CỨ CÁCH MẠNG

BÍCH VÂN

Bây giờ, các phương tiện thông tin liên lạc đã nối liền khoảng cách về không gian và thời gian. Nhưng, để tìm gặp những nhân chứng một thời chiến tranh ác liệt không một phương tiện thông tin hiện đại nào có thể thay thế bằng việc tiếp xúc trực tiếp với những con người bằng xương bằng thịt đã từng vào sinh ra tử, nay trở về đời thường làm ăn sinh sống như mọi công dân khác trong xã hội.

Anh Đào Văn Mẫn là một trong những hình ảnh dung dị mà chúng tôi - thế hệ trẻ hôm nay - có dịp ngồi lại cùng anh để nghe kể lại những năm tháng gian khổ với nhiệm vụ thông tin vô tuyến điện báo trong vùng căn cứ, giai đoạn chống Mỹ cứu nước.

Thế hệ trẻ chúng tôi chỉ quen với sách bút và giảng đường, làm sao có thể hình dung được đã từng có một đội ngũ cán bộ thông tin vô tuyến điện báo nằm sâu trong vùng căn cứ, luôn đối cơm lạt muối mà di chuyển khắp rừng núi Tây Nguyên, bảo đảm thông tin liên lạc phục

vụ cho công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy trong mọi chiến dịch.

Anh Đào Văn Mẫn là Đài trưởng đầu tiên Đài vô tuyến điện báo 15 W của Tỉnh ủy Tuyên Đức - chủ yếu liên lạc với khu ủy Khu 6. Mười lăm năm làm công tác thông tin điện báo trong vùng căn cứ, có biết bao kỷ niệm, nhưng kỷ niệm anh Mẫn và những người cộng sự không thể nào quên là những đêm thức trắng để nhận điện của Đài khu 6 liên tục hàng trăm bức điện trong một đêm. Ánh sáng chỉ là ngọn đèn dầu leo lét, khi hết dầu phải dùng củi ngo soi sáng. Chưa kịp chớp mắt đã sáng, lại phải căng mắt tiếp tục làm việc với Đài khu ủy để điều chỉnh sai sót ở những bức điện vừa nhận đêm qua, vì về khuya thường có những vùng mất tín hiệu do không khí loãng.

Ước mơ duy nhất của người điện báo viên lúc bấy giờ là được ngủ trọn giấc và ước mong ngày chiến thắng sẽ ngủ liền trong mấy ngày để bù vào những năm tháng mất ngủ triền miên trong rừng, phần vì trách nhiệm công việc, phần vì tránh máy bay địch luôn quần đảo tìm mục tiêu. Anh kể:

- Có một lần, Đài vô tuyến điện báo của Tỉnh ủy đang làm việc vào lúc mười hai giờ trưa thì bị địch phát hiện. Chúng gọi ba chiếc B57 đến bắn hỏa tiễn và thả bom xăng. Anh em cuống cuống không kịp đóng máy trở lại, cứ thế lòi tuột xuống hầm trú ẩn, cả máy, cả người vừa xuống hầm một quả pháo rơi ngay đúng chỗ đó, làm đứt ngang thân cây trước hầm.

Những lúc phải nhận điện dưới hầm thật vất vả, ăngten phải đưa cao từ 25-30m lên khỏi ngọn cây, nguy trang thật khéo cho địch không phát hiện được.

Gian khổ nhất là chiến dịch Mậu Thân, khi rút quân ta phải mang cả máy trên người hành quân về căn cứ,

nhiều ngày anh em chỉ ăn rau cầm hơi.

Tháng 9/1968, pháo tầm xa loại 175 của địch từ Đức Trọng bắn vào khu căn cứ liên tục. Căng thẳng nhất vào khoảng 5 giờ sáng, 8 giờ sáng, 12 giờ trưa và rải rác đến chiều nên Đài không thể nhận điện được vì máy móc thiết bị đều phải sơ tán vào trong hang đá.

Những năm 1973-1974, địch thua đau, càng điên cuồng càn quét, các đài làm việc rất khó khăn nhưng vẫn đảm bảo liên lạc thông suốt, phục vụ kịp thời các cấp lãnh đạo trong tỉnh.

Giờ đây, 24 năm sau chiến tranh, điểm danh lại ai còn ai mất, niềm vui gặp mặt xen lẫn ngậm ngùi vì vẫn còn những đồng đội nằm lại đâu đó trong rừng. Các chiến sĩ điện báo viên bộ phận thông tin vô tuyến các đài Tỉnh ủy, Thị ủy, cơ động vô tuyến nay vẫn đứng vững trên từng vị trí công tác, những người nghỉ hưu như anh Đào Văn Mẫn vẫn luôn là một đảng viên gương mẫu của HTX anh hùng Phú Hội (huyện Đức Trọng). Các anh Trần Mỹ Sơn, Hà Tân Tiến, Nguyễn Hoàng Oanh nhanh chóng trưởng thành, trở thành những cán bộ chủ chốt của Bưu điện Lâm Đồng trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chị Đặng Thị Thu Hiền chuyển sang làm báo ở thông tấn xã. Nhiều anh chị em khác cũng đã chuyển ngành như: Nguyễn Xuân Nhị, Nguyễn Đình Thập, Lê Thanh Sơn... nhưng vẫn luôn gắn bó với từng bước chuyển mình đi lên của ngành bưu điện tỉnh nhà.

Truyền thống của ngành luôn là điểm tựa, là niềm tin để mỗi cán bộ công nhân viên trong ngành luôn tự hào và sống xứng đáng với sự hy sinh của những người đã nằm xuống.

45 NGÀY TRÊN ĐỈNH HÒN NGA

VÕ TRẦN PHÚ



ối ngành thông tin liên lạc tôi chỉ là người ngoại đạo. Nhưng những ngày ở chiến trường tôi là một trong những người làm việc và gần gũi với bộ phận thông tin liên lạc của Tỉnh ủy Tuyên Đức.

Tôi còn nhớ sau những ngày nóng bỏng của cuộc tổng tiến công mùa xuân 1968, mặt trận Tây Bắc Đà Lạt lắng xuống. Chấp hành lệnh của Bộ chỉ huy mặt trận tiền phương, quân ta chia lực lượng về nông thôn chỉ để lại C.810 và lực lượng biệt động hoạt động nội thành.

Cuối tháng 5/1968, địch tăng viện thêm lữ đoàn 173 lính Mỹ cùng phối hợp với lực lượng biệt động quân tổ chức hành quân càn quét vùng rừng Trầm (phía Bắc Nam Ban ngày nay) buôn Phi Ông Tô, Bờ Súa nhằm vào Bộ chỉ huy tiền phương đang đóng ở đây. Chúng cắt đường giao thông liên lạc giữa Bộ chỉ huy tiền phương và Thị ủy Đà Lạt đóng ở căn cứ núi Voi. Lúc này Bộ chỉ huy tiền phương phải di dời lên đỉnh Hòn Nga, gần sông K'Rông Nô giáp với tỉnh Đắk Lắk. Bộ phận thông tin cũng công

máy vô tuyến E.102 15 Watt băng rừng, lội suối, trèo đèo leo lên đỉnh Hòn Nga.

Trên đỉnh Hòn Nga, những ngày tháng 6 trời mưa dầm rả rích, không khí rất lạnh, sương mù bao phủ suốt ngày. Cây, đá cũng phủ một lớp rong rêu và chúng tôi lúc nào cũng mặc áo ấm.

Đến nơi đóng quân, bộ phận thông tin ở xa bộ chỉ huy gần cả tiếng đường rừng. Việc đầu tiên đài trưởng Đào Văn Mẫn phân công ngay là đào hầm trú ẩn, các thành viên trong bộ phận leo cây giăng ăngten, lắp ráp máy móc, đào bếp Hoàng Cầm, làm chỗ ngủ. Đến giờ hẹn, báo vụ trưởng Quang lại lên máy, quay viên lúc này là hai cơ công anh Thanh và anh Triêm. Âm thanh tích, tích, tè tè lại vang lên giữa khu rừng già ẩm ướt. Trong bộ phận còn có hai báo vụ viên đó là chị Mười Lan và anh Nguyễn Đình Thập (nay là Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban định canh định cư huyện Đơn Dương).

Địch càn vùng rừng Trầm - dốc Bứa đóng chốt dài ngày cắt ngang tuyến đường, không cho quân ta mở lối thông xuống vùng giáp ranh đường 20 để thu mua lương thực, vận tải hàng hóa.

Lúc bấy giờ, phần lớn những cơ quan và các bộ phận phục vụ bộ chỉ huy tiền phương đều lâm vào tình trạng thiếu đói. Thời gian cứ trôi đi, trời cứ mưa rả rích, cái đói, cái rét hành hạ anh em. Nhưng những chiến sĩ thông tin lúc bấy giờ vẫn quyết tâm giữ vững liên lạc, cứ đến hẹn là lên máy.

Mười lăm ngày trôi qua, chiến sĩ ta sống trong tình trạng thiếu lương thực, đói muối. Tay chân rã rời. Anh Huỳnh Văn Thanh là cơ công (sau giải phóng là phó Giám đốc Công ty du lịch Lâm Đồng - nay đã nghỉ hưu) nhớ lại

chuyện xưa.

“... Lúc bấy giờ, các bộ phận trong cơ quan bộ chỉ huy mặt trận tiền phương tự đi tìm măng rừng, bứt lá bép, đào môn dộc, hái trái sung, thu nhặt được cái gì đem về luộc chín ăn thức ấy. Có những lúc đói quá phải ăn lá tàu bay. Những lúc như thế này ngồi vào bàn quay “ra cô nô” (máy phát điện một chiều của thông tin dã ngoại) tay chân không tự chủ được, các khớp xương cơ tay mỗi nhừ cứ như xe đạp bị long ốc vít. Lúc đầu bộ phận còn ít muối dự trữ cho vào nấu cháo loãng với môn dộc còn ngồi quay được hai tiếng đồng hồ. Thời gian về sau hết cả muối, tay chân rã rời quay không nổi, bị báo vụ cự nự cần nhân cứ mười lăm phút là phải thay phiên, đổi ca. Thời khắc ấy cảm thấy “cái đầu trâu” (máy phát điện có hai còng cho hai người quay như hai sừng trâu) nặng nề hơn bao giờ hết”.

Trong cái khó lại lộ cái khôn. Anh Đào Văn Mẫn có sáng kiến cùng anh em đi đốn cây xà bu về mổ ra lấy ruột bên trong ăn thay lương thực. Chuyện đốn được cây xà bu cũng không phải dễ dàng vì vỏ cây rất cứng các anh thay phiên nhau đốn ngã được một cây thì có người xỉu ngay tại chỗ vì đói. Sau đó cửa ra từng đoạn ngắn mang về chế ra, anh Mẫn nhấm thử lõi cây này có vị ngọt và cho tiến hành nấu mạch nha ăn ngọt như đường.

Khoảng một tháng sau trình sát cơ quan báo đã phát hiện ra một buôn đồng bào dân tộc bỏ hoang. Đây là một trong những buôn đồng bào ở Phi Sê Rôn đã bị địch lừa vào khu áp chiến lược. Buôn này có rất nhiều mít, trái chín rụng đầy mặt đất. Cơ quan tổ chức các bộ phận có vũ trang đi lấy hạt mít và mỗi ngày như thế mỗi cán bộ chiến sĩ được phát năm hạt luộc.

Ngày ấy...

Hạt mít cũng cạn, quân ta sục vào những nương rẫy, tìm mót những bắp ngô non sót lại và vật sạch sẽ những dây bầu, dây bí xanh, bí ngô. Trong những ngày ấy chiến sĩ thông tin thay phiên nhau đi tìm lương thực.

Trong những ngày đó, tôi thường được cấp trên phân công tăng viện quân làm quay viên máy phát điện. Có một lần, địch phát hiện được đường mòn do quân ta đi lại không nguy trang. Chúng gọi máy bay trinh sát L.19 thăm dò và cho hai chiếc khu trục bắn phá khu căn cứ Hòn Nga. Một quả bom xẹt ngang nổ tung trên triền dốc, lập tức nhanh như sóc, báo vù, cơ công bứt dây ăng ten ôm máy lao vào hầm bảo toàn máy móc. Hết loạt bom các chiến sĩ thông tin nổi lại dây ăng ten, lắp lại máy. Đến giờ hẹn tín hiệu đèn máy vẫn phát sáng theo nhịp gõ của “ma níp” vang lên tiếng tè, tè, tích, tích.

Bốn mươi lăm ngày đói cơm, lạt muối trên đỉnh cao Hòn Nga cũng qua đi. Những con người bằng xương, bằng thịt vẫn kiên trung bất khuất chiến đấu góp phần vào ngày chiến thắng chung của dân tộc.

Sau ngày hòa bình, tôi gặp lại những người chiến sĩ thông tin năm xưa, kẻ còn người mất, có người còn làm việc, có người đã chuyển ngành, có người đã nghỉ hưu. Mỗi lần gặp nhau, niềm xúc động cứ trào dâng lên, những giọt nước mắt buồn vui lẫn lộn trong nụ cười rạn rở. Họ là những người chiến thắng.

Đà Lạt, những ngày tháng 4/1999

TRẠM GIAO LIÊN Ở CÂY SỐ 6

QUỐC THANH



ó một điều không ai có thể ngờ được, vào những năm kháng chiến chống Pháp giữa một thành phố đẹp nên thơ lại có một trạm giao liên bí mật, làm cầu nối quan trọng giữa chiến khu Lâm Viên và nội đô thị xã Đà Lạt lúc bấy giờ.

Đó là nhà má Năm Mên ở đường Bạch Đằng (F7) - một địa chỉ, một cái tên gọi thân thương, là tổ ấm của những anh em cán bộ, chiến sĩ cảm tử thành. Ngôi nhà đó là nơi họp mặt, bàn bạc, giao nhiệm vụ; nơi tiếp nhận thư từ, tài liệu, nơi giao hàng, lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm, thuốc tân dược cho cán bộ chiến sĩ cách mạng trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp trên đất Lâm Viên. Và cũng là nơi xuất phát những vụ ám sát những tên ác ôn, commandô, mật thám thời bấy giờ.

Để hiểu thêm về trạm giao liên má Năm Mên, tôi đến nhà anh Võ Văn Hữu -người cháu ruột của má Năm. Anh Tám Hữu sống trong nhà má từ lúc nhỏ và là người giúp má chạy thư đi các tuyến kẻ về việc làm thầm lặng của má Năm Mên:

“... Sau năm 1946, thực dân Pháp trở lại Đà Lạt, gia đình tôi hồi cư về cây số 6. Tôi, chị ruột tôi là Võ Thị Kiều (chị Bảy Kiều) ở nhà chú dì từ lúc còn nhỏ. Một tay dì tôi vừa lo ổn định cuộc sống gia đình, vừa phải lo móc nối lại cơ sở chạy lạc trong cuộc tản cư năm 1945. Năm ấy tôi vừa mới 13 tuổi, còn nhỏ dì tôi giao tôi lá thư của anh Dương Xuân Tụy (một trong những cán bộ Ủy ban Hành chính kháng chiến Lâm Viên) tôi không khỏi lo âu. Đây là việc phục vụ cách mạng đầu tiên trong đời tôi. Dì dặn dò cẩn thận đặt ra những tình huống xấu nhất phải thủ tiêu bức thư như thế nào để không lọt vào tay địch. Lá thư ấy được chuyển đến một cơ sở ở ngã 5 Đại học ngày nay. Trước khi đi dì không quên trao cho tôi một con roi mây và một chiếc nón cời (nón lá rách) để giả làm đứa chăn bò, đi tìm bò bị lạc (lúc bấy giờ vùng Đa Thiện và Phường 8 chưa có nhiều nhà như ngày nay).

Những năm 1947, 1948 và 1949, nhà dì Năm như một trạm đầu mối để giữ vững liên lạc giữa anh em kháng chiến ngoài rừng và các cơ sở ở trung tâm Đà Lạt. Trong thời gian này dì giao nhiệm vụ cho tôi và chị Bảy Kiều đi móc nối, liên lạc lại những cơ sở bị địch bắt thả ra, hoặc bị địch khống chế. Lúc này tôi đi học may có điều kiện đi lại các cơ sở ở trung tâm Đà Lạt như chị Sáu Lan (hiện nay ở đường Hai Bà Trưng), một trong 20 người sống sót sau vụ thảm sát ở sân bay Cam Ly; chị Ba Thiện, chị Hoài, ông Nguyễn Chánh (Sáu Chánh) - một nhà thầu khoán yêu nước nhà ở đường Cầu Queo (Phan Đình Phùng ngày nay).

Chị Bảy Kiều đi gánh nước cơm về nuôi heo, đồng thời liên lạc các cơ sở ở đường Cao Thắng như ông La Hưng, chị La Ngôn, ông Lục Công, ông Nguyễn Phan Kế (Ba Kế). Suốt trong thời gian 3 năm không biết bao nhiêu mật thư, tài liệu, truyền đơn và cả thư riêng cho gia đình có chồng,

con, em thoát ly ra rừng theo kháng chiến đánh Tây. Quà gởi ra rừng gói như chiếc bánh chưng, thư gởi cho cơ sở chỉ bằng chiếc phao câu cá cuộn tròn, tất cả những công việc điều phối đều do dì chỉ đạo.

Để tránh tai mắt địch, tránh mật thám và tội công an chìm, mỗi khi giao nhiệm vụ cho chúng tôi, dì thường tính toán thời gian để né tránh, làm được việc đó, dì phải nắm được quy luật của địch, thường xuyên thăm dò và nắm bắt những tín hiệu đã quy ước với nhau.

Năm 1950, địch đánh hơi ở vùng cây số 6 có sự hoạt động của ta, ráo riết cho lính lê dương đi lùng sục, cho mật thám giả dạng thường dân đi làm vườn thuê, cuộc mướn nhất là ở những vùng gia đình cơ sở để phát hiện những dấu vết anh em ta hoạt động.

Vì sợ lộ nên chị Bảy Kiều thoát ly ra kháng chiến. Ở nhà dì tôi cũng đổi phương thức hoạt động. Đó là sử dụng hộp thư bí mật.

Địa điểm đặt hộp thư bí mật ở gần suối Cam Ly, đoạn gần nhà máy điện cũ. Hộp thư được làm bằng một chiếc thùng tôn cuộn tròn như thùng gánh nước, chôn sâu dưới đất bên trên ngụy trang bằng cỏ và lá thông.

Mỗi lần đi thư, lấy thư đều phải giả như đi lấy củi rừng. Mặc dù rừng lúc bấy giờ rất nhiều cây và ở gần xóm, nhưng phải đi từ sáng đến chiều tối mịt mới về để tránh tai mắt của địch.

Thông qua hộp thư bí mật đó, má Nam Mên đã duy trì được đường dây liên lạc giữa những người kháng chiến trong nội thị Đà Lạt và anh em ngoài căn cứ cho đến ngày có Hiệp định đình chiến năm 1954. Trạm giao liên cây số 6 của má Năm Mên đã đóng góp một phần nhỏ bé vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

MŨI NHỌN NGAY TRONG LÒNG ĐỊCH

Ghi chép: THI HOÀNG



gày ấy, ngay trong lòng địch, Thị ủy Đà Lạt từng tổ chức một đường dây liên lạc làm thất điên bát đảo kẻ thù. Đường dây liên lạc ấy duy trì nó khó, vận hành để nó hoạt động hiệu quả càng khó hơn.

Sau năm 1954, cùng với cả miền Nam, phần đông cán bộ của ta ở Đà Lạt, Lâm Đồng tập kết ra miền Bắc. Nhằm duy trì hoạt động của tuyến liên lạc nội thành Đà Lạt, khu Lê đã cử một đoàn cán bộ khoảng mười đồng chí bí mật lên địa bàn này hoạt động. Trong nội thành, thời gian này, phần lớn cán bộ của ta bị địch bắt và bị hy sinh, nhiều cơ sở bị tan vỡ. Mãi đến năm 1959, tổ chức mới điều một số cán bộ lên Đà Lạt hoạt động như đồng chí Ba Dư (Lê Văn Phận), chị Cả (Trần Thị Khả)... Đây là những cán bộ hoạt động bất hợp pháp ngay trong lòng địch. Để đảm bảo an toàn cho những đồng chí này, một số giao liên bí mật của ta đã được hình thành.

Tuyến giao liên bí mật này hoạt động ngay trong lòng địch. Những cán bộ trong đường dây liên lạc nội ô Đà

Lạt có nhiệm vụ chuyển mệnh lệnh, công văn, giấy tờ, dẫn cán bộ từ căn cứ vào nội ô và ngược lại, công việc muôn vàn khó khăn, bao nhiêu hy sinh, mất mát. Những cái tên như Phan Thị Gân, chị Sáu Muối, chị Nhiều... trong tuyến giao liên Đà Lạt những năm ấy ở Đà Lạt không ai không biết.

Chúng tôi tìm gặp ông Vũ Linh, nguyên Thường vụ Thị ủy Đà Lạt ngày đó. Ông nói: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ của chúng ta quả là ác liệt. Mỗi thời kỳ, mỗi nơi có những ác liệt riêng. Địa bàn Đà Lạt không kém phần ác liệt và tuyến giao liên Đà Lạt ngày ấy không ai cho rằng không có điều đáng để nói. Thậm chí, ở tuyến giao liên đó có không ít vấn đề mà ngay trong lúc này chúng ta cần xem xét một cách nghiêm túc để kịp thời có những biện pháp trong thực hiện các chính sách xã hội cho các đối tượng”. Và ông kể cho chúng tôi nghe về tấm gương của chị Nguyễn Thị Sang, tức chị Sáu Muối:

Từ 1964 đến sau Mậu Thân, tuyến giao liên Đà Lạt do chị Sáu Muối đảm trách là chính. Chị Sáu Muối có nhiệm vụ chuyển thư từ hộp thư chợ Đà Lạt đến các cơ sở của ta ở vùng ven và trong căn cứ. Trong những tháng ngày này, chị Sáu Muối đã không quản ngại những khó khăn, gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ tỏ ra rất gan dạ, mưu trí qua mặt kẻ thù, những “chuyến đi” của chị lâu dần khiến kẻ địch nghi ngờ, chúng phát hiện và chị bị bắt giam.

Mặc cho kẻ địch tra tấn vô cùng dã man, chị Sáu Muối vẫn một lòng trung thành, cơ sở của ta không bị lộ. Đòn tra tấn của địch ngày càng thêm tàn bạo, đến khi biết chị không thể sống được nữa, bọn địch thả chị ra. Chị Sáu Muối đã chết ngay ngày hôm sau đó.

Chị Sáu Muối đã được công nhận liệt sỹ. Con cháu của

chị hiện đang được sống trong một ngôi nhà tình nghĩa trên đường Lê Hồng Phong. Câu chuyện về tuyến giao liên Đà Lạt trong thời kỳ chống Mỹ chưa hết. Trong những năm tháng đó, cán bộ đường dây của Đà Lạt không những thừa dũng khí để vượt qua những khó khăn thử thách mà còn tỏ ra rất gan dạ, mưu trí để đối phó với kẻ địch, còn có những con người như Đinh Văn Đệ.

Đinh Văn Đệ là trung tá trưởng tỉnh Tuyên Đức thì đã rõ. nhưng vẫn còn có một Đinh Văn Đệ khác! Năm ấy tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức Đinh Văn Đệ ra ứng cử dân biểu của chính quyền Sài Gòn. Đại tá ngụy Nguyễn Hợp Đoàn lúc bấy giờ tìm mọi cách “hạ bệ” Đinh Văn Đệ. Về phía ta, cấp trên điện về cho Thị ủy Đà Lạt: Đinh Văn Đệ tuy là ác ôn nhưng là kẻ ít ác ôn hơn so với những tên ác ôn khác. Do vậy, Thị ủy phải chỉ đạo cho các tầng lớp nhân dân ủng hộ “tên ác ôn” Đinh Văn Đệ!.

“Tôi cũng chỉ biết đến đó -ông Vũ Linh tiếp tục câu chuyện. Có lệnh của cấp trên về, Thị ủy chỉ đạo cho giao liên gấp gáp chuyển đến các đầu mối và các hệ trong nội ô Đà Lạt”. Và thế là các tuyến cơ sở của ta cứ thế mà thực hiện. Sau đó, Đinh Văn Đệ đắc cử. Để Đinh Văn Đệ đắc cử, công lao có một phần đóng góp của các nhà sư Thích Thanh Phương, Thích Từ Mãn, ni cô Quảng Nhẫn, cô Tâm... Ngày đó chúng ta có nhiều người quá tốt. Họ dám hy sinh tất cả. Truy đến nguồn cội của những người giúp Đinh Văn Đệ trúng cử dân biểu theo sự điều hành của đường dây của ta thì gia đình họ cũng đều là gia đình cách mạng cả. Còn vì sao cấp trên lệnh cho Thị ủy Đà Lạt chỉ đạo bằng mọi cách làm cho trung tá trưởng tỉnh Tuyên Đức Đinh Văn Đệ trúng cử dân biểu chính quyền Sài Gòn? Thì ra, “tên ác ôn vừa vừa” ấy lại là người của

ta!”. Sau ngày miền Nam giải phóng, báo chí cách mạng đã công khai là tình báo chiến lược của ta hoạt động trong “Hạ Nghị viện” của chế độ Sài Gòn.

“Người ta bảo: Thứ nhất, bộ đội. Thứ nhì, hành lang. Điều đó quả không sai! Vì với cán bộ hành lang, dũng cảm thôi không thì chưa đủ mà còn cần sự mưu trí, nhanh nhạy trong xử lý các tình huống” - Ông Vũ Linh kể tiếp: Chị Phan Thị Hường, cán bộ hành lang của đường giao liên Thị ủy Đà Lạt ngày ấy là một người như thế, rất quả cảm và mưu trí, trong một chuyến chuyển công văn từ nội thành ra cứ, chị đã qua mắt được kẻ địch một cách... ngoạn mục như sau:

Sau khi cất giấu tài liệu trong người, chị Hường đón chiếc xe đồ từ Đà Lạt về Trại Mát. Tại Trại Mát, địch đặt một trạm kiểm soát khá “ngghiêm”. Bước lên xe, chị Hường chọn chỗ ngồi sát bên tay sỹ quan ngục. Xấp tài liệu trong người bằng mọi cách không thể để lọt vào tay kẻ địch! Chị Hường tự nhủ với mình. Nhưng trạm kiểm soát của địch ở Trại Mát từng được mệnh danh là “Trạm ác ôn”. Làm sao bây giờ? Ngồi trên xe, tên sỹ quan ngục tỏ ra khá... hào hoa. Bên cạnh là một phụ nữ “quý phái” nên hẳn không thể không bắt chuyện. Câu chuyện của hai người vừa đủ để “quen biết nhau” thì chiếc xe cũng vừa đến trạm kiểm soát Trại Mát. Bỗng chị Hường buồn nôn rồi ngã vào lòng tên sỹ quan và... thiếp đi. Hẳn vội vàng tìm mượn những người trên xe hộp dầu gió. Đúng vào lúc này, chiếc xe cũng xịch đỗ ngay trước trạm kiểm soát Trại Mát. Mấy tên quân cảnh và cảnh sát ngục nhảy lên xe. Chúng sục sạo khắp nơi. Chỉ trừ một nơi: Vị sỹ quan quân đội Sài Gòn và... hôn thê của anh ta (!).

Bó tài liệu trong người vẫn còn nguyên vẹn. Chiếc xe

Ngày ấy...

tiếp tục chuyển bánh. Chị Hường nói nhỏ vào tai tên sỹ quan ngự: “Em đã đỡ mệt rồi!” Chiếc xe đi xa qua khỏi “trạm tử thần”. Họ chia tay nhau. Còn người mặc áo lính ngự không quên một lời hẹn với một cô gái “quý tộc” vừa mới được làm quen. Họ mỗi người mỗi ngả. Chị Hường thở phào và mất hút về phía rừng xanh.

Câu chuyện còn dài. Người cán bộ cách mạng lão thành ấy dường như không hề muốn chấm dứt. Tôi tin rằng có một dịp được tiếp tục ghi lại những câu chuyện về những chiến sỹ giao liên quả cảm của Thị ủy Đà Lạt trong thời kỳ chống Mỹ.

CHUYỆN TRÊN ĐƯỜNG HÀNH QUÂN

HOÀNG ANH

(Ghi theo lời kể của các chiến sĩ thông tin)

NÓI CHUYỆN VỚI TRỜI

Chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô năm 1970, Khu ủy - Khu 6 có một đoàn công tác đặc biệt do Đồng chí Vũ Anh Ba (Thường vụ Khu ủy, Trưởng Ban kinh tài khu) làm trưởng đoàn, đi kiểm tra tình hình và chuẩn bị cho các tỉnh bước vào chiến dịch một cách chủ động. Tỉnh ủy Lâm Đồng đã cử một tổ điện đài gồm một báo vụ, một cơ công và một quay viên đi phục vụ đoàn.

Mùa khô năm đó kéo dài, nhiều nương rẫy của đồng bào trong vùng căn cứ bị khô cằn. Sau một ngày hành quân, tối hôm đó đoàn đã đi qua buôn Hăng Ca (Lộc Bắc) của đồng bào Kờ Ho, trưởng đoàn liên hệ với dân để đoàn dừng chân và liên lạc với Khu ủy bằng máy vô tuyến. Lính thông tin dựng máy, kéo ăng ten để làm việc ngay trong buôn. Khi gõ manip, đèn néon (đèn cộng hưởng để điều chỉnh sóng) phát sáng và “chớp nháy” theo nhịp manip, bà con trong buôn thấy lạ, sợ quá chạy về báo với già làng. Già làng đến xem và nghĩ đó là trò ma thuật nên không cho đoàn ở trong buôn nữa. Trước tình huống khó

xử đó, đồng chí Vũ Anh Ba đã nói với già làng rằng:

- Thấy trời hạn hán quá, anh em cách mạng phải bắt dây nói chuyện với trời để xin cho bà con cái nước làm rẫy lúa, để bà con trồng rau, trồng bắp ăn.

Già làng im lặng về, nhưng trong cái bụng chứa tin lắm. Thật may, tối hôm ấy trời đổ một cơn mưa rất to. Sáng sớm, khi đoàn đang chuẩn bị tiếp tục hành quân thấy bà con trong buôn kéo ra, nhà cho nải chuối, nhà cho gạo, có cả gà nữa, bà con phấn khởi lắm và hứa mùa rẫy này sẽ ủng hộ cho cách mạng thật nhiều lúa.

Trước tấm lòng của bà con, đồng chí Vũ Anh Ba phải tổ chức ngay “công tác dân vận”, vừa thông báo đến bà con tin chiến thắng khắp mọi miền đất nước, vừa lên án sự tàn bạo của kẻ thù và những âm mưu đánh phá vùng căn cứ, phá hoại mùa màng của bà con. Đồng chí còn vận động bà con vót chông bố phòng, xây dựng làng xã chiến đấu bảo vệ nương rẫy... Đồng thời, cũng giải thích cho bà con công việc của lính thông tin, nhưng vì phải đảm bảo bí mật nên bà con thông cảm.

Bà con vui vẻ ra về nhưng cũng “phục” cách mạng lắm, còn anh em trong đoàn cũng “rôm rả” hẳn lên vì cuộc hành quân này được cải thiện ít nhất một tuần, mặc dù cơn mưa tối qua đã làm đường trơn và cả “đại đoàn” vất vả đang tấn công.

BIẾT LÀM CHO CÁI ĐÀI NÀY NÓI

Năm 1970, tỉnh Lâm Đồng cử ba đồng chí trong bộ phận điện đài của Tỉnh ủy đi phục vụ chiến dịch, trong đó có đồng chí Nguyễn Hoàng Oanh là cơ công. Lương khô mang theo là cơm vắt và muối trắng.

Chiều tối, đoàn dừng chân chuẩn bị ăn cơm tối, anh Oanh đi vào buôn đồng bào xin rau tươi cho đoàn. Nhìn thấy trong nhà đồng bào có cái radio anh mừng quá, xin đồng bào mở đài cho nghe, nhưng chủ nhà buồn rầu nói:

- Mình mua nó tốn nhiều lúa và gà lăm, nhưng nó chỉ nói ít ngày im luôn không chịu nói nữa.

Sau khi xem qua, anh Oanh nói :

- Mình sẽ làm cái đài này nó nói lại cho bà con nghe, mình chỉ xin ít rau cho anh em cách mạng thôi.

Chủ nhà mừng lắm đồng ý ngay. Trong lúc chủ nhà đi hái rau, anh Oanh mở chiếc radio lau chùi sạch sẽ, sấy lại máy cho ba viên pin đại vào nó liền nói oang oang, bà con nghe tiếng radio nói kéo đến nghe mừng rỡ. Anh còn bày cho bà con cách dò tìm nghe được nhiều đài, cách thay pin để cho đài nói liên tục và anh còn cho thêm chủ nhà ba viên pin nữa để “xơ cua”.

Chiều đó không những anh Oanh mang rau về có cả hai con gà bà con biếu, cả đoàn được bữa ăn tươi, còn bà con thì tấm tắc khen:

- Cách mạng giỏi thật, biết làm cho cái đài nói lại.

LẦN ĐẦU ĐI BẮT LIÊN LẠC VỚI NỮ GIAO LIÊN TỪ MẬT KHU

TRẦN HÀN

Một buổi sáng năm 1971 đầy sương và giá lạnh của Đà Lạt cuối thu. Tôi ngồi trong một quán ăn nhỏ số 28 - Võ Tánh (nay là đường Bùi Thị Xuân) như thường lệ, gọi một tô phở ngồi ăn như những sinh viên và một vài người lính nghĩa quân ngụ khác. Nhưng lần này, tôi hồi hộp lạ thường vừa mong đợi, lo âu căng thẳng. Cái quán quen thuộc ven đường này, cũng những người sinh viên thường ngày vẫn gặp, vẫn những bộ mặt quen thuộc... thế mà hôm nay mọi thứ hình như xa lạ quá đối với tôi. Câu tâm niệm trong đầu tôi lúc đó chỉ là “phải cảnh giác”, “phải coi chừng”! Tôi không hiểu những cặp mắt quen thuộc ngày nào, hôm nay nhìn tôi như dò xét, soi mói điều gì? Hay là chính tôi đang dò xét nhìn mọi người thử họ có đoán được mình đang chờ gì? Có lẽ không ai biết được, hôm ấy, tôi có nhiệm vụ ngồi đây để chờ đón một nữ giao liên, từ mật khu Thị ủy Đà Lạt về thiết lập đường dây liên lạc giữa các tổ công tác bí mật phong trào sinh viên - học sinh nội thành Đà Lạt với cơ quan Thị ủy ngoài chiến khu.

Lớn lên từ “gốc rễ”, tiếng nói đặc sệt miền Trung, lên thành phố học, rồi tham gia cách mạng, tôi chưa hề có một kinh nghiệm gì trong hoạt động bí mật, nhận nhiệm vụ này tôi thật sự lúng túng. Tôi ngồi nhẩm mãi lời anh đội trưởng dặn: Phải thận trọng và giữ thái độ thật tự nhiên, đúng 8 giờ thấy một cô gái mặc chiếc áo dài màu xanh, tay cầm một nhánh hoa hồng, ngồi vào bàn ăn sáng thì đó chính là giao liên của ta, hãy đưa ra tín hiệu và đón cô ta”.

Thời gian căng thẳng như ngừng trôi, nhưng việc đến rồi cũng đã đến. Tôi nhìn thấy một cô gái dong dỏng cao có khuôn mặt xinh, trông giống như nữ sinh của Bùi Thị Xuân - Đà Lạt xuất hiện trong bộ áo dài màu xanh và đóa hồng trong tay. Không còn chỗ ngồi, cô gái lúng túng, đang loay hoay thì có một người lính nghĩa quân đứng lên rời khỏi bàn. Cô gái giơ tay xem đồng hồ và vội vàng ngồi vào bàn. Tôi nhìn cô gái xinh đẹp ấy và thầm nhủ:

- Đúng rồi, cô gái, áo dài xanh, bông hồng, đủ mọi chi tiết nhận dạng rồi. Thế nhưng, cô gái này từ chiến khu ra cơ mà, ở trong rừng thì phải “dạn dày sương gió”, phải ra vẻ “rừng” mới đúng chứ. Sao lại là một “tiểu thư” mảnh mai, xinh đẹp thế kia. Mà sao tôi thấy cô gái này quen quá, chắc hẳn tôi đã gặp ở đâu rồi. Biết đâu địch đã phát hiện, đường dây đã bị lộ rồi và địch đang giăng bẫy để bắt ta...

Trong phút giây căng thẳng ấy tôi bỗng nhớ ra cô gái này tên là Chiến, con của một gia đình ở ấp Phú Trung - Sài Gòn, mới cách đây hơn một năm tôi đã từng được gia đình cô ta cho ở nhờ để đi thi đại học. Chi tiết trên càng làm cho tôi tăng cường cảnh giác, tôi không tin một cô bé mới 15 tuổi, hồn nhiên, ngây thơ ngày nào nay lại

là một cô giao liên từ chiến khu ra. Nhưng thời gian quy định chờ đón người đã hết, tôi quyết định dùng ám hiệu để hành động:

- Xin lỗi, cô có mang theo cây bút nào không ? Tôi hỏi

- Xin cảm phiền, tôi không có bút. Cô gái đáp.

Trời ơi ! Đúng rồi, đúng là người của ta rồi - tôi suýt reo lên vì kinh ngạc và mừng rỡ. Cô gái có khuôn mặt “non choẹt” ấy đã đứng lên với dáng vẻ tự tin và dày dạn kinh nghiệm, vừa bước ra khỏi quán vừa nói nhỏ đủ cho tôi nghe:

- Em là Nhận, ở trong rừng các chú gọi em như vậy, ở đây các anh cứ thế mà gọi. Hãy đưa em đến chỗ nào các anh cho là an toàn nhất để trao đổi công việc, nhà một người càng tốt. Em ở lại đây 3 hôm rồi vào rừng lại. Anh giới thiệu với chủ nhà em là cháu gái, em gái hay gì gì cũng được, miễn đừng để họ nghi ngờ.

Mặc dù tôi đã chuẩn bị mọi thứ cho cuộc đón tiếp này từ trước, thế nhưng khi gặp Nhận rồi tôi gần như bị động mọi cái. Khi vào trong nhà, Nhận rút từ trong giày ra một cuộn giấy nhỏ như miếng thuốc lá trao cho tôi và bảo:

- Đây là thư chỉ đạo của các chú trong rừng, anh xem mà lo liệu.

Nhận còn truyền đạt một số tình hình, giao cụ thể một số công việc để đảm bảo an toàn, người chỉ đạo không tiện viết trong thư.

Người nữ giao liên đầu tiên tôi gặp đó là Huỳnh Thị Chiến tức Hoàng Minh Nhận - cô giao liên đã nối liền tổ công tác bí mật trong nội thành của chúng tôi với sự chỉ đạo của Thị ủy Đà Lạt ngoài chiến khu từ đó cho đến ngày giải phóng.

VỀ VŨNG RÔ TIẾP CẬN TÀU HẢI QUÂN KHÔNG SỐ

Phóng sự: KHẮC DŨNG



Đoàn người lặng lẽ, bí mật xuyên rừng nhiều ngày đêm liền, hành trình từ Tuyên Đức (cũ) về Vũng Rô (Phú Yên). Cả đoàn dân công không ai biết rằng mình đã tải vũ khí được chuyển từ miền Bắc vào trên con tàu Hải quân không số lịch sử, chỉ đến khi “Sự kiện Vũng Rô” được báo chí làm rùm beng họ mới biết.

Bấy giờ là cuối năm 1964. Lãnh đạo Khu 6 điện báo cho Ban cán sự Tuyên Đức: Chuẩn bị một đoàn dân công về Vũng Rô nhận vũ khí! Cụ Chế Đặng (lúc bấy giờ là Ủy viên Thường trực Ban cán sự) nhớ lại: “Sau khi giải tán Tỉnh ủy Tuyên Đức, Ban cán sự được thành lập. Đà Lạt - Tuyên Đức trong giai đoạn này gặp rất nhiều khó khăn do sự đánh phá liên tục của địch. Cơ quan tỉnh phải chuyển từ Đầm Ròn - Kon Đú xuống vùng A (tức là vùng Đồng Mang - Đàng Ksi) để tạo thế liên hoàn với vùng tây Bắc Ái, gần với Đà Lạt hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở phong trào ở mảng đường 11 (Xuân Trường - Xuân Thọ - Thái Phiên). Vũ khí lúc đó hầu như không có gì.

Được trên điện cho biết về Phú Yên nhận vũ khí, tôi, anh Nguyễn Lâm - Phó Bí thư và anh Huỳnh Minh Nhựt - Bí thư rất mừng. Nhưng do bí mật quân sự nên chúng tôi chỉ biết đó là vũ khí chứ không rõ là vũ khí đó có từ đâu. Mãi đến sau này mới đoán rằng đó là vũ khí của tàu hải quân không số bí mật chuyển từ miền Bắc vào!”.

Bức điện báo bí mật về Vũng Rô tiếp nhận vũ khí của Khu ủy đến Tuyên Đức chỉ được truyền đến ba đồng chí trong Ban cán sự: “Sau khi họp bàn -cụ Chế Đăng kể, chúng tôi thống nhất cử một đoàn dân công có sự hỗ trợ của một tiểu đội (thuộc đại đội 143, về sau đổi thành 810) dẫn đầu là đồng chí Trần Quyền, cán bộ kinh tài của tỉnh, nhanh chóng về Vũng Rô. Thông tin tiếp nhận vũ khí cũng chỉ được truyền đến đồng chí Trưởng đoàn dân công Trần Quyền là hết, các dân công thành viên và bộ đội đi theo chỉ biết đây là chuyến lấy hàng như nhiều chuyến lấy hàng trước đó”.

Điều khó khăn cho Tuyên Đức lúc bấy giờ là vấn đề nhân lực, lương thực và sự an toàn, bí mật. Trước đó, cơ quan lãnh đạo tỉnh chuyển từ Đầm Ròn - Kon Đú về Đồng Mang - Đàng Ksi kéo dài đến 15 ngày, tiêu tốn nhiều lương thực. Về đến Đồng Mang, sản xuất chưa ổn định, nhân dân đói khổ (chuyến chuyển về Đồng Mang có cả hơn 100 dân) lại phải huy động nhân công và lương thực cho một chuyến đi dài ngày nên Ban cán sự Tuyên Đức gặp không ít khó khăn. Nhưng cuối cùng, một đoàn dân công gồm hơn hai mươi người (chủ yếu là thanh niên có sức khỏe tốt được động viên thoát ly ra rừng), một số du kích và bộ đội với một lượng lương thực hạn hẹp nhưng với quyết tâm cao cũng đã lên đường đúng kế hoạch. Và vẫn theo kế hoạch: Đồng chí Trần Quyền, cán bộ kinh tài của tỉnh,

làm trưởng đoàn. Chuyển đi thành công!

Chúng tôi đến thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng để tìm gặp người chỉ huy chuyến đi lịch sử ấy. Ông Trần Quyền hiện đã nghỉ hưu và sống tại thị trấn Liên Nghĩa. Ngồi trước mặt tôi là một cụ già (ông Quyền nay đã 76 tuổi) có dáng người nhỏ, thấp, mái tóc bạc trắng. Ông kể:

“Từ Tuyên Đức, chúng tôi hành quân xuống sông Trường, đi liên 3 ngày đêm tới sông Hình, vùng giao nhận vũ khí, thường xuyên phải cắt rừng để tránh gặp địch. Chúng tôi nhận vũ khí tại điểm Phú Cần, vùng sông Hình (Phú Yên). Nhờ giao liên và du kích dẫn đường nên cả chuyến đi lần về được an toàn. Lúc về, mỗi người mang 4 khẩu súng trường, hoặc một trung liên và một súng trường. Đường dây đi - về chủ yếu qua các buôn làng của đồng bào Raglai nên khá an toàn!”.

Ông Quyền tỏ ra rất ít lời trong khi kể về chuyến đi lịch sử do ông dẫn đầu đoàn dân công ngày ấy, thỉnh thoảng lặp lại: “Chuyến đi có gì lắm đâu! Chỉ là đi, rồi chuyển vũ khí về Tuyên Đức, thế thôi!”. Tuy nhiên, khi nghe ông kể, ta thấy sự kiện này hoàn toàn không nhỏ, nó gắn với một sự kiện rất lớn là sự kiện tàu Hải quân không số chuyển vũ khí từ miền Bắc vào Vùng Rô chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong chuyến đi ấy còn rất nhiều điều đáng nhớ: biết thiếu lương thực trưởng đoàn Quyền nảy ra một sáng kiến: mua và mang theo 25m lưới - hành trang không hề có tên trong dự kiến ban đầu. Nhờ 25m lưới đi đến đâu, anh em cũng có cá ăn. Thêm nữa, trên đường về phai mang vác nặng lại nhạt muối dài ngày nên nạn sốt rét đã hành hạ đoàn quân không ít, nhưng tất cả đều vượt qua vì vũ khí trong lúc này còn quý hơn vàng. Vũ khí được chuyển đến 3 kho quân khí ở giữa rừng

để sau đó chuyển dần về cứ.

“Đi, nhận, và chuyển vũ khí đến kho chỉ mất khoảng trên dưới 10 ngày, nhưng chuyển hết về cứ mất cả 3 tháng trời!” - Ông Quyền nói. Đây quả là một công trạng không nhỏ! Và đáng nhớ nhất là sự... suýt chết của cả đoàn! Ông Quyền kể:

“Nếu tính toán không kỹ về mặt thời gian, chỉ cần chậm trễ vài tiếng đồng hồ là cả đoàn của Tuyên Đức lọt vào vùng oanh kích của máy bay địch tại kho Phú Cần (sông Hinh). Đúng ngày giờ hẹn, chúng tôi đến nơi. Việc giao nhận diễn ra rất nhanh chóng. Từ kho vũ khí Phú Cần, đoàn Tuyên Đức ra được một đoạn thì máy bay địch ào đến xé tan bầu trời. Bom địch bắt đầu nổ từ lúc 3 giờ chiều kéo dài đến tận 12 giờ đêm. Anh em quân khí của Quân khu 5 đã có hầm trú ẩn. Còn anh em dân công Tuyên Đức thì, may quá, đã ra khỏi tầm kiểm soát của trận không kích này”.

Trong đoàn quân ra Phú Yên nhận vũ khí còn có một tiểu đội của C143 do đồng chí Nguyễn Phú làm chính trị viên đại đội. Vào một buổi chiều tháng 4, tôi tìm đến nhà ông Phú trên đường Hồ Tùng Mậu, Đà Lạt. Người chính trị viên đại đội 143 năm ấy bây giờ không còn trẻ nữa. Ông nhớ lại chuyện cũ:

“Tôi được lệnh điều động một tiểu đội của đơn vị mình hỗ trợ cho đoàn dân công đi “lấy hàng” dài ngày ở tỉnh bạn. Tôi tuyển những anh em khỏe, thạo đường rừng, dũng cảm và mưu trí. Lúc đó tôi nghĩ thâm, đây chắc chắn là một chuyến hàng rất quan trọng nên ở trên tỉnh mới dặn dò mình tuyển người kỹ đến thế. Và cũng chỉ biết rằng đó là chuyến hàng quan trọng chứ không hề nghĩ rằng đó là chuyến nhận vũ khí từ tàu hải quân không số. Anh

em khỏe là thế nhưng sau chuyến hàng về, khối anh nằm bẹp vì sốt rét bởi chuyến đi quá dài ngày”.

Tôi hỏi thăm địa chỉ những người khác có mặt trong chuyến đi. Giọng ông Phu buồn buồn: “Hồi đó tôi cử 6 chiến sĩ theo đoàn. Đi, về không thiếu ai, chỉ sốt rét thôi. Nhưng bây giờ thì không còn ai. Người thì hy sinh sau đó. Người thì chết do bệnh hoặc già yếu. Nhiều người đến lúc chết vẫn không hay biết rằng mình đã tiếp cận được con tàu Hải quân không số lịch sử của cách mạng Việt Nam năm ấy”.

Tôi trở lại với vị lão thành cách mạng Chế Đăng. Ông nói như kết luận: “Chiến trường Tây Nguyên nói chung và Tuyên Đức - Lâm Đồng nói riêng ngày ấy rất khốc liệt. Nhiều dân tộc anh em ở đây đã sát cánh cùng lực lượng cách mạng để viết lên trang sử hào hùng của Tây Nguyên. Điều đó càng đáng trân trọng hơn khi biết rằng Tuyên Đức là địa bàn ở xa Trung ương. Cũng vì vậy mà một chuyến hàng, một chuyến vũ khí chỉ viện từ miền Bắc chuyển được đến Tuyên Đức quý giá biết nhường nào. Chuyến về Vũng Rô tiếp cận tàu không số có ý nghĩa rất lớn, gắn liền với một sự kiện rất lớn của cách mạng Việt Nam. Và, lực lượng giao bưu liên lạc của Tuyên Đức và các tỉnh bạn đã góp phần không nhỏ!”.

SỰ HY SINH THÂM LẶNG

VŨ KHẮC



Trong chiến tranh, hy sinh là lẽ đương nhiên. Nhưng riêng với những chiến sĩ giao liên bưu vận, hy sinh cho độc lập và thống nhất đất nước còn cao quý ở chỗ: Họ lặng lẽ cống hiến và cũng lặng lẽ ngã xuống. Có thể nói rằng, trong số những chiến sĩ cách mạng hy sinh đến nay không tìm được hài cốt lực lượng giao liên bưu vận chiếm phần không nhỏ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó đảm bảo thắng lợi”. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, sự đối đầu giữa ta và địch diễn ra trên địa bàn này rất khốc liệt. Cũng do vậy, công tác giao bưu thông tin ở đây vô cùng quan trọng. Và cũng do vậy, sự cống hiến hy sinh của lực lượng này ở địa bàn Tây Nguyên rất to lớn. Các tác giả cuốn “Giao bưu thông tin các tỉnh Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ cứu

nước” (NXB Chính trị quốc gia 1998) có nói: “Những con người ấy, những giao liên du kích, giao liên công khai, giao bưu vận, thông tin vô tuyến điện báo và cả giao liên nhân dân; dù trong vùng địch kiểm soát hay trong căn cứ, đều dũng cảm hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm mạch máu giao bưu thông tin không giờ phút nào gián đoạn, dù biết chắc chắn trong mỗi chuyến đi đều có thể phải trả bằng máu, song họ đều âm thầm thực hiện, nhiều khi đơn độc giữa núi rừng, có ai đòi hỏi phải ghi công tính toán thiệt hơn” (tr.282).

Cũng trong cuốn sách nói trên, phần phụ lục “Danh sách cán bộ, chiến sỹ giao bưu - thông tin các tỉnh Tây Nguyên hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)” ghi 256 người, dưới danh sách không quên mở ngoặc chú thích: “Đến nay mới tìm được 256 đồng chí”! Trong đó, danh sách cán bộ, chiến sỹ giao bưu thông tin Lâm Đồng và Tuyên Đức (cũ) đã hy sinh được đánh số thứ tự từ 95 đến 217. Bảng danh sách được lập với những tiểu mục rất có giá trị về mặt tư liệu: số thứ tự; họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; sinh, trưởng quán; ngày, tháng, năm hy sinh; chức vụ; lý do hy sinh, nơi hy sinh.

Song, có không ít những ô tiểu mục bị bỏ trống. Có những người hy sinh chỉ ghi được vài tiểu mục cùng với họ tên. Ví dụ ở ô 131, chỉ ghi: “Thu - Hà Nội”; ô 217: “Lê Văn Dùm - giao liên K3”. Thậm chí có những người chỉ biết được độc nhất cái tên, không có họ và chữ lót, và tất cả những ô tiểu mục còn lại phải bỏ trống như ở ô 132: “Cải”. Hoặc như Huỳnh Giỏi (136), Trương Văn Bảy (137), Ngô Ba (127), Lê Văn Minh (128). Nhìn vào tiểu mục thứ 4 (sinh, trưởng quán), chúng ta thấy những chiến sỹ giao bưu thông tin đã ngã xuống trên mảnh đất Nam Tây

Nguyên này đến từ mọi miền đất nước, đã chiến đấu và cùng hy sinh với đồng đội là người gốc địa phương: Hải Phòng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Bình Định, Nghệ Tĩnh, Trà Vinh, Sóc Trăng, Củ Chi (Sài Gòn), Bình Thuận, Phú Yên, Long An... cùng với Đạ Huoai, Lộc Bắc, Di Linh, Lộc Nga, Đà Lạt...

Ở tiểu mục cuối cùng - lý do hy sinh, nơi hy sinh - nói lên rõ tính chất hy sinh thầm lặng của lực lượng giao bưu thông tin cả nước nói chung và Tuyên Đức - Lâm Đồng nói riêng. Ví dụ: “Tại Đạ Tẻh”, “Phước Long”, “Madagui”, “bến Cây Gáo”, “đèo B’Lao”, “trăng Bù Đăng”, “dốc Tà Mỹ”, “tại Mò O”, “H.30”... Trong tiểu mục này phải để trống ô đối với rất nhiều người!

“Có được ngày hôm nay, chúng ta không thể không nhớ ơn các liệt sĩ giao bưu thông tin đã hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho cách mạng, đến nay mới tìm được 256 liệt sĩ, nhiều đồng chí chưa biết được tên tuổi, quê quán, nhiều đồng chí mất tích chưa tìm thấy hài cốt, mồ mả...”. Đó là lời nói đầy trách nhiệm của những người đang sống hôm nay - những người từng là đồng đội và là người từng chịu ơn những người đã ngã xuống. Đồng thời, điều đó cũng là nỗi trăn trở của không ít người từng đi qua chiến tranh và tự cảm thấy “mắc nợ” với những người đã ngã xuống.

Một trong những người tự cảm thấy “mắc nợ” với đồng đội đã hy sinh là ông Nguyễn Xuân Khanh (Năm Khanh), một trong những nhân vật quan trọng trong việc mở đường hành lang Bắc - Nam trên địa bàn Nam Tây Nguyên đầu những năm 60. Theo ông biết, hiện đang còn trên dưới hai mươi cán bộ, chiến sĩ giao bưu thông tin ở Lâm Đồng hy sinh đến nay vẫn chưa tìm thấy hài cốt. Đó là các đồng chí Đức, Thái, Ngọc (cán bộ), Linh, Hồng, Hùng,

Dân, Hách, Mỹ, Long, Cai, Rê, Dệt, Thành, Lực, K'Thanh, Lắm, K'Rí, Ka Rong, K'Toàn, Thanh, Bé Hai và Hoàng (chiến sĩ). Đức (Huỳnh Bá Đức) là đại úy ở Ban hành lang Khu 6, trên đường về sau chuyển đi họp ở quân khu, nghỉ lại tại một trạm ở giữa rừng gần buôn Go bị núi sập đè chết. Đồng chí Thái (còn gọi là Thái râu) cũng là cán bộ của Ban hành lang Khu 6, khi đi công tác ở Ma Lanh (Bình Thuận) bị địch phục kích bắn chết. Ngọc cũng là cán bộ ở Ban hành lang khu 6, xuống Tỉnh ủy Tuyên Đức để chỉ đạo củng cố mạng hành lang trong tỉnh, bị địch phục kích, hy sinh trên đoạn hành lang nối giữa Tỉnh ủy và thị xã.

Về phía chiến sĩ, có các đồng chí Linh, khi đi trực bị địch phục kích, hy sinh ở trạm tiếp nối với quốc lộ 14; Hồng, đi trực, hy sinh ở đường 14; Hùng "đen" cũng vậy; Dân trên đường công tác (từ chiến sĩ của trạm được điều động ra pháo binh) hy sinh ở Phước Long; Hách đi trực ở đoạn sông Đồng Nai bị địch phục kích...

Ghi lại danh sách do ông Năm Khanh cung cấp, chúng tôi đem đối chiếu với danh sách thống kê trong cuốn sách nói trên (phần phụ lục) thì chỉ có bảy người là trùng tên. Đó là các tên Ngọc, Hồng, Dân, K'Thanh, K'Rí, Thanh và Hoàng. Song không thể chắc chắn rằng những cái tên ghi trong sách chính là những người nằm trong danh sách của ông Năm Khanh.

Cung cấp cho chúng tôi danh sách trên, ông Năm Khanh lưu ý: "Hầu hết số anh em giao bưu thông tin này chưa tìm thấy mồ mả. Trong số đó có một người tên là Lắm. Trước đó, Lắm là chiến sĩ bảo vệ tôi. Về sau, vì yêu cầu của mặt trận, Lắm được điều động sang lực lượng pháo binh. Trên đường đi đến đơn vị mới, Lắm đã hy sinh tại

Phước Long”. Ông Năm Khanh ưu tư: “Mãi đến tận bây giờ vẫn chưa tìm được mồ mả, hài cốt anh em, tôi tự trách mình nhiều lắm!”.

Một lần ông Năm Khanh “đơn thương độc mã” sang Sông Bé với ý định tìm lại đồng đội đã hy sinh nhưng lại đúng vào dịp tỉnh này đang chia tách nên không thể kết hợp với các đồng chí còn sống và biết vấn đề này thực hiện việc tìm kiếm. Sau này, ông Năm Khanh còn nghe tin rằng: Dân ở Bình Phước đi làm rẫy phát hiện 4 hài cốt ở gần một trạm giao liên ngày trước nhưng không rõ nguồn gốc, và cũng không biết rằng đó có phải là những anh em có tên trong sổ tay của ông Năm Khanh hay không. Ông Năm Khanh có cả thấy ba lần đi Sông Bé, Bình Long, Phước Long để bàn chuyện nhưng vẫn chưa giải quyết được. Ông nói: “Tôi thiết tha là làm sao có sự phối hợp giữa Trung ương với các tỉnh, giữa các tỉnh với nhau, và giữa ngành với địa phương trong việc giải quyết vấn đề này. Vì càng để lâu càng khó tìm.”

Sách lịch sử ngành giao bưu thông tin Tây Nguyên nói trên viết: “Những tấm gương hy sinh của các liệt sĩ, những chiến công của các thương binh, bệnh binh và của những đội đã từng tham gia chiến đấu và chiến thắng trên chiến trường Tây Nguyên đã tô thắm truyền thống của Bưu điện các tỉnh Tây Nguyên và của ngành Bưu điện Việt Nam”.

CÓ MỘT BÀ MÁ GIAO LIÊN TRONG VÙNG ĐỊCH HẬU

Tùy bút: MỸ HẠNH



Đó là má Nguyễn Thị Trắng (còn có mật danh là: Chị Hai, H38). Cuộc đời hoạt động cách mạng của má không lâu, không oanh liệt, chỉ với 44 tuổi đời, má đã có mười hai năm lặng lẽ làm nhiệm vụ “con thoi” trong vùng địch chiếm đóng, để móc nối, đưa những thông tin chỉ đạo từ chiến khu về cho cơ sở trong nội thành, liên lạc móc nối các cơ sở trong nội thành với chiến khu. Đã có biết bao nguồn thông tin quan trọng, biết bao tấn lương thực, thuốc men và những đồ dùng cần thiết khác cho kháng chiến đã được má Trắng lặng lẽ từ trong lòng địch đưa ra chiến khu bằng những đường dây bí mật. Mười hai năm ấy (1958 - 1969), tuy chưa một lần bị địch bắt, chưa phải trải qua những đòn tra tấn dã man của kẻ thù, nhưng những thử thách má phải vượt qua cũng không kém phần căng thẳng và quyết liệt.

Những gì tôi nhớ về má thật quá ít ỏi so với những công việc mà má đã làm, so với những nỗi đau trong sâu thẳm cuộc đời má. Má Trắng có một gia đình đông con,

nhưng suốt cuộc kháng chiến gia đình má có bao giờ được đoàn tụ! Chồng hoạt động cách mạng, nay chỗ này mai chỗ kia, bị địch bắt, đầy đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Má không còn nhớ đã bao nhiêu lần xách cơm đi nuôi chồng ở các nhà lao của Mỹ ngục, từ Đà Lạt đến Tam Hiệp rồi Chí Hòa...

Khi không thể tiếp tục hoạt động trong nội thành, ông thoát ly ra chiến khu, giao hết cả gánh nặng “việc nhà, việc nước” lại cho má. Vậy là hai vai gánh vác việc nhà, nuôi hai bà mẹ già, bốn đứa con nhỏ; việc nước là phải vừa giữ vững đường dây liên lạc với chiến khu, vận động cơ sở để có gạo, có thuốc, những đồ dùng cần thiết cho cách mạng. Má có đến tám người con, đứa nhỏ ở với má, đứa lớn 12 - 13 tuổi đã có nhiệm vụ, mỗi đứa đi mỗi nơi để dễ bề hoạt động, bị lộ là tổ chức bố trí cho chúng đi luôn ra chiến khu, có đứa đi không kịp về từ gia.

Khi chồng và các con lớn thoát ly ra kháng chiến, bọn địch bắt gia đình má phải dời nhà vào ấp chiến lược (ở ấp Đa Thọ, xã Xuân Thọ). Má nghĩ: ở đó mỗi bước đi đều bị địch theo dõi làm sao liên lạc được với anh em đồng mình, làm sao tiếp tế được cho cách mạng. Năm 1965, má quyết định bỏ làng lên Đa Thiện (Đà Lạt) làm vườn thuê, tìm cách móc nối lại đường dây liên lạc với Thị ủy Đà Lạt. Cũng tại nơi đây, nhờ sự mưu trí má đã kịp thời cứu thoát một gia đình cách mạng khỏi lọt vào tay địch. Đó là gia đình của dì Phạm Thu Lê (Tám Tiến, hiện nay là cán bộ hưu trí ở Đà Lạt). Năm đó, chồng dì Tám (chú Hoàng Tiến) do lộ hầm bí mật, bị cảnh sát ngục bắt, tra tấn đến chết thả lâu và truy hô cộng sản nhảy lầu tự tử.

Nghe tin cơ sở mật từ ty cảnh sát báo ra như vậy, má Nguyễn Thị Trắng biết gia đình dì Tám đã bị lộ, má bàn

với cô con gái lớn: “Chú Tiến hy sinh rồi, bằng cách nào mình cũng phải đưa vợ con chú ra chiến khu an toàn”. Cô gái lớn, tuy mới 15 tuổi nhưng đã trở thành đồng đội “giao liên” của má gần hai năm nay, H38 là mật danh chung cho cả hai mẹ con. Khổ nỗi gia đình dì Tám có hai em Hậu và Hương còn rất nhỏ, không thể ra chiến khu được, mà lúc này phải làm sao nhanh hơn thằng địch mới thoát được.

Trong khi tụi cảnh sát đang chờ lệnh cấp trên đến phong tỏa nhà dì Tám, má Trắng đã đưa được cả nhà đi đến một cơ sở khác an toàn hơn. Má phân công cô con gái đưa dì Tám xuống Quảng Hiệp, móc nối liên lạc với bên an ninh thị, còn má dẫn các con của dì xuống Sào Nam móc nối với cơ sở gởi nuôi dưỡng đưa ra chiến khu. Nhờ phân tán nhanh má Trắng đã bảo vệ an toàn được cả gia đình dì Tám.

Có lần trong một chuyến liên lạc, có bức thư gửi riêng cho má “H38 cố gắng, 21 ngày nay anh em thương binh không còn gạo để nấu cháo” má đã khóc suốt ngày, buồn vì anh em mình ngoài ấy phải thiếu gạo, vì “lực bất tòng tâm”.

Vào cuối năm 1968, khi nhận được tin trong căn cứ đang rất cần peniciline và thuốc sốt rét, đêm nào má cũng đi liên lạc với các cơ sở trong nội thành, phân công nhau mỗi người mua một ít để tránh sự tình nghi của địch. Gom đủ cơ số thuốc cần thiết, đêm má không ngủ, loay hoay ngụy trang để che mắt địch khi đi qua các bót gác. Sáng hôm sau, xách giỏ thuốc đã được ngụy trang rất khéo trên tay, má vẫn thấy không yên tâm nên phải bàn với cô con gái cùng phối hợp. Điểm hẹn giao thuốc là “cây số 10” - gần cầu Prenn, nhưng để đến được đó phải qua hai bót

gác cửa địch. Vận động bà con mua chừng này thuốc không phải đơn giản, anh em mình đang rất cần thuốc, má không thể trông chờ vào sự may rủi được. Má phân công con gái đi đường xe đò xuống điểm hẹn “cây số 10” để chờ móc được liên lạc và báo điểm nhận “hàng” mới, má nguy trang lại số thuốc trong gánh đồ đi cúng mộ một mình đi bộ xuống hướng Trại Hầm, vào sâu trong nghĩa trang Đa Lợi, hết tầm kiểm soát của địch má đi tìm nhà Bác Năm Tu (bác theo đạo Cao Đài), một gia đình cơ sở của mũi công tác khu tam giác (thuộc Thị ủy Đà Lạt) gửi số thuốc lại, chờ anh em đằng mình đến lấy.

Mỗi con người trong cuộc đời hoạt động cách mạng đều có những kỷ niệm riêng với vui buồn lẫn lộn, nhiều người hoạt động trên trận tuyến này vẫn không muốn gọi lại cho đến khi nằm xuống, má Nguyễn Thị Trắng cũng vậy!

Ngày 14/7/1969, trong trận quân ta đánh vào Trường sĩ quan Võ bị của địch má đã ra đi, không một lời trời trăng với mẹ già, con dại, không một người bạn, đồng chí nào kịp thắp một nén nhang tiễn biệt. Sinh thời má không bao giờ muốn nói về mình. Những người hiểu về má ngày nay còn lại không nhiều lắm, họ thường nhắc nhiều đến má. Sau ngày giải phóng, ai cũng muốn đưa má về yên nghỉ tại nghĩa trang liệt sĩ cho có anh em, có đồng đội. Nhưng cả cuộc đời thâm lặng, má đâu muốn đòi hỏi gì cho riêng mình. Sống lặng lẽ cống hiến, chết nằm đâu cũng ở trên mảnh đất này – mảnh đất mà vì sự tự do của nó, má đã không ngại gian khổ, hy sinh.

7 NGÀY CHIẾN ĐẤU VỚI TỬ THẦN

HUỲNH NGỌC HAI

(Giao liên Trạm T372 - Tuyên Đức)



ần một tháng bị bệnh nặng, sáng nay có chuyến công tác đặc biệt, trạm lại hết người nên đồng chí trạm phó Nguyễn Hùng Am đã phân công tôi đi bảo vệ an toàn cho đồng chí Thường vụ Thị ủy T372 bàn giao qua cho trạm giao liên của Hướng Đông quốc lộ 11.

** Ngày thứ nhất:*

10 giờ 30 ngày 12/5/1974, sau khi ăn cơm trưa xong tôi sang mời chú Mười Châu (Thường vụ Thị ủy Đà Lạt) lên đường. Thấy chỉ có mình tôi đi, chú Mười có vẻ không yên tâm.

- Để tôi điều thêm 2 đồng chí của đội công tác cùng đi với cháu.

- Chú yên tâm, lính “xịn” mà - Tôi nói để chú Mười khỏi lo. Thấy tôi bình tĩnh và quyết tâm nên chú Mười cũng yên tâm lên đường. Tôi phổ biến chú Mười những điều cần thiết và đặt ra cho chú những tình huống có

thể xảy ra cũng như cách xử lý, cách liên lạc nhau khi gặp địch... đó là những chuyện thường ngày trong chiến tranh nên mặc là cấp trên, chú Mười chú ý nghe theo tôi.

17 giờ 30 phút, khi chúng tôi gần đến mép quốc lộ 11, tôi bảo chú Mười dừng lại, đi cách tôi 10m để phòng gặp mìn. Tôi vừa đi, vừa dò mìn và chú Mười cứ theo vết của tôi mà đi. Bất được ám hiệu với đơn vị bạn tôi nhanh chóng đưa chú Mười vượt qua quốc lộ 11. Liên lạc của Hướng Đông là hai đồng chí Huỳnh Đức Hòa và Trương Công Nhân (hiện anh Huỳnh Đức Hòa là Giám đốc Công an tỉnh Lâm Đồng). Sau khi bàn giao "khách", công văn tài liệu an toàn cho đơn vị bạn, tôi nhận công văn, tài liệu của Hướng Đông bàn giao, cho vào "bòng" cột chặt, khoác lên vai và vác súng quay lại đường cũ. Nhưng chỉ cách quốc lộ khoảng 20m, tôi bỗng thấy lóe lên một đốm lửa vàng, chỉ kịp kêu "á" và té xuống. Trời tối đen như mực! Cùng lúc ấy, không biết bao nhiêu họng súng AR15, M79 chĩa vào tôi nổ liên hồi. Theo phản xạ tôi đứng dậy chạy nép vào một gốc cây nhưng không tài nào đứng được, chân trái đã bị gãy cụp ngay ống quyển. Tôi gắng sức kéo lê chân gãy bò vào một gốc cây to hơn để tránh đạn, cố gắng nằm im, vết thương đau buốt, phải cắn răng chịu đựng. trời tối chưa chắc bọn địch đã phát hiện ra tôi, nếu tôi nổ súng có khi bị lộ, công văn tài liệu sẽ mất hết mà tính mạng cũng không thể bảo toàn. Máu ra nhiều nhưng tôi không dám băng bó, sợ lỗ tay gây tiếng động. Nghe tiếng bọn địch la ó, lúng lúng và rồi chúng la lên :

- Có chiếc mũ tai bèo Việt cộng kia tụi bây ơi.

Vừa lúc đó tôi cũng ngất lịm đi vì máu ra quá nhiều.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy còn khuya lắm, sương đêm dày đặc, rét tê cứng người, tay tôi vẫn giữ chặt khẩu súng, bốn bề thật yên tĩnh. Tôi cố gắng tự lật người lại, người đã nằm ngửa nhưng bàn chân thì vẫn nằm nghiêng, “Nó không còn là chân của tôi nữa rồi!”, tôi thầm nói như vậy. Tôi cởi quần dài để kiểm tra vết thương thì thấy tới 10 chỗ bị trúng mảnh mìn, băng chỗ nọ chảy máu chỗ kia. Cuộn băng cá nhân mang theo chỉ đủ băng chỗ nặng nhất, sau đó tôi bẻ hai cành cây nẹp chân bị thương lại và lấy tấm dù ngụy trang treo chân gậy lên cổ và tiếp tục cuộc hành quân bằng tư thế lết dần bằng hai tay: vai vẫn mang bông tải liệu, tay phải cầm khẩu AK47 trườn tới trước, tay trái nâng người lên choãi tới. Cứ thế, suốt đêm hôm ấy tôi đã trườn đi qua được 2 mồm đồi, cách quốc lộ khoảng 700m đường chim bay.

**** Ngày thứ hai:***

Không thể đứng lên quan sát địa hình, nên tôi đã đi lệch hướng. Trước mặt tôi là một vực sâu hơn 3m, thẳng đứng, đang loay hoay chuyển hướng thì phát hiện bọn địch đổ quân ngay khu vực nổ súng lung sục, liên tục nã M79 để mở đường. Tôi nhanh chóng quyết định: hai tay giữ chặt chân gậy, nghiêng người lặn xuống vực để tránh đạn. Chân trái đau buốt, tôi hình dung nó lại gậy thêm lần thứ hai, tôi lại lịm đi trong cơn đau! Tỉnh dậy, tiếp tục trườn đi được 10m sức nhớ ra nhìn lại lần cổ bị nằm rạp xuống, địch sẽ dễ dàng phát hiện. Tôi nảy ra ý đánh lạc hướng địch bằng cách bày ra hiện trường giả. Tôi phải trườn lùi, vừa trườn vừa ngụy trang lại đường. Không biết bao nhiêu lần tôi đã bị ngắt đi vì vết thương ra nhiều

Ngày ấy...

máu, vì đau đớn, đói và rét! Nhưng mỗi lần tỉnh lại tôi lại cố gắng trườn đi.

Địch vẫn tiếp tục lùng sục, chúng đã lần ra dấu vết nơi tôi lăn xuống vực và nhặt được chiếc khăn tay dính máu của tôi và lần theo dấu vết giả tôi bày ra đi thẳng vào khu rừng rậm. Tôi lại ngất đi, gần trưa tỉnh lại thì địch đã rút, không còn nghe tiếng lùng sục nữa, tôi yên tâm tiếp tục cuộc hành trình trở về đơn vị. Đến mếp suối, tôi chỉ uống vài ngụm cho tỉnh táo, vì uống nhiều sợ vết thương lại ra máu nhiều. Tôi cố gắng lết lên trên mỏm đồi cao để xác định phương hướng, sau đó trườn qua khu rừng già - điểm quy định của đơn vị trong chiến đấu nếu bị thương, chạy lạc phải cố gắng tập kết về đây để đồng đội đi tìm. Đến điểm hẹn thì trời tối, tôi tựa đầu vào gốc cây nghỉ và nghe ngóng, mong đợi từng bước chân của đồng đội đến tìm. Đêm càng khuya tôi càng hy vọng!

**** Ngày thứ ba (14/5/1974):***

Cái đói cồn cào làm cho người tôi càng yếu đi. Nhìn lại đoạn đường tôi đã vất vả trong 2 ngày đêm để vượt qua, nếu người bình thường chỉ đi trong 2-3 tiếng, vì thế con đường trước mắt còn quá xa, dốc cao và phải qua rất nhiều con suối lớn.

Làm cách mạng là chấp nhận hy sinh, còn sống thì là còn chiến đấu, lúc này là chiến đấu với tử thần để dành lại sự sống, đến hơi thở cuối cùng. Trời vừa sáng tôi tiếp tục trườn đi, mặc dù lúc này hai cánh tay tôi đã trầy nát, quần tôi mặc trên người cũng đã rách bươm. Ba ngày qua, chỉ uống vài ngụm nước, ăn vài nắm lá rừng.

Đoạn đường trước mắt là đoạn khó khăn nhất (kể cả với người bình thường) vì phải vượt qua bãi sinh, sau đó là lên con dốc rất cao, không có suối nên sẽ không có nước để uống. Làm sao có thể vượt qua đây?

Có lần tôi nghe các đồng chí lớn tuổi nói với nhau : thiếu ăn mà có nước uống thì con người có thể sống được tới 27 ngày, còn thiếu nước thì chết nhanh lắm. Nhưng lúc này tôi thiếu đủ thứ: thức ăn, kể cả nước uống, thiếu máu, thiếu chân để đi. Chân bị thương đã bắt đầu nhiễm trùng, sưng tấy lên. Đành liều vậy, chỉ mong sao về trong vòng tay đồng đội rồi nhắm mắt cũng đành! Bút một nắm lá chua chát non cho vào miệng nhai thật kỹ, vừa có cảm giác đỡ đói vừa đỡ rất cổ, khát nước, tôi tiếp tục cuộc hành trình đầy khó khăn.

Không biết mấy lần ngất đi rồi tỉnh lại cuối cùng tôi cũng qua được bãi sinh, trườn đến một con suối khác tôi lại ngất lịm đi.

*** Ngày thứ tư (15/5/1974):**

Tỉnh lại, tôi thấy trời đã xế chiều, tôi cứ thế lết trườn đi, đói ăn lá cây, khát uống nước tiểu của chính mình, ngất xỉu rồi tỉnh lại, tiếp tục trườn đi. Suốt ngày và đêm hôm nay toàn phải lết trên đồi cao, không có con suối nào nên phải uống toàn nước tiểu. Khát quá, không tiểu được nữa tôi lại ngất lịm đi trong đêm tối.

*** Ngày thứ năm (16/5/1974):**

Tỉnh lại trời cũng đã về chiều, quan sát lại địa hình tôi thấy mình đã đi được 2/3 triền đồi. Ráng nhai một

Ngày ấy...

nấm lá chua chát vừa quơ được, miệng khô rát, môi nứt ra chảy tứa máu, cổ không còn nói ra tiếng, tôi cố đếm một, hai, ba... nhưng không hề có một âm thanh nào. Bứt một lá cây làm chiếc phễu, cố gắng tiểu ra được tí xíu, tôi lại vội uống vào và chỉ cảm thấy một vị mặn đắng chạy qua lưỡi. Cái chết lại chờn vờn trước mặt tôi, nhưng trước khi chết tôi vẫn quyết tâm lết thêm một đoạn nữa, cố gắng về gần với đồng đội thêm tý nữa. Nghĩ đến anh em, đồng đội, nghĩ đến người thân, gia đình... dòng nước mắt tôi chảy xuống, qua gò má, thấm vào khoe miệng, tôi đưa lưỡi ra tự “nhấm nháp” dòng nước có vị mằm mặm ấy của chính mình và bỗng dưng tôi thấy mình tỉnh hẳn ra. Tôi xác định được nơi tôi đang ngồi là đồi “dã chiến”, vì cảnh sát dã chiến khi đi càn đã đào rất nhiều công sự ở đây. Nghĩ vậy, tôi quyết tâm quần đi quần lại để tìm cho ra các hố công sự, may ra còn có công sự nào còn đọng lại tý nước. Cuối cùng, tôi cũng tìm được một hố nước toàn muỗi, lẫn quần, lá cây mục và tý nước đọng, những giọt nước đó đã cứu sống được tôi! Tôi tỉnh táo hẳn lại, tiếp tục trườn, lết và dầm xuống tôi đã về đến suối 3 (con suối rộng đến 9-10 mét, sâu 0,8 mét, nước rất trong). Mừng quá, tôi uống một mạch cho đỡ khát, rồi rửa mặt, súc miệng. Tựa lưng vào gốc cây men suối và thiếp đi đến sáng hôm sau.

**** Ngày thứ sáu (17/5/1974):***

Năm ngày qua, đói và khát, không có một viên thuốc kháng sinh nào, nhưng không hiểu sao vết thương cũng không còn ra máu, mặc dù vẫn sưng rất to, miệng các vết mảnh đạn cũng đã khô dần. Quyết tâm trở về đơn

vị đã cho tôi thêm sức mạnh, vượt qua đau đớn, vượt qua được những cơn sốt mà trước đây chỉ có ký ninh mới làm nó cắt cơn được. Để bảo vệ vết thương khỏi bị ướt, tôi phải tìm cách vượt qua được con suối này. Suốt buổi sáng, bằng hai tay tôi vừa trườn đi, vừa tìm các cây gỗ gãy gác qua các mỏm đá và theo đó trườn qua suối. Tới đây tôi không thể nào mang súng được nữa. Tôi đập gãy báng súng, sau đó tìm chỗ giấu súng để có thể tiếp tục hành trình. Vượt được suối 3 thì trời đã chập choạng tối, quá mệt mỏi vì công việc “bắc cầu” nên đến mép suối bên kia tôi lại bị ngất đi.

**** Ngày thứ bảy (18/5/1974):***

Tờ mờ sáng, nghe tiếng chó sủa tôi giật mình, không còn tin vào mình nữa! Nhưng tự trấn tĩnh lại, tôi sức nhớ ra khu vực này có đàn chó rừng, đã có lần anh Vĩnh (trạm trưởng) đã bắn chết một con. Tôi không còn nhớ mình đã qua bao nhiêu con suối, bao nhiêu quả đồi rồi. Tuyến đường này tôi thuộc như lòng bàn tay, bình thường nếu gặp địch, phải cắt rừng hoặc đi vòng vèo gì thì cũng một ngày là có thể trở về đơn vị rồi. Thế mà, đã qua ngày thứ bảy rồi, tôi vẫn đang ở lưng chừng con dốc này! Không hiểu tôi có đủ sức để về tới đơn vị không, hay chỉ tý nữa đây lại ngất lịm đi rồi sẽ không bao giờ tỉnh lại nữa! Chưa khi nào tôi thấy nhớ anh em, đồng đội da diết như vậy, nhớ từng tính nết, khuôn mặt từng người. Chưa khi nào tôi cảm thấy tình đồng đội lại thiêng liêng như vậy! Nước mắt tôi chảy ra đầm đìa, những giọt nước mắt tự nhiên tuôn trào, tôi khóc như chưa khi nào được khóc. Nếu không có thay đổi gì trong những ngày qua thì đơn vị tôi chỉ nằm cách đây khoảng 30 phút đi bộ.

Ngày ấy...

Chỉ còn phải vượt qua một con suối nhỏ và một quả đồi nữa thôi, thế nhưng sao nghe yên ắng quá, xa vời quá!

Có lẽ sau trận nước mắt ấy tôi không cho phép mình ủy mị thêm nữa. Đã bao nhiêu anh chị em khác cũng đã dũng cảm chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nay mình đã qua được sự hiểm nguy, đơn vị ở rất gần rồi thì tại sao lại bị quan như thế được? Tôi uống một ngụm nước, nhổ cây chuối rừng cạnh mép suối nhai ngấu nghiến cho đỡ đói và tiếp tục trườn lên đồi, trong đầu tôi luôn động viên mình “ráng lên, ráng lên, sắp gặp anh em mình rồi”. Khi chỉ còn cách đơn vị 100m, tôi nhìn thấy vết cỏ bị nằm bẹp xuống như có khoảng một trung đội đã đi qua. Tôi nghĩ ? “Địch cần vào đơn vị rồi”. Tôi cảnh giác, bất thành linh từ phía sau có tiếng hô to.

- Giơ tay lên.

Tôi lại ngất đi.

Hai ngày sau:

Tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên võng và được 2 người khiêng đi. Mở mắt ra, tôi thấy anh Thủy (đội trưởng đội công tác), anh Long (y tá) và anh Chiến. Các anh cho biết, đơn vị bị địch tập kích, chưa biết chuyển đi đâu, các anh đi bám địch, trở về đơn vị cũ để chuyển đồ đạc may sao gặp được tôi. Anh Long, y tá rửa ráy và băng bó vết thương cho tôi. Bốn vết thương ở đùi không

biết có phép thần nào mà đã lành, vết thương ở bàn chân nhiễm trùng, mưng mủ, đã bị hoại tử.

- Không về bệnh xá hôm nay, không biết có giữ được cái chân lại cho em không? -Anh Long lo lắng nói.

- Liệu em có chết không? -Tôi nói.

Các anh nhìn nhau, chảy nước mắt! Thấy vậy tôi không nói gì nữa. Gặp được các anh tôi mừng quá rồi, bây giờ có chết cũng trong vòng tay anh em rồi, tôi không thấy sợ nữa.

- Em có đói không? -Anh Thủy hỏi

- Em thèm ăn lắm.

- Mình dừng lại bên con suối nào đó nấu cháo cho Hai ăn đỡ đói rồi đi tiếp.

- Các anh cho em ăn cơm đi. -Tôi năn nỉ.

- Được, nhưng em phải ăn ít thôi.

Tuy không phải là anh em cùng đơn vị, nhưng tình cảm của các anh dành cho tôi lúc này khiến tôi không cảm lòng được!

Chiều 19/5/1974, cả đoàn chúng tôi bắt liên lạc được với anh em ở trạm giao liên T372. Người đầu tiên tôi gặp là Cao Thi (tức Đua). Thi cho biết:

- Đơn vị đã báo về cấp trên mây hy sinh rồi, áo quần tư trang của mây anh em trong đơn vị đã chia nhau giữ làm kỷ niệm.

Khi anh Thủy giao lại cho Thi bằng tài liệu mà suốt thời gian qua tôi đã không rời nó và nói với Thi:

- Đồng chí Hai đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyển công tác vừa rồi!

Ngày ấy...

Cao Thi không nói gì cầm tay tôi siết chặt, nhìn tôi cười còn tôi thì nước mắt cứ chảy vòng quanh. Đó là những giọt nước mắt hạnh phúc nhất mà suốt cả cuộc đời chiến đấu không bao giờ tôi quên được.

THU HIỀN (biên soạn)
Tháng 8/2000

THAO THỨC

Bút ký: HOÀI NAM



ó một người chiến sĩ giao bưu đã hy sinh rất anh dũng tại chiến trường Tuyên Đức, nhưng cũng như nhiều đồng đội khác, tên anh không được “khắc vào đá núi” vì hơn 20 năm sau giải phóng vẫn chưa ai tìm được tên thật cho anh ngay cả quê quán, cha mẹ họ hàng người thân và nơi chôn anh cũng đã bị mất dấu vết.

Nhận được tin này từ ông Nguyễn Đức Thuận, cán bộ Bưu điện Lâm Đồng, tôi liền tìm đến người đồng đội của liệt sĩ giao liên trên (nay đã nghỉ hưu tại Đà Lạt). Đó là ông Nguyễn Hữu Hào.

Ông Hào người thấp đậm; hồi trẻ chắc ông cũng nhanh nhẹn nhưng bây giờ trông ông đã yếu đi nhiều. Ông đã dần vật suy nghĩ nhiều về đồng đội nhất là người liệt sĩ giao bưu của đơn vị ông. Anh tên gì? Quê hương anh ở đâu? Thân sinh là ai? Ông Hào nhớ rất kỹ trước và khi người giao bưu này về đơn vị nhưng không một chi tiết nào trả lời câu hỏi trên.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

có biết bao người chiến sĩ giao liên, giao bưu hy sinh đã được viết lên những bản anh hùng ca như anh Kim Đồng, chú bé Lượm... nhưng cũng có biết bao người ngã xuống không tên tuổi.

Ông Hào kể: “Vào năm 1968, sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, bọn địch điên cuồng đánh phá. Đà Lạt gặp nhiều khó khăn; lực lượng bị lộ, địch truy bắt, một số bị tù, một số phải đổi vùng. Cán bộ các đội công tác không vào được thị xã”. Bấy giờ ông Hào thuộc Trạm giao bưu T371 đóng ở Núi Voi. Để tiếp tục giữ đường liên lạc vào lòng địch, Thị ủy tăng cường cho trạm một số liên lạc viên rất trẻ, trong đó có một chú bé tuổi cỡ 14, 15. Để giữ bí mật, Trạm chỉ được biết tên anh ta là Nguyễn Văn Vạn, người Bình Định, ngoài ra không biết gì nữa.

Cậu Vạn người bé nhưng nhanh nhẹn. Cậu có nước da ngăm ngăm, trán gồ, ít nói. Cậu bảo quê cậu ở một vùng giáp ranh, hàng ngày bom đạn tàn phá ác liệt. Cậu vào Đà Lạt làm thuê chăn bò đàn cho một ông chủ ở Trại Hầm (ông chủ này sau giải phóng không còn ở đây nữa). Hàng ngày đưa bò lên núi cậu được gặp gỡ tiếp xúc với bộ đội giải phóng, lâu ngày thành quen thân và cậu đã xin các anh đi theo để phục vụ cách mạng. Sau này những người dìu dắt cậu chắc cũng đã hy sinh hết. Cậu chỉ kể cho ông Hào có bấy nhiêu...

Anh là người chịu thương, chịu khó; bản tính chất phác hiền lành, yêu quý đồng đội. Tất cả các đợt công tác, anh đều hoàn thành nhiệm vụ. Dù nhiều lần gặp địch, anh đã chống trả quyết liệt bảo vệ an toàn tuyệt đối tài liệu của Đảng, không để lọt vào tay quân thù. Sau mỗi đợt công tác anh còn tranh thủ vào rừng hái rau, hoặc xuống suối bắt cua, bắt cá góp phần cải thiện bữa ăn cho thương binh

trạm xá Thị ủy...

Thế rồi, vào ngày 20/11/1970 - Ông Hào ngậm ngùi kể: - Chúng tôi được nhận nhiệm vụ vận chuyển công văn và đưa đoàn cán bộ lãnh đạo của Thị ủy từ trạm T371 (khu căn cứ Thị ủy Suối Cát) đến Trạm T372 (khu Tam Giác) thuộc xã Xuân Thọ. Bàn giao xong, tôi và đồng chí Vạn trở về thì trời tối, anh em chúng tôi nghỉ lại trong rừng để sáng sớm mai đi tiếp. Chúng tôi vừa mới đến khu vực Đồi Bù thì gặp ngay Đại đội 302 lính nguy khét tiếng tàn ác, chúng nguy trang mặc áo bộ đội, mang súng AK, đội mũ tai bèo, vai khoác ba lô quân giải phóng. Chúng tôi bán tín, bán nghi, chưa kịp hỏi mặt khẩu địch đã bắn xối xả. Tôi và Vạn lăn ra mỗi người một phía cùng hiệp lực chống trả. Bọn địch nhiều lần xông lên xiết chặt vòng vây hòng bắt sống chúng tôi. Với khẩu K50, Vạn đã trườn lên chống trả quyết liệt yểm trợ để tôi mang công văn tài liệu cất rừng về đơn vị. Vạn trúng đạn. Tôi còn thấy anh lao đảo rồi ngã gục. Đơn vị đã đến nhưng không cứu được anh. Chúng tôi chôn cất anh ở cạnh một bụi sim, dưới rặng thông già. Chiến tranh ngày càng ác liệt, địch thường phục kích đường giao liên, chúng tôi ít có dịp đến thăm phần mộ của Vạn. Những năm sau đó giao bưu hy sinh nhiều. Chỉ tính ở Đà Lạt Lâm Đồng từ 1970-1975 đã có 55 giao bưu hy sinh. Ác liệt như thế tôi đâu có kịp hỏi rõ tông tích của Vạn...”

Ngày chiến thắng trở về, ông Hào đã báo với Phòng Thương binh xã hội thành phố về những người thuộc đơn vị ông hy sinh để Nhà nước cấp Bằng liệt sĩ, báo tử cho bố mẹ, vợ chồng hoặc người thân. Riêng Nguyễn Văn Vạn, ông Hào đã tìm lý lịch gốc, nhưng cũng chỉ vắn vẹn mấy dòng trên mà thôi.

Không thể để con người có thật ấy chỉ có mỗi cái tên hiệu Nguyễn Văn Vạn mà chẳng ai biết đó là ai, bao năm điều đó day dứt mãi ông Hào - Người Trạm trưởng T371 đã nghỉ hưu. Nhiều lần ông đến chỗ Đồi Bù nơi Vạn đã hy sinh. Bây giờ người ta lại trồng thông phủ kín, chẳng còn đoán biết được mộ anh ở chỗ nào. Thời gian qua đi, ông Hào chờ một người họ hàng đến hỏi ông lập tức hợp tác tìm cho được mộ của anh.

Nhưng đã hơn 20 năm trôi qua, lòng ông Hào như lửa đốt. Ngộ nhỡ mình có mệnh hệ gì mà phải ra đi thì coi như Vạn đã không có trên đời. Phải tìm được mộ anh rồi tìm tông tích anh...

Đà Lạt thanh bình. Bầu trời trong xanh, sâu thẳm đến vô cùng. Những rừng thông, những đồi cỏ rung rinh cười trong nắng mới. Đoàn xe của Bưu điện tỉnh Lâm Đồng một lần nữa lại lặng lẽ tiến về phía Đồi Bù để ông Hào cố nhớ mà xác định vị trí nơi chôn đồng chí Vạn. Trên đoạn cỏ sáng này chính là lối ông cùng đồng chí Vạn chọn để băng về trạm. Đây, chính chỗ này đây bọn địch phục kích. Lúc ấy chính Vạn đã nói: “Anh Hào ơi, hình như bộ đội giải phóng?”. “Không đâu, khéo bọn địch trá hình!”. Rồi thì chính đoạn này địch bất ngờ nổ súng. Ông Hào đập tay vào trán dăm chiêu. Ở đây hồi ấy còn có mấy cây thông cao vút. Phải rồi, vùng này; nhất định vùng này, bởi khi anh em đào huyết để chôn Vạn, ông có ngược nhìn lên ước khoảng dốc kia tới đây chừng 15m...

Những người đi tìm mộ đào hết vị trí này đến vị trí khác, thăm thía nổi thao thức nhớ đồng đội của ông Hào. Vạn chỉ còn một chút xương ở nơi này nữa thôi, phải cố tìm cho được.

Thấy rồi!...

Mấy người cầm xẻng kêu lên khi đào phải tấm vải tăng và biết ngay là dùng để bó chiến sĩ hy sinh khi mai táng. Và thế là họ đã tìm được hài cốt người chiến sĩ giao bưu Nguyễn Văn Vạn.

Ông Hào dần dựa nước mắt: “Vạn ơi, em sống không chết thiêng, sao bây giờ em mới cho anh tìm thấy mộ. Bố mẹ em, quê quán em ở chỗ nào cho anh biết đi, để anh về tạ tội cụ vì có lẽ đã ba mươi năm, cụ chẳng biết em sống chết thế nào?”.

Tại nghĩa trang liệt sĩ Đà Lạt, ông Nguyễn Hữu Hào nghẹn ngào nói với các cán bộ Bưu điện có mặt hôm đó:

- Chiến tranh đã qua lâu rồi, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy thanh thản. Tôi coi liệt sĩ Nguyễn Văn Vạn như chính em ruột của mình. Tìm được hài cốt đồng chí Vạn đưa về nghĩa trang là nguyện vọng của anh em đồng đội, bản thân tôi cũng thanh thản một phần. Nhưng đây cũng chỉ mới làm được một việc, còn một việc nữa phải tìm cho được tên thật và thân nhân đồng chí Vạn...

Ông Nguyễn Đức Thuận, người có mặt trong buổi lễ truy điệu và an táng liệt sĩ Nguyễn Văn Vạn tại nghĩa trang Đà Lạt xúc động kể: “Hôm đó dự lễ truy điệu còn có các đồng chí giao bưu năm xưa, đã từng công tác, chiến đấu với liệt sĩ Vạn, có đại diện của Thành ủy... Các đồng chí thực sự xúc động, tràn đầy nước mắt. Tuy Nguyễn Văn Vạn hy sinh đã gần 28 năm nhưng nhìn quang cảnh, nhìn đồng chí, đồng đội của anh tôi có cảm giác như nghe đâu đây có mùi thuốc súng của ngày hôm qua. Ngồi bên phần mộ của anh, chúng tôi nghĩ về quê hương anh, một miền quê của Bình Định năm xưa nghèo, đầy bom đạn, có cha mẹ già luôn trông ngóng người con đi xa... và các cụ có biết đâu chính các cụ đã sinh ra người con ưu tú dám hy

sinh thân mình để tô thắm ngọn cờ giải phóng quê hương...”

Tôi cũng có ba người chú ruột hy sinh trong chống Pháp và chống Mỹ, có hai chú đến nay cũng chưa tìm được mộ. Ông bà tôi đã mất. Nếu không có những người đồng đội như ông Hào, nếu không có sự quan tâm như cơ quan Bưu điện Lâm Đồng thì bao giờ người cha, người mẹ của liệt sĩ Vạn tìm thấy mộ con mình. Chẳng biết lúc này có người cha mẹ nào đã nhận ra đứa con của mình chính là liệt sĩ Nguyễn Văn Vạn kia không? Chắc chắn một ngày nào đó sẽ có người ruột thịt của anh Vạn đến ghi tên thật lên mộ cho anh. Thưa anh Nguyễn Văn Vạn, thưa các anh hùng liệt sĩ vô danh, các anh đã ngã xuống không một lời trần trối thậm chí mất cả tên; nhưng chính các anh là những con người sống mãi với sự nghiệp giải phóng quê hương.

THÀ CHẾT KHÔNG CHỊU HÀNG

THI HOÀNG



Trong những ngày chống Mỹ ở Nam Tây Nguyên diễn ra rất ác liệt, lực lượng giao bưu thông tin của các tỉnh Tây Nguyên nói chung và Tuyên Đức - Lâm Đồng nói riêng đã đóng góp một phần không nhỏ về trí tuệ, công sức và cả xương máu để làm nên chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975. Và đã có những chiến sĩ giao bưu vĩnh viễn nằm lại với vùng đất Nam Tây Nguyên, trong số đó có Trần Đạo - một chiến sĩ giao liên K3 của Lâm Đồng cũ.

Tháng 1/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 15 về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường khởi nghĩa vũ trang, dựa vào lực lượng quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ quyền thống trị của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn, dựng lên chính quyền cách mạng nhân dân. Con đường hành lang Bắc - Nam được hoàn thành để chi viện cho chiến trường miền Nam. Ở Lâm Đồng (cũ), thắng lợi của phong trào mở mang, giành dân đã hình thành được hai vùng căn cứ rộng lớn ở phía Nam và Bắc đường 20. Để trực tiếp

chỉ đạo phong trào ở các địa bàn, trong năm 1962, Tỉnh ủy thành lập Phân ban T14 (từ Đạ Gùi đến Tây Di Linh), K1 (Bắc đường 20), K2 (giữa Bảo Lộc - Di Linh) và K3 (Di Linh). Tháng 11/1960, sau khi nối thông đường hành lang chiến lược Bắc - Nam, C200 của Lâm Đồng ngoài nhiệm vụ sản xuất và đánh địch mở rộng vào vùng giải phóng, còn bố trí lực lượng ở các trạm hành lang Đình Xiếc - Xa Nia, Bù Đăng, Bxa Luxiên, Bù Rôn và Bù Khiêu.

Đồng chí Nguyễn Xuân Dụ (tức Tám Cảnh), lúc đó là Phó Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, nhớ lại: “Ngoài hành lang chiến lược Bắc - Nam đi từ Đình Xiếc, Xa Nia vào đến Bù Cháp để nối với chiến khu Đ, trên địa bàn Lâm Đồng còn hình thành các đường hành lang từ tỉnh đến các K và phân ban T14 để đưa đón cán bộ, vận chuyển công văn tài liệu, vũ khí... Tổ giao liên K3 có 13 cán bộ, chiến sĩ phụ trách hoạt động trên một địa bàn khá rộng và nguy hiểm vì phải vượt đường 20 và đường 8. Tổ giao liên K3 lúc này do đồng chí Hiền phụ trách. Nhưng vì đồng chí Hiền ốm đau liên tục nên tổ này trên thực tế do đồng chí Hà Ngọc Bích (Tám Bích), Bí thư K3 trực tiếp chỉ đạo”.

Những năm tháng đó, giao liên K3 đã cắt được những con đường qua nhiều địa hình phức tạp vận chuyển cán bộ, vũ khí và tài liệu. Ba tuyến chính của K3 lúc bấy giờ là tuyến từ Kon Rum vượt qua đường 20 lên núi Xà Lùng về tới núi Bờ kẻ Xabơn để liên lạc với K2, K1 và nối với hành lang chiến lược; tuyến từ núi Prây Dâng vượt đường 20 lên xã 5 nối với Tuyên Đức hoặc vào căn cứ của tỉnh gặp đường hành lang Bắc - Nam; tuyến từ Kon Rum cắt lên Tứ Quý, An Lạc, vượt đường 20 đoạn Cống Sinh sang Trảng Bia. Đoạn Cống Sinh dài khoảng 200m, là đường đi lại của dân địa phương. Và chính đoạn Cống Sinh này đã chứng kiến

một sự hy sinh rất anh dũng của một chiến sĩ đường dây K3 - Trần Đạo!

Trần Đạo trước là bộ đội giải phóng từ Bắc tăng cường vào, người Thanh Hóa, nhập ngũ khoảng năm 1965. Sau khóa huấn luyện, anh được đề bạt làm tiểu đội trưởng lên đường vào Nam chiến đấu. Vào Lâm Đồng (1966), anh được phân công về Đội Công tác 16 của K3. Đội công tác 16 của Đạo là một trong ba đội (cùng với Đội Trắng Bia và Đội Tứ Quý) có nhiệm vụ bám đường, bảo vệ đường, đưa đón khách ở những vị thế xung yếu nhất, trong đó có đoạn Cống Sinh.

“Đó là một con người rất dũng cảm - đồng chí Nguyễn Xuân Du kể - rất hiền lành, chấp hành nghiêm mệnh lệnh, thực hiện tốt công việc được giao, thường là đạt hiệu quả cao hơn so với nhiều người khác. Khi đi trinh sát, anh rất thận trọng. Vào dân anh hiền lành nên được dân yêu mến. Đặc biệt, đường dây của anh thường phải xuyên băng qua đường 20 và đường 8 - đoạn ác liệt nhất, nhưng anh vẫn luôn hoàn thành nhiệm vụ, đưa đón khách và vận chuyển hàng hóa đi đến nơi về đến chốn. Trong các đội này có một tổ gọi là tổ bám đường, trong đó có Đạo. Công việc của tổ bám đường thường “dày” hơn và nguy hiểm hơn.

Khó nhớ hết những chuyến bám đường - đưa khách của đồng chí Đạo. Những cán bộ được Đạo đưa qua đường dây có không ít các đồng chí lãnh đạo cao cấp. Đến trước ngày Mậu Thân nổ ra, Đạo đã hy sinh một cách rất anh dũng”.

Đó là vào một ngày khoảng cuối năm 1967. Trời Di Linh đổ mưa lớn. Trên tuyến giao liên Hang Ho - Bể Xbưng - Đàng Quạch - Trắng Bia - Cống Sinh, những chiến sĩ giao liên vẫn lặng lẽ làm nhiệm vụ. Con đường đi qua Cống Sinh là độc đạo với những cây rừng được ghép lại trải qua sinh lầy do dân địa phương tự tạo. Vì là độc đạo nên muốn qua

dây không còn cách nào khác ngoài việc bí mật đi nhờ con đường tự tạo của dân. Phát hiện ra điều này, địch thường xuyên cài mìn trên con đường tự tạo đó. Tuy nhiên, trước sự quả cảm, tinh nhạy và mưu trí của các chiến sĩ trinh sát đường dây của ta, địch chưa bao giờ thực hiện thành công mưu đồ của mình. Và Đạo là một trong những chiến sĩ quả cảm, tinh nhạy và mưu trí đó.

Nhờ vậy, những chuyến đưa cán bộ qua đường dây đoạn xung yếu nhất ấy -đoạn Cống Sinh - của anh luôn thành công với những bất ngờ và táo bạo nhất. Chỉ riêng hôm đó... Trời mưa đến tối tầm mắt mũi. Hai cán bộ của ta là Ba và Lịch phải qua Cống Sinh để làm nhiệm vụ. Đạo là người dẫn đường. Mặc cho mưa to, gió lớn, Đạo đi đầu dẫn đường và trinh sát phát hiện mìn. Đúng như dự đoán của anh, trên đoạn đường tự tạo của dân có một quả mìn do địch cài. Sau khi xác định được vị trí của quả mìn, anh quay lại dẫn đoàn khách qua. Những bước chân vô cùng cẩn trọng đặt lên đoạn đường độc đạo Cống Sinh. Đạo ngồi thụp xuống nơi có quả mìn để lưu ý mọi người thận trọng khi bước qua đây.

Trời sắp sáng. Mưa vẫn chưa dứt. Đoàn người đi qua an toàn. Đợi cho mọi người đi thật xa, Đạo mới quay về trạm. Nhưng vì ngồi quá lâu giữa trời mưa nên cái rét ngấm vào tận xương, Đạo hoa mắt loạng choạng đứng dậy. Tay chân lạnh cóng, đầu quay cuồng, Đạo không tài nào làm chủ được bước chân của mình. Đoàn khách đã đi xa. Bất ngờ một tiếng nổ cực lớn xé tan bầu trời đêm sắp về sáng. Người Đạo bị hất văng xuống sinh. Anh Trần Đạo đã hy sinh anh dũng như thế. Lúc đó, anh chỉ mới ngoài hai mươi tuổi.

LANGBIAN - CÒN ĐÓ NHỮNG BƯỚC CHÂN

Ký chân dung: PHAN VĂN ĐÔNG



ô gái quì xuống trước người cha, mái tóc đen dài buông nghiêng còn vướng những bông hoa dại trên đường. Gần suốt 20 năm qua, cô và mẹ cô năm nào cũng đến gặp cha của mình và người bạn thân nhất của cha. Họ nói với nhau những gì không ai biết nhưng sau những lời như thế, nơi gặp nhau ấy lại có những bông hoa rất đẹp của núi rừng và người dân ở xã Lát lại bảo nhau: Hôm nay Hà Hương và Ha K'Ran vui lắm đấy.

Hà Hương có thói quen ngồi xổm trên nền nhà, anh sắp kỹ từng bao thư, công văn và mấy tờ báo vào chiếc ba lô. Những ngày đầu tiên có người lắc đầu cười khi thấy anh có kiểu ngồi đó nhưng anh cũng cười lại hồn nhiên: quen rồi, ngồi như thế đứng lên nhanh hơn. Ở cả các vùng Kifanhol Hạ này ai lại không biết chàng trai Liêng Jrang Hà Hương nhanh nhẹn như con nai, con sóc, biết đọc biết viết và từng đi làm liên lạc cho cán bộ cách mạng khi vừa được 15 mùa rẫy. Khỏe và siêng năng lắm nên Hà Hương nổi trội hơn nhiều chàng trai khác. Bao con gái trong làng thương anh

nhưng anh chỉ biết đến có một người. Họ thương nhau suốt mấy mùa trăng và năm 19 tuổi Hà Hương có gia đình riêng của mình.

So với những chàng trai khác trong làng Hà Hương đã chậm có đứa con gái ăn cùng mâm, uống cùng chén rượu với mình. Lấy vợ sớm quá không làm được việc cho cách mạng - Hà Hương cười nói với người làng như thế. Được làm việc cho cách mạng Hà Hương vui lắm. Mỗi lần hoàn thành nhiệm vụ, Hà Hương lại được các anh, các chú thưởng cho sách bút... Anh nhớ hôm chú Oanh - phụ trách Bưu cục Lạc Dương vào tuyển người làm giao thông viên của huyện, anh được các chú trong xã gọi đến giới thiệu cho chú Oanh, anh mừng lắm. Nhóm năm người: Hà Hương, Ha Balá, Ha K'ran, Hà Đông và Ha Sú là những giao thông viên đầu tiên trên địa bàn huyện Lạc Dương sau ngày giải phóng miền Nam.

Không sắc sảo như Hà Hương, Ha K'ran lại là chàng giao thông viên mới vào nghề với nụ cười rất hiền. Quê của Ndu Ha K'Ran ở tận trong Đầm Ròn - vùng đất bên sông Krông Nô này là nơi sinh ra và lớn lên cho đến khi anh được các chú trong đội công tác cắm ở xã giới thiệu cho huyện "thằng Ha K'ran tốt lắm". 17 tuổi Ha K'Ran đã trở thành người đưa thư của buôn làng.

Ngày ấy núi rừng còn lắm cây cối, cơn mưa rừng còn làm cho cả đất trời phải run lên, sên - vắt đầy các lối đi ... và lũ Fulrô cũng còn ẩn hiện khắp nơi. 5 anh em đội giao thông viên của huyện được phân luân phiên đi trên 2 tuyến đường: xã Lát đến vùng 3 xã Đầm Ròn và Xã Lát đến Đạ Sa - Đạ Chais. Hà Hương phụ trách chính tuyến Đạ Sa - Đạ Chais còn Ha K'ran chịu trách nhiệm chính tuyến vùng Đầm Ròn. Với chiếc ba lô sau lưng, nắm cơm vắt bên hông và khẩu súng trên vai, hằng ngày Hà Hương, Ha K'ran cùng anh

em trong nhóm băng rừng lợi suối đến với đồng bào. Trên 50 km đường rừng luôn có mọi hiểm nguy đang rình rập, các anh vẫn đi không chút băn khoăn. Một ngày đi giao công văn, báo chí, một ngày đi đưa công văn, thư từ và ngày sau lại quay trở ra Xã Lát - và lại nghỉ một ngày chuẩn bị công văn, báo chí ... rồi ngày sau lại quay trở vào... Cứ thế thường lệ một tuần hai chuyến ra - vào, các anh không có nhiều thời gian cho riêng mình.

Tuy nhiên đó chỉ là hành trình thông thường, còn nhiều khi có công văn hỏa tốc - Ha K'ran nhớ lại - có những lúc vừa từ Đầm Ròn về đã 5 giờ chiều, cả người lạnh cóng vì mưa rừng, mưa rừng to và dai dẳng - chưa kịp cởi dép, áo mưa thì được lệnh nhận ngay công văn hỏa tốc và quay trở vào. Rừng âm u chìm trong bóng tối và mưa gió, thỉnh thoảng mới có một tia chớp loé lên. Hai người chỉ có một chiếc đèn pin cũ lúc sáng lúc tắt cứ thế mà dò đường đi. Hai hàm răng đánh vào nhau vì lạnh. Đi rừng vào mùa mưa đã nguy hiểm mà đi đêm lại càng nguy hiểm hơn nhiều - cây đổ, đá lăn, nước lũ ở các con suối cuốn cuộn, thú dữ ban đêm đi kiếm mồi gầm gừ ... và cả Fulrô nữa.

Chàng trai người Chill 18 tuổi vẫn chưa hết cái hồn nhiên của trẻ con vậy mà lại gan góc, dũng cảm và hết sức tận tụy trong công việc. Ai biết được K'Ran, Hà Hương cũng nói: có chúng nó sợ gì không chạy việc. Quả thật chưa bao giờ hai chàng trai này chần chừ khi được giao nhiệm vụ. Mà nhận nhiệm vụ các anh đâu phải chỉ là chuyển công văn, báo chí ... mà còn làm công tác dẫn đường, bảo vệ cho các cán bộ trên địa bàn huyện. Những năm sau ngày giải phóng, Lạc Dương là "khu Fulrô" ở Lâm Đồng nên vấn đề dẫn đường, bảo vệ hết sức khó khăn và vô cùng nguy hiểm. Thế nhưng các anh không ngại. Có các anh, những cán bộ ta vẫn bình

yên khi ra vào các xã công tác. Một cán bộ lão thành bảo: đi với các cậu Ha K'Ran, Hà Hương ... không những cảm thấy yên tâm mà còn vui nữa vì các cậu ấy luôn hát và kể chuyện về núi rừng, về đồng bào cho những người cùng đi nghe.

Hà Hương biết chữ nhiều hơn Ha K'Ran biết tự học và dạy cho Ha K'Ran học. "Càng giỏi chữ thì càng làm việc tốt" - Hà Hương và Ha K'Ran hay nghe các bác các chú lãnh đạo nói thế nên cả hai chăm chỉ như con ong. Hà Hương lúc còn làm giao liên cho xã, nhờ biết chữ cứ mỗi tối lũ làng lại kéo đến nhà nghe anh đọc báo, kể chuyện cách mạng, đồng bào ta ở những vùng khác trong nước. Chuyện ấy, Ha K'Ran cũng làm được mỗi khi về làng. Và cũng nhờ đó lũ làng càng thương Hà Hương, thương Ha K'Ran nhiều lắm. Dân làng thường xuyên cho Hà Hương, Ha K'Ran gạo, nếp, gà, thịt con thú rừng ... để hai anh mang về anh em trong đơn vị cùng ăn.

Nhớ rõ lắm - anh em ở bưu cục nói - hôm nào không nhận gạo, thịt của bà con thì Hà Hương, Ha K'Ran lại xuống suối bắt cá, lên nương rẫy đào củ mì, bẻ bắp, bí ... tìm bắt chồn, chim mang về cải thiện bữa ăn cho đơn vị. Cụ Bon Krong Ha K'Lan - cha của Ha K'Ran kể rằng: lúc nhỏ có lần tôi đánh Ha K'Ran dữ lắm. Đánh nó vì đang bị bệnh mà nó ra suối bắt cá; tôi sợ con ma bắt đi. Nhưng sau biết nó có bạn bệnh gần chết thèm ăn cá nên nó làm thế. Tôi lại thương nó. Ha K'Ran tốt thế, giỏi thế nên khi về làm giao thông viên một thời gian ngắn đã đã được chào lá cờ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đọc lời tuyên thệ. Tuổi 17, cậu con trai có mái tóc xoăn đen ấy mỗi ngày nào còn chạy lung tung giờ đã đứng bên anh Hà Hương - ủy viên ban chấp hành chi đoàn đầu tiên ở huyện Lạc Dương. Ha K'Ran lại làm việc hăng say hơn trước, lại được nói với đồng bào trong

buôn làng về Đoàn thanh niên của mình.

Hết con trăng này lại đến con trăng khác, những con đường đi vào vùng Đầm Ròn và Đạ Sa - Đạ Chais luôn có bước chân của Ha K'Ran và Hà Hương. Không ai còn đếm được họ đã đi vào ra được bao nhiêu lần; nhiều lắm, nhiều như hạt gạo, trái bắp họ đã mang về cho anh em; nhiều như cái chữ, cái giấy tờ họ đã đưa vào cho cán bộ, đồng bào trong các buôn làng. Một chiều cuối tháng 8 năm 1980, Hà Hương và Ha K'Ran được chú Oanh phụ trách bưu cục gọi lên giao nhiệm vụ:

- Ngày mai hai chú đưa đoàn cán bộ y tế của thành phố Hồ Chí Minh vào Đầm Ròn chữa sốt rét cho đồng bào. Lần này không đi bộ theo con đường cũ mà đi xe ô tô theo đường Suối Vàng.

Hà Hương và Ha K'Ran chuẩn bị công văn tài liệu, kiểm tra lại súng đạn. Đêm ấy Hà Hương gặp vợ vừa trong buôn làng ra với đứa con gái một tháng tuổi. Chỉ ở tuổi 20 song Hà Hương đã thấy mình như lớn hẳn khi bế đứa con trên tay. Mái tóc của người vợ lại phủ lên bờ vai anh.

- Đi xe ô tô dễ bị Fulrô phục kích lắm - cái lo của người vợ làm anh cảm động càng thấy thương vợ vô cùng.

- Gian khổ, nguy hiểm thế nào cũng đi vì việc cách mạng mà. Đi xong chuyến này anh sẽ xin nghỉ mấy ngày giúp em đốt cái rẫy- anh cười vuốt tóc vợ.

Nhưng không. Anh đã không về giúp vợ đốt cái rẫy nữa rồi. 9 giờ 30 phút sáng hôm sau, chiếc xe chở 11 người và các dụng cụ y tế, thuốc men lên đường vào Đầm Ròn. Ha K'Ran cầm khẩu cạc bin ngồi sau xe, Hà Hương cũng cầm khẩu cạc bin ngồi trước cửa. Con đường rừng vào những ngày tháng 8 còn lắm khe rãnh và trơn như đổ mỡ khiến cho chiếc xe bò chậm chạp. Qua bên kia cổng trời đã hơn một giờ

chiều; trời bắt đầu đổ mưa. Chiếc xe đang chạy bỗng khựng lại; một tiếng nổ lớn vang lên và chiếc xe bốc cháy. Hà Hương bị hất khỏi xe lăn ra vệ đường; khẩu cạc bin trong tay anh đã rung lên. Hàng loạt đạn tiểu liên của bọn Fulrô từ hai bên sườn núi cao bắn xuống xối xả. Ha K'Ran cố đẩy những người còn sống trong xe ra ngoài và anh lịm đi. Ngọn lửa mỗi lúc cháy một lớn. Mặc dù bị thương nặng nhưng Hà Hương vẫn cố bảo vệ được ba cán bộ đi cùng xe còn sống sau khi xe cháy; riêng anh, anh đã nằm lại bên kia cổng trời. Và thế là, anh đã không kịp về giúp vợ đốt cái rẫy nữa rồi.

Trong chiến tranh, biết bao chiến sĩ giao bưu đã hy sinh. Và giờ đây thêm hai người vừa mới bước vào tuổi xuân xanh nữa lại nằm xuống khi đất nước đã hòa bình. Người dân xã Lát trồng 2 cây hoa hồng trên hai nấm mộ. Cil Ha Selg cùng mẹ và một ông cụ, bố của Ha K'Ran cứ đứng mãi trước Hà Hương và Ha K'Ran. Cái rẫy của Hà Hương giờ đã có cô gái tuổi đôi mươi làm giúp mẹ; mái tóc dài của người con gái trong đêm 20 năm trước phủ lên vai chồng giờ lại hiện hữu ở Cil Ha Selg. Liêng Jrang Hà Hưng và Ndu Ha K'Ran không còn mang công văn, cái chữ đến cho buôn làng nữa. Đã gần 20 năm như thế. Nhưng không, các anh vẫn đi về. Có người bảo vẫn còn thấy các anh xếp công văn, thư từ ... trong chiếc ba lô với khẩu súng trên vai. Tôi chưa thấy như họ nhưng trên những tuyến giao bưu ở vùng đất Lạc Dương này tôi vẫn thấy rõ những dấu chân của các anh còn in đậm và trong tiếng gió của đại ngàn tôi vẫn nghe, nghe mãi tiếng vọng bước chân của những người con của núi rừng năm nào. Không, các anh không chết ! Các anh vẫn đi về với đồng chí đồng đội, với buôn làng chẳng giây phút dừng chân.

TRẦN NGŨ - NGƯỜI CHIẾN SĨ GIAO BUŨ ĐẦU TIÊN TRÊN CHIẾN TRƯỜNG TUYẾN ĐỨC

THU HIỀN

*(Ghi theo lời kể của ông Đinh Sĩ Uẩn -
Nguyên chủ nhiệm Cục Chính trị Quân khu VI)*

Vào những năm 1958 - 1959, sau khi có Nghị quyết 15/TW, Trung ương quyết định tăng cường cán bộ quân sự, dân đảng cho Miền Nam và Tây Nguyên. Hồi ấy, việc đi B được tổ chức một cách chu đáo, bí mật, mỗi cán bộ chiến sĩ được đi đều phải qua lựa chọn rất kỹ càng. Tháng 4/1959, đoàn chúng tôi được tập trung học tập, chuẩn bị vào Nam nhận nhiệm vụ. Đoàn có 12 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có Trần Ngũ, tháng 6/1959 chúng tôi rời miền Bắc. Những ngày tháng đầu tiên cùng chung sống trên đường hành quân “Nam tiến” ấy, rồi đến những năm cùng nếm trải những gian khổ, ác liệt trên chiến trường cực nam sau này, Trần Ngũ - chàng thanh niên người miền Nam, mới 22 tuổi đời ấy đã để lại trong tôi những ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Trần Ngũ sinh ra và lớn lên trên một vùng quê nghèo ở xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Nhà nghèo nên Ngũ không được học hành như nhiều bạn bè cùng trang lứa. Vốn là con của một gia đình nông dân có

truyền thống cách mạng, 17 tuổi, Ngữ đã xung phong đi bộ đội bảo vệ quê hương. Tháng 7/1954, được lệnh tập kết ra Bắc, gần năm năm được sống trên miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, Ngữ đã ra sức học tập, rèn luyện những kỹ năng, chiến thuật chiến đấu của bộ đội chính quy. Năm 1959, Trần Ngữ là một trong số ít cán bộ chiến sĩ trẻ đầu tiên tình nguyện vào Nam chiến đấu. Trải qua 3 tháng hành quân, vượt không biết bao nhiêu núi rừng trùng điệp, sông, suối... Rừng Trường Sơn lúc ấy chưa có đường, quanh năm mây phủ, mùa mưa nước trắng cả đất trời, sông suối ào ào thác lũ... nhưng cái tuổi 22 yêu đời, đầy nhựa sống của Ngữ đã làm cả đoàn chúng tôi vui vẻ và hăm hở lên đường, vượt qua mọi khó khăn để đến với chiến trường Nam Tây Nguyên .

Cuối năm 1959, đoàn chúng tôi vừa về tới Tuyên Đức là đã có nhiệm vụ ngay cho Trần Ngữ. Năm 1960, khi đội vũ trang hoạt động sâu vào vùng dân tộc, thuộc địa bàn huyện Lạc Dương, Trần Ngữ được phân công làm giao bưu, một mình phải bám theo đường tiến của đội vũ trang, giữ liên lạc giữa đội với liên tỉnh 3 (Ban cán sự cực Nam Trung bộ). Tháng 8/1961, Tỉnh ủy tỉnh Tuyên Đức được thành lập, Ban giao bưu vận được hình thành.

Lúc ấy, ngoài việc tham gia chỉ đạo chung công tác giao bưu, Trần Ngữ còn phải đảm trách những công việc quan trọng của Tỉnh ủy giao phó trong từng giai đoạn: Từ năm 1960 đến 1975, Tỉnh ủy Tuyên Đức phải năm lần thay đổi căn cứ, mỗi lần thay đổi địa bàn, Trần Ngữ đều là người chịu trách nhiệm mở đường, đặt trạm, nối thông liên lạc các huyện trong tỉnh với chỉ huy tiền phương, với khu, và các tỉnh bạn để giữ liên lạc lên Trung Ương Cục. Địch đánh phá, ngăn chặn, cắt đứt hành lang, Trần

Ngũ lại lợi rừng, vượt sông để mở đường khác, suốt những năm tháng ác liệt, gian khổ nhất của chiến trường, hành lang của Tuyên Đức luôn đảm bảo thông suốt.

Những năm ấy, hễ có cán bộ chủ chốt của tỉnh đi công tác, hoặc đưa đón cán bộ ở Trung ương cục, ở khu, các đơn vị vũ trang... tỉnh đều giao cho Trần Ngũ đảm trách. Nhiều chuyến công tác, bị địch phục kích, Ngũ đã mở ngay đường mới để đưa đón an toàn cán bộ, chiến sĩ. Có những đoạn đường mới mở, vượt qua quá khó khăn, nhiều cán bộ, chiến sĩ trên đường mệt mỏi, cáu gắt... Ngũ lại hết mực động viên: "Nơi khó khăn nhất, là nơi an toàn nhất, thắng địch không thể ngờ ta có thể qua lại những nơi như vậy được, các đồng chí chỉ cần cố gắng một chút".

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Tuyên Đức là một trong những chiến trường gian khổ và ác liệt nhất Khu 6, mà giao bưu - thông tin luôn là mục tiêu đánh phá, tiêu diệt của kẻ thù. Cán bộ chiến sĩ giao bưu luôn phải chịu đựng, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ. Quá trình chiến đấu để giữ vững mạch máu thông tin liên lạc cho Đảng, cho cách mạng đã có nhiều cán bộ chiến sĩ lập được những chiến công xuất sắc, trong đó Trần Ngũ là một tấm gương tiêu biểu.

Là một chiến sĩ giao bưu đầu tiên của tỉnh Tuyên Đức, Trần Ngũ đã tham gia rất nhiều trận chiến đấu ác liệt: Từ trận chống càn quét ở Bắc Ái Đông, đánh cứ điểm Ma Ty, Tóc Lú ở Ninh Thuận, đến đánh quận lỵ Đơn Dương ở tỉnh Tuyên Đức, rồi được điều lên đội vũ trang để đảm bảo liên lạc giữa Ban cán sự cục Nam với lãnh đạo tiền phương. Một mình, Trần Ngũ đã xuống hướng đông, về hướng bắc để mở đường, đặt trạm, lập thành một tuyến hành lang thông suốt của tỉnh cho đến ngày giải phóng.

Trung thực, dũng cảm, luôn chan hòa, đoàn kết với anh em là bản chất tốt đẹp nhất của Trần Ngũ. Trong công tác và chiến đấu cũng như trong những lúc cả đơn vị phải lao động sản xuất để tự túc lương thực, Ngũ luôn là người đi đầu nhận những nhiệm vụ khó khăn nhất. Ngày nay, được nếm trải niềm vinh quang của người chiến thắng, chúng tôi - những người “lính già”, đều nhớ về Trần Ngũ với những kỷ niệm đẹp của một con người luôn mở những cung đường an toàn nhất. .

ĐỜI GIAO LIÊN BƯỚC TÔI ĐI

KIM QUY

*(Ghi theo lời kể của chị Nguyễn Thị Thuận,
nguyên là cán bộ Trạm giao liên T377 - K67)*

Đó là quãng thời gian mà chị nhớ nhất trong cuộc đời làm cách mạng. Mười bảy tuổi tham gia rải truyền đơn trong vùng địch. Những bó truyền đơn để trong gánh rau, gánh cá, chị đã qua những con mắt kiểm soát của địch để đưa những lời hiệu triệu của giải phóng đến với bà con Bình Thạnh- Tuy Phong (Bình Thuận), quê hương chị. Cùng với việc rải truyền đơn, chị còn được các chú giao nhiệm vụ làm cầu nối liên lạc cho các đội công tác với lực lượng nằm vùng, nắm tình hình hoạt động của lực lượng tề, ngụy tại xã báo cáo kịp thời cho cơ sở... Năm 1966, chị được đưa đi thoát ly. Nhiệm vụ của chị lúc đó là làm liên lạc cho đội công tác tiền phương với khu căn cứ. Khi đã thông thạo các con đường, chị được giao nhiệm vụ đưa các đoàn dân công đi tải đạn, tải lương thực cho cách mạng.

Đầu năm 1967, việc chuyển tải công văn, tài liệu, đưa cán bộ, bộ đội đi khắp chiến trường, trong đó có vùng cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên ngày càng nhiều. Để đáp ứng được tình hình, một mạng lưới trạm giao liên và đội

ngũ cán bộ làm công tác giao liên được hình thành. Ở Lâm Đồng, Tuyên Đức các trạm giao liên T371, 372, 374, 376, 377... được thành lập. Chị cùng với một số chị em khác ở Ban kinh tài Bình Thuận đã được bổ sung cho trạm T377 (K67). T377 nằm trong thung lũng của vùng rừng Tà Nhiên, Tà Năng, nên trạm của chị không phải đưa khách qua các quốc lộ.

Trạm của chị đảm nhận ba tuyến giao liên : Về khu, về tỉnh Tuyên Đức và về căn cứ K67. Những tuyến giao liên của trạm ngoài những con đường băng qua vùng rừng già, rừng cây lúp xúp, còn lại phần lớn là những tuyến đường phải băng qua các cánh đồng trồng trái, những đồi núi trọc. Riêng tuyến giao liên về khu, các chị phải lội qua trên hai mươi khúc sông, suối lớn nhỏ. Khác với những trạm giao liên trong vùng, trạm của chị phần lớn là chị em. Ngoài hai anh phụ trách, bốn người còn lại là nữ. Việc hàng ngày phải vượt núi, lội suối, đảm bảo một ca trực: đi vào lúc 4 giờ chiều, khi quay trở về trời chưa sáng, đối với nam giới đã là vất vả, đối với chị em lại càng vất vả hơn. Đó là chưa kể gặp máy bay địch oanh tạc hay gặp tụi thám báo phục kích, công việc lại càng khó khăn vất vả, đầy gian khổ, hi sinh. Thế mà có thời gian sáu người trong trạm của chị đều là nữ.

Cái khó nhất của trạm T377 lúc bấy giờ là thiếu lương thực triền miên. Nhiều ngày các anh chị trong trạm phải ăn độn bắp, sắn với trái sung. Có những lúc bắp, sắn không còn phải ăn trái sung trừ bữa. Nhưng sung cũng không phải có sẵn, nhiều khi phải đi vào rừng thật xa để tìm, đã có bữa đi tìm sung bị địch phục kích, chị và một người bạn bị lạc vào rừng, ba ngày sau anh em trong trạm mới tìm thấy. Không chỉ thiếu đói mà các anh chị em ở trạm

còn bị những cơn sốt rét rừng quật ngã. Khó khăn là vậy, nhưng trạm T377 chưa có một ngày bỏ trực. Kể cả những ngày mưa bão, nước suối lên to, có công văn, thư từ, có đoàn cán bộ là các chị bám đường, vượt suối đưa khách đến các điểm an toàn.

Vào những năm 1968 - 1970, T377 gần căn cứ K67 - vùng bị đánh phá ác liệt. Lúc này, ở vùng này không chỉ bị đánh phá bằng máy bay hay pháo 105 ly từ căn cứ Đức Trọng, mà còn bị nhiều tiểu đoàn địch đổ quân vào hậu cứ đốt phá các kho lương thực, quân trang, quân dụng của Ban kinh tài K67, hậu cần của tỉnh Tuyên Đức. Trước tình hình đó K67 phải chuyển địa điểm, trạm cũng phải chuyển quân. Lúc này tình hình thiếu lương thực ngày càng gay gắt. Anh chị em trong trạm phải ăn chuối già, mít non còn sót lại ở các vườn dân. Mỗi lần đi trực về chị em lại phải lặn lội vào các khu vườn bỏ trống của các thôn dân tộc để tìm trái cây về cải thiện cho trạm.

Tình hình chiến trường ngày càng ác liệt hơn. Các chị không chỉ phải chống chọi với đói, sốt rét mà hàng ngày còn phải đối chọi với bom đạn của máy bay địch oanh tạc, thám báo phục kích, công việc của trạm ngày càng khó khăn vất vả hơn. Chị còn nhớ một lần vào đầu năm 1969, chị có nhiệm vụ đưa đoàn khách đặc biệt là những chiến sĩ tiểu đoàn 500, 700 từ T376 về khu. Để đảm bảo an toàn và bí mật cho đoàn khách, chị phải đi vào lúc nửa đêm, nhưng mới đi được khoảng 2 giờ đồng hồ, qua được hai quả đồi thì bị máy bay đêm già phát hiện. Sau những trái mìn của đầm già bắn chỉ điểm là hàng loạt bom của máy bay phản lực, chị đã nhanh trí truyền lệnh cho đoàn khách lặn xuống hố kịp thời. Lần đó chị bị sức ép của bom, bị ù tai và nhức đầu đến vài ba tháng, nhưng

đoàn khách được đảm bảo an toàn tuyệt đối.

Năm 1971, K67 lại bị đánh phá ác liệt, lại phải chuyển quân. Lúc này, tình hình lương thực cung cấp cho trạm và khu căn cứ K67 lại càng khó khăn hơn. Trạm T377 không chỉ phải đảm bảo nhiệm vụ giao liên mà còn phải đi chuyển tải lương thực.

Chị và chị Cận, người của T377, được bổ sung vào đội công tác của K67- chuyên đi cắt lúa và chuyển về cho căn cứ. Một tháng trời ròng rã, 6 giờ tối vào ấp Cà Bằng Go cắt lúa, 12 giờ đêm tập kết lúa ra bìa rừng để chuyển về căn cứ. Mọi việc tưởng chừng trót lọt, nhưng đúng vào đêm cuối cùng của chiến dịch đưa lương thực về thì đội công tác bị một đơn vị của sư đoàn 23 của địch phục kích. Cả đội công tác tập trung quân đánh trả quyết liệt. Nhưng do lực lượng của đội công tác quá mỏng phải phân tán, vừa đánh vừa rút để đảm bảo an toàn lực lượng. Chính vào lúc này chị đã bị lạc đơn vị, đói ăn trái cây, khát uống nước suối, mãi đến ngày thứ sáu nhìn vào hướng trắng thượng tuần, chị cắt đường tìm về đơn vị. Tuy cắt đúng đường về nhưng do đói và mệt chị bị ngất xỉu, đến ngày thứ 7, các anh chị em trong đội công tác đã tìm thấy chị nằm bên đường rừng. Một tháng sau, chị mới hồi phục sức khỏe.

Đầu năm 1972, tình hình chiến sự của cả miền Nam ngày càng ác liệt, số anh em nam trong trạm của chị phải tăng cường cho phía trước. Trạm T377, lúc này chỉ có các chị em, chị được chỉ định làm trạm trưởng. Nhiệm vụ của chị càng nặng nề hơn. Các tuyến giao liên của trạm chị có thay đổi chút ít, trong đó chủ yếu là tuyến đường nối giữa T377 với T376 phải đi vào các buôn dân tộc: Ma Nù, Ngao, Gia Rót. Tuy trạm toàn chị em, đường đi có khó khăn hơn nhưng trạm của chị vẫn đảm bảo giao liên thông

suốt, phục vụ tốt cho các chiến dịch của cách mạng.

Trạm của chị còn làm tốt việc cải thiện đời sống. Trạm tổ chức nuôi gà, heo, phát nương trồng lúa, bắp, đảm bảo đời sống cho chị em. Đến tháng 5/ 1973, do tình hình chiến sự, trạm T377 được tăng cường cho ban hành lang, chị được phân công về làm trạm phó cho T378. Thay đổi đơn vị công tác, chị lại phải làm quen với các tuyến giao liên T378 đảm nhận. Đường giao liên của T378 phải vượt sông Đồng Nai và phải bám đường Quốc lộ 20, tình hình địch phục kích căng thẳng hơn nhưng chị và anh em trong trạm vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo công văn, tài liệu và các đoàn cán bộ được đưa đến các điểm tập kết an toàn.

Sau giải phóng chị đã chuyển công tác khác, nhiệm vụ của chị lúc này là chăm lo đến đời sống chị em phụ nữ. Vẫn những chuyến đi công tác vào vùng sâu, vùng xa, đôi chân dẻo dai của cô nữ giao liên ngày nào nay đã giúp chị đến với chị em nông thôn. Chị vận động, tập hợp chị em vào các tổ chức hội phụ nữ, đưa chị em đến với các phong trào xoá đói giảm nghèo, sinh đẻ kế hoạch, xóa mù chữ, giúp chị em vươn lên bình đẳng với nam giới.

Tuổi thanh xuân của chị đã gắn bó với các trạm giao liên. Trong gian khổ ác liệt đó chị đã có một tình yêu, anh chị đã hẹn nhau ngày chiến thắng anh sẽ đưa chị về Hà Nội - quê hương anh, nhưng anh đã nằm lại với rừng Tuyên Đức. Hạnh phúc của chị không được trọn vẹn, nhưng với trách nhiệm là cán bộ hội phụ nữ chị từng đi hoà giải, giúp hàn gắn nhiều lứa đôi, giúp cho những người phụ nữ khác tìm thấy tình yêu, hạnh phúc...

Chiến tranh đã lùi xa, 24 năm sống trong độc lập tự do, nhưng những năm tháng làm giao liên đã để lại dấu ấn khó quên trong đời chị.

KỶ NIỆM CỦA NGƯỜI GIAO LIÊN

MỸ HẠNH

Đỗ Văn Phúc - nguyên đội phó giao bưu T29, đội trưởng đội giao bưu K2 (Bắc Bảo Lộc - Lâm Đồng), không kể cho tôi nghe ngay về những người lính giao bưu và những công việc mà họ đã làm. Anh đưa cho tôi xem những kỷ vật thời chiến tranh anh đã trân trọng gìn giữ rất cẩn thận suốt gần 30 năm qua: Đó là ba bức thư được viết bằng giấy phơi luya trắng, đến nay đã ố vàng. Ba bức thư của ba người đồng chí, vừa là cấp trên, vừa là người cha, người anh gửi đến cho anh với những lời dặn dò công việc, những lời động viên hoàn thành nhiệm vụ, những tình cảm giản đơn của người lính... Nhưng theo anh, nhờ đó mà anh đã vượt qua được những chặng đường đầu tiên đầy khó khăn, gian khổ để “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua” cho đến ngày toàn thắng.

Đôi khi tình cảm thiêng liêng, sâu sắc của con người bắt đầu từ những điều đơn giản như vậy. Đối với Đỗ Văn Phúc, suốt cả thời gian hơn mười năm có mặt trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ cứu nước niềm tin của cấp trên, tình cảm của anh em đồng đội đã cho anh sức mạnh để vượt qua những khắc nghiệt của chiến trường, bền bỉ chịu đựng những gian khổ, ác liệt để chiến đấu và chiến thắng.

Trở lại câu chuyện của những người lính giao bưu, anh nói:

- Thú thật lúc đầu về nhận nhiệm vụ ở đội giao liên tôi buồn lắm, tôi thích tham gia chiến đấu hơn. Nhưng khi trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, tôi mới thấy hết tính ác liệt của nó. Chiến sĩ giao bưu cũng chẳng khác người lính xung phong trên chiến trường là mấy, nếu có khác chẳng, là trên trận tuyến này nó âm thầm hơn, sự hy sinh lặng lẽ hơn. Từ Nguyễn Ngọc Đức - người đội trưởng (trạm T29) luôn xung phong nhận những nhiệm vụ nguy hiểm nhất, đi vào những cung đường khó khăn nhất; đến sự anh dũng của đồng chí Đạo (chiến sĩ C730, được tăng cường về K2 làm giao liên) khi đứng giữ quả mìn để bảo vệ đoàn cán bộ từ Khu 6 về T29 (thị Bảo Lộc) công tác được an toàn, nhưng khi người cuối cùng đi qua, mìn nổ, anh đã hy sinh... Những tấm gương ấy đã để lại cho những người chiến sĩ giao bưu chúng tôi những bài học vô giá về lòng trung thành với Tổ quốc, tận tụy với công việc và hết lòng vì đồng đội.

Tôi muốn anh kể cho nghe một kỷ niệm khó quên nhất trong những năm tháng chiến tranh. Trầm ngâm hồi lâu, anh nói:

- Tháng 10/1970, tôi và Nguyễn Văn Tiết công tác xuống phía Bắc đường 20, chuyển ấy nhận khá nhiều tài liệu. Trên đường về, Tiết bị sốt rét không thể đi tiếp được, vẫn không giảm sốt mà còn nặng thêm và chuyển sang

ác tính. Tôi dồn hết tài liệu vào một “bồng”, một mình cật rưng tìm đến đơn vị bộ đội gần nhất, bắt liên lạc nhờ người chuyển tài liệu về đơn vị và cử bác sĩ ra cấp cứu Tiết. Sáng hôm sau, Nguyễn Văn Hường (giao liên) đưa bác sĩ Phạm Viết Bá (sau giải phóng làm bác sĩ ở bệnh viện Chợ Rẫy - TP.HCM) ra cấp cứu cho Tiết. Tôi chỉ kịp giao bệnh nhân lại cho bác sĩ rồi vội vã ra đi, đến các đội công tác Y - 5, Y - 6, Y - 7 cùng với Hường.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tôi và Hường quay về chỗ bác sĩ Bá, nhưng gần đến nơi thì nghe súng nổ ngay ở chỗ Tiết đang nằm. Hai anh em chúng tôi bám đường đến nơi nổ súng để ứng cứu. Khi đến nơi, bọn địch đã rút lui, đồng lửa địch đốt vẫn còn lên khói nhưng chẳng thấy anh em mình đâu nữa. Lăn theo dấu vết, ngược dòng suối rất lâu, tôi mới tìm được chiếc túi thuốc của bác sĩ Bá bị trúng đạn rách, thuốc men vung vãi. Có được dấu vết rồi, chúng tôi cứ men bờ suối đi mãi, đi mãi đến ngày hôm sau mới gặp được nơi hai anh nằm. Gặp lại nhau, chúng tôi cảm động đến trào nước mắt, bác sĩ Bá bị thương rất nặng, ba viên đạn đều trúng ba chỗ hiểm, thế mà anh vẫn cắn răng chịu đựng, không để địch phát hiện. Anh tự băng bó vết thương cho mình, đến khi gặp chúng tôi anh đã lả đi vì mất máu, vì đói và khát.

Tôi cho bác sĩ Bá uống tạm viên thuốc cầm máu (viên thuốc mà mới hai hôm trước đây anh đã đưa cho tôi bọc theo bên mình để phòng khi bị thương) sau đó để Hường ở lại với các anh (một thương binh và một bệnh binh), một mình tôi lại cật rưng tìm về đơn vị Y5, nơi ấy tôi có người anh ruột làm y tá tên là Chín Hạ, nhờ anh ấy ra cứu bác sĩ Bá.

Gần nửa ngày trời vừa đi, vừa chạy tôi mới đến nơi,

may thay tôi được gặp cả đồng chí Sáu Công, tôi đề nghị anh cho một y tá và hai người cáng thương đi với tôi ngay trong đêm. Nhưng giữa đường chúng tôi lại bị địch phục kích, chúng tôi phải cắt rừng đi hướng khác, vừa đi vừa trinh sát, bám địch nên gần một ngày sau chúng tôi mới đến chỗ đồng chí Bá nằm. Đến khi mở vết thương ra thì đã bị nhiễm trùng quá nặng, anh Bá sốt ly bì, vết thương đã có dò rỉ lúc nhúc.

Sơ cứu xong, chúng tôi khiêng bác sĩ Bá chạy một mạch về trạm xá T29. Trạm do đồng chí Dư làm trạm trưởng, đồng chí Dư chỉ là y sĩ, không phẫu thuật những ca nặng như vậy được. Chúng tôi đang phân vân, thì chính bác sĩ Bá khuyến khích đồng chí Dư mổ với điều kiện không gây mê để anh có thể trực tiếp chỉ đạo ca mổ. Thật trong đời tôi chưa thấy ai gan dạ, bình tĩnh như bác sĩ Bá lúc đó! Y sĩ Dư đã dồn hết tâm sức cho ca mổ, tất cả chúng tôi đều toát mồ hôi theo dõi, tôi thấy tay bác sĩ Bá bám chặt chiếc giường làm tạm ở trạm, mắt mở thao láo, miệng vẫn từ tốn động viên y sĩ Dư bình tĩnh và hướng dẫn anh ta từng đường dao. Khi mỗi chỉ cuối cùng khép lại, khi y sĩ Dư ôm bác sĩ Bá vừa nức nở khóc vừa cảm ơn anh, tất cả chúng tôi đều ôm nhau khóc. Những giọt nước mắt hạnh phúc ấy thật khó quên trong cuộc đời.

Sau này tôi cũng đã được điều đi nhiều nơi, nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau, nhưng kỷ niệm giữa anh em giao bưu chúng tôi với bác sĩ Phạm Viết Bá là kỷ niệm không thể nào quên được. Một bác sĩ đang phụ trách cả ngành y của tỉnh Lâm Đồng, nhưng vì tính mạng của một chiến sĩ giao liên, anh đã không quản ngại khó khăn ác liệt, đi cấp cứu kịp thời ca bệnh hiểm nghèo, để rồi chính anh phải chịu mang nhiều thương tích nặng nề hơn. Anh đã

Ngày ấy...

để lại cho đội giao liên chúng tôi niềm tin yêu, cảm phục và lòng giao liên, khi nói về bác sĩ Bá cũng đã dành cho anh những tình cảm đáng trân trọng nhất.

Sau ngày toàn thắng, người giao liên Đỗ Văn Phúc trở về với hành trang là chiếc ba lô bạc màu, mang đầy ắp những kỷ niệm đẹp về tình đồng đội, về những ngày gian khổ, ác liệt đã cùng bên nhau chia sẻ từng viên thuốc, từng ngụm nước uống trên chiến hào chống Mỹ.

KỶ NIỆM CỦA MỘT THỜI LÀM ĐIỆN BÁO VIÊN Ở CHIẾN KHU

PHAN ĐỨC LONG

(Nguyên Trưởng Đài điện báo của Tỉnh đội LD)

Tôi vốn là một thiếu sinh quân từ miền Nam, được tập kết ra miền Bắc học văn hóa và được đào tạo trở thành điện báo viên, rồi lại được phân công trở về miền Nam cùng với đoàn công tác đặc biệt “cán bộ khung của khu VI”.

Kỷ niệm về cuộc hành trình trở lại miền Nam có lẽ không bao giờ phai mờ được trong ký ức của người lính “cầm manip” như tôi. Gần bảy năm sống trên miền Bắc, hết học văn hóa rồi chuyên môn, không được rèn luyện trên thao trường, bãi tập như bộ đội, nên khi vượt Trường Sơn dù tinh thần rất cao, nhưng cũng không vượt qua được thể lực ngày càng suy yếu của mình. Những hôm bị sốt rét tôi không dám báo cho đoàn biết, chỉ sợ mình bị trả lại hậu phương, đến khi mệt quá không bám theo đoàn được, lúc ấy đồng chí đoàn trưởng phải phân tán đồ đạc cho anh em trong đoàn mang hộ, tôi chỉ mang ba ngày gạo ăn cùng cây “gậy Trường Sơn” hành quân theo anh em. Đến tháng 4/1961, đoàn chúng tôi vào đến khu

VI, tôi được phân công làm Trưởng Đài thông tin của quân khu. Tiếng là Trưởng Đài của quân khu, nhưng lại được các đồng chí trong Thường vụ Khu ủy điều đi công tác liên tục, có chuyến đi cả năm mới quay về như: chuyến đi với đồng chí Tư Khiêm ra đến Phú Yên để móc nối, xây dựng hành lang chiến lược Bắc - Nam (1962 - 1963); chuyến đi với đồng chí Trần Lê xuống Phước Long tổ chức “cuộc hành quân chống co thủ”...

Vào thời điểm 64-65, các phương tiện phục vụ thông tin liên lạc ở khu VI rất ít, sự chi viện từ miền Bắc vào rất khó khăn, lính thông tin phải thực hiện phương châm: “Lấy phương tiện của địch để sử dụng đánh lại địch”, chủ yếu lấy linh kiện và tự lắp ráp máy thu phát. Tổ cơ công của quân khu lúc ấy do đồng chí Giang làm tổ trưởng, hai đồng chí Lập và Tuấn là tổ viên đã tự lắp ráp được máy thu - phát tin hiệu chạy bằng pin, liên lạc với các tỉnh rất tốt.

Tháng 4/1965, tôi được điều về Tỉnh đội Lâm Đồng với bộ máy tự lắp hoàn toàn chạy bằng pin: máy thu 90v, máy phát 180v. Nhưng khí hậu, thời tiết ở Lâm Đồng quá ẩm thấp, điện đài phải di chuyển nhiều nơi: lúc thì làm việc trong rừng già, lúc phải dời vô hang đá, lúc lại xuống hầm... những lúc hành quân, di chuyển địa điểm như vậy, pin liên tục bị đứt mạch, mất nguồn, gián đoạn liên lạc, những lúc cần liên lạc trên đường hành quân để báo cáo tình hình, nhận mệnh lệnh rất khó khăn, không những cơ công khổ mà báo vụ cũng khổ! Nhưng dù có khổ đến đâu cũng phải tìm cách khắc phục, để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. Gần bảy năm trời, cánh lính điện báo của chúng tôi phải đánh vật với những phương tiện thông tin tự lắp như vậy để hoàn thành nhiệm vụ của

một đài chỉ huy cấp tỉnh.

Năm 1967, đài thông tin Tỉnh đội Lâm Đồng có ba báo vụ, thì hai báo vụ phải tăng cường cho các đài lẻ đi phục vụ chiến dịch. Trong chiến dịch Mậu Thân (1968), một mình tôi phải đảm nhận mười hai hướng liên lạc, hết thu đến phát, hết phát lại theo dõi đài canh của Bộ. Suốt 45 ngày đêm phục vụ chiến dịch tổng tấn công, trong đó có 30 ngày phải ngồi bên máy 24/24 giờ, chỉ tranh thủ ngủ ngay trên bàn vào khoảng trống giữa hai phiên liên lạc; lúc mỗi quá, ngả lưng ngay trên ghế cũng phải áp cặp tai nghe vào tai mình để nghe tín hiệu, đầu óc vô cùng căng thẳng.

Máy móc tự lập nên rất “nhạy cảm”, chỉ cần đổi tư thế ngồi một chút thôi là tín hiệu cũng bị lệch ngay; trong khi làm việc, tay trái người báo vụ phải luôn nắm núm điều chỉnh tần số để dò theo tín hiệu, tay phải thì viết. Những phiên làm việc ban ngày còn đỡ, ban đêm phải gồng mình chịu muỗi cắn, mà muỗi rừng thì khỏi nói, cắn vào là ăn chắc bị sốt rét. Vào thời điểm ấy, có sốt cũng phải làm, bởi hơn ai hết chính mình đã hiểu rất rõ tầm quan trọng của công việc mình đang làm, do đó phải đem hết tâm trí và kinh nghiệm nghề nghiệp ra phục vụ, nghĩ đến khí thế tiến công, đến sự gian khổ của anh em bộ đội cũng phải trải qua những đêm không ngủ ngay trên chiến trường, sự mệt mỏi, căng thẳng của mình chẳng đáng gì nữa...

Năm 1973, sau khi ký Hiệp định Pari, đài tôi được chọn đi cùng tổ liên hiệp bốn bên của tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chờ lệnh để lên đường, tôi được trang bị thêm một máy PRC 10 liên lạc với các cơ sở nội tuyến. Trong đó bản thân tôi được lệnh trực tiếp liên lạc với Tỉnh

trưởng Lâm Đồng để theo dõi tin tức và trao đổi việc cấm cờ dành đất giữa ta với địch cho Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ chỉ huy Tỉnh đội. Trong những ngày căng thẳng, ác liệt nhất của chiến trường, khí thế của ngày chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ bán nước, đã động viên, cổ vũ tinh thần anh em chúng tôi, giúp chúng tôi dễ dàng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để “nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua...” cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Đến hôm nay, đã gần 1/4 thế kỷ người điện báo viên rời manip trở về với công tác của địa phương, đảm nhận những công việc của dân, của Đảng giao phó. Mặc dù đã trải qua nhiều công việc khác nhau, sức dài vai rộng như thời trai trẻ không còn nữa, song nhiệm vụ nào được giao tôi cũng phấn đấu hoàn thành, và trong hoàn cảnh nào cũng luôn xứng đáng với niềm tin của nhân dân, của những người đồng đội cũ. Đức tính đó có được chính là nhờ nhiều năm liên tục được rèn luyện trong ngành Thông tin liên lạc. Kỷ niệm sâu sắc về những ngày làm điện báo gian khổ ở chiến khu thật không thể phai mờ trong ký ức của tôi.

THU HIỀN (biên soạn)



Minh họa của HOÀNG KHAI

CÁNH NHẠN ĐƯA TIN

TRỌNG HOÀNG



Đầu mùa mưa năm 1972, trong một cánh rừng già phía Nam thị xã Đà Lạt, nhóm sinh viên Đại học Đà Lạt vừa hoàn thành lớp học Chính trị và phương thức hoạt động nội thành, đã được đồng chí Năm An, Bí thư Thị ủy đến thăm, nói chuyện. Đồng chí Bí thư đã quyết định thành lập chi đoàn sinh viên, học sinh và yêu cầu tất cả nhóm phải trở về thành phố hoạt động.

Theo kế hoạch, lần lượt mỗi người nhận một giấy hoãn dịch (giấy giả) để “làm bùa” hộ mệnh và lên đường trở lại thành phố vào những đêm tối trời. Để đảm bảo chỉ đạo và thông tin liên lạc của cả nhóm, đồng chí Đội trưởng đội công tác sinh viên học sinh quy định hộp thư ở nhà chị Năm Ái (X1) do đồng chí Trần Hàn (C1) thường xuyên đi dạy ở Tùng Nghĩa về ghé nhận thư và gửi báo cáo.

Đến cuối năm 1972 trở về sau, do tình hình chung diễn biến nhanh, yêu cầu nắm tình hình và chỉ đạo sát hơn, kịp thời hơn và cũng để đối phó với hệ thống bố phòng, kiểm soát dày đặc của địch, đội công tác sinh viên học

sinh đã bố trí thêm một hộp thư nữa là tịnh xá Ngọc Thanh nằm sát đường 20. Chúng tôi cử Chú Thanh Phương một tu sỹ là cơ sở của ta có bí danh là Thế, bí số T4, đi hộp thư này. Cứ thế, luân phiên nhau lúc thì C1 đi hộp thư X1, lúc thì T4 đi hộp thư Tịnh xá, chúng tôi đã có 2 hộp thư liên lạc. Ngoài ra, Thị ủy còn cử một nữ giao liên trẻ duyên dáng, nhanh nhẹn, gan dạ làm giao liên trực thầu đi thư mỗi tháng từ căn cứ ra thành phố không qua hộp thư, chúng tôi thường gọi là “con chim Nhạn”.

Như vậy từ cuối năm 1972 đến 1975, sự liên lạc giữa chi đoàn và tổ Đảng sinh viên học sinh nội thành với đội công tác và Thị ủy Đà Lạt được thông qua một mạng lưới giao liên khá đa dạng, linh hoạt, đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo từ căn cứ vào thành. Mạng lưới đó được giữ an toàn, thông suốt cho đến ngày toàn thắng. Mặc dù địch rất đông tìm mọi cách phát hiện phá vỡ mọi tổ chức của ta, trong đó có mạng lưới giao liên, về quân sự, chúng luôn lùng sục càn quét cả ngoài rừng và vùng ven, những nơi có bàn đạp, hộp thư của ta. Đồng thời, chúng còn dùng các tổ chức “Phượng Hoàng”, “Thiên Nga”, trung tâm điều hợp để phá phong trào cách mạng.

Nguy hiểm hơn là chúng tung tiền ra xây dựng một bộ máy cảnh sát với hàng ngàn tên chìm nổi các loại, hệ thống mật vụ, chỉ điểm được cài, cắm đến tận thôn, ấp và chốt chặn ở tất cả các nẻo đường thường xuyên kiểm tra giấy tờ soát xét mọi người qua lại trên đường. Địch giăng lưới như mạng nhện; chỉ cần thiếu cảnh giác hoặc thiếu khôn khéo hoặc vi phạm quy định của tổ chức là có thể bị lộ và bị bắt ngay. Chúng tôi bố trí một nhà giáo, một tu sỹ đi lại hộp thư để lọt qua mắt lưới của địch và

một cô gái giao liên trực thầu - một con chim xanh duyên dáng dễ dàng bay lượn qua mạng lưới chết người mà địch đã giăng sẵn.

Nhưng duyên dáng cũng có lúc lại là điều phiền toái, đó là sau ngày 27/1/1973 địch ra sức bung bít Hiệp định Pari về Việt Nam, trong lúc ta chủ trương phổ biến rộng rãi để khuyếch trương thắng lợi của ta qua việc buộc địch phải ký kết hiệp định quan trọng này; đồng thời tổ chức các mặt trận công khai đối đầu với địch làm cho địch ngày càng lúng túng và để che giấu được lực lượng bí mật của ta. Nội dung chỉ đạo đó được Nhận đưa từ trong rừng ra, trên chuyến xe đồ gập phải một chàng thanh niên đa tình bám riết. Đến bến xe Đà Lạt anh ta không chịu chia tay mà đòi đưa em về tận nhà dù xa bao nhiêu cũng sẵn sàng, còn nếu Nhận không đi thì anh ta cùng đứng tại đây. Thật là khó xử!

Khó đoán được đây là một chàng thanh niên đa tình thôi hay là một tên mật vụ giả dạng. Dù là kẻ nào đi nữa cũng phải tìm cách cắt cho được cái đuôi này. Nhận quay sang nói như thật: “Thiệt tình, em rất cảm ơn tình cảm của anh, nhưng anh thông cảm cho, em đang hẹn với người yêu của em, anh ấy đang đón em ở đằng kia” - Thế là thoát. Nhưng Nhận cũng phải đi loanh quanh hòa vào đám đông, qua nhiều ngã rẽ, ghé xem một vài món hàng, để mắt kiểm tra xem có còn ai bám theo không rồi mới đi về điểm hẹn. Trong bữa cơm chiều, anh em được một phen cười vang nhà khen cô bé thông minh.

Ngày 10/3/1975, ta giải phóng Buôn Mê Thuật, sau đó hàng loạt các tỉnh miền Trung được giải phóng, địch ở Đà Lạt loang mang. Sinh viên học sinh vận động bãi khóa, tung tin cách mạng đã về các ấp sát thành phố tạo bầu

không khí căng thẳng trong binh lính, công chức Ngụy quyền. Những tin tức báo cáo kịp thời vào rừng qua các hộp thư. Đến ngày 20/3/1975, Nhận lại về thành phố mang theo một tờ báo Tin Sáng và một bao thuốc lá, bôi hóa chất lên tờ báo, đọc được nội dung thư chỉ đạo của Thị ủy Đà Lạt về việc chuẩn bị khởi nghĩa giải phóng thành phố. Xé gói thuốc ra, ta có được hai nội dung truyền đơn: Kêu gọi đồng bào không di tản theo địch, ở lại khởi nghĩa giải phóng thành phố thân yêu và kêu gọi sĩ quan, binh sĩ và công chức ngụy hãy đứng lên làm binh biến trở về với cách mạng, với nhân dân.

Sau khi in và rải hai nội dung truyền đơn trên khắp các đường phố, nhân dân phấn khởi, công khai loan tin cách mạng đã về thành phố; còn địch thì giao động mạnh. Đêm 31/3/1975, địch cho nổ các kho đạn và rút chạy. Cũng ngay trong đêm ấy, trong tình hình hỗn loạn ấy, Nhận nhận lệnh tìm mọi cách trở lại bàn đạp báo tin vào rừng cho các anh biết là địch đã tháo chạy và anh em nội thành đang tổ chức khởi nghĩa.

Sau những ngày đầu tháng 4/1975, người thành phố lại thấy cô nữ sinh Hoàng Minh Nhận với áo trắng sân trường ngày nào thoáng đi, thoáng ở, nay với bộ bà ba đen, khăn rằn và mũ tai bèo của quân giải phóng đang làm một nhiệm vụ khác. Nhận không còn làm giao liên nữa nhưng chị nhớ mãi những năm tháng đưa thư của mình.

GẶP NHỮNG CHIẾN SĨ ĐI MỞ ĐƯỜNG CHIẾN LƯỢC BẮC-NAM

VĂN PHONG

Tôi có may mắn được gặp thiếu tá Đỗ Giáp Xuân (nguyên Trưởng Ban chính sách Quân khu 7 - một trong 18 chiến sĩ đầu tiên của đại đội C200), nhiều lần vì con gái ông là dâu của họ nhà tôi. Ông thứ bảy nên mọi người trong nhà hay gọi bằng cái tên “Bác Bảy”. Còn ông thì thích cái tên K’Bảy hơn - cái tên mà đồng bào Châu Mạ đã đặt cho ông khi đơn vị ông làm nhiệm vụ soi đường hành lang chiến lược cách đây vừa tròn 40 năm.

Cách đây vài năm, tôi tình cờ đọc được một bài báo có nhắc đến tên ông, nhắc đến những tháng ngày ông ở C200 tại Cát Tiên tôi liền “bám” lấy ông và chúng tôi gặp nhau nhiều hơn. Hầu như mỗi lần về thành phố Hồ Chí Minh tôi đều liên lạc với ông. Ông thích trò chuyện với tôi về những năm tháng đã qua. Dù có những địa danh khi ông kể tôi chưa nghe nhắc đến bao giờ, những khi ông hỏi tôi phải gạt đầu để không làm lỡ mạch suy nghĩ của ông. Chính từ những câu chuyện kể ấy máu khám phá trong tôi trỗi dậy giúp tôi thêm yêu cái mảnh đất xa

xôi của tỉnh Lâm Đồng, yêu những cái tên xa lạ. Và qua mỗi chuyến công tác, những cái tên vô hình kia cũng đã dần dần có khái niệm trong tôi...

Tôi nhớ nhất câu chuyện ông kể về mảnh đất Cát Tiên. “Anh em đến, thấy có một bãi cát rất đẹp, kế bên bãi cát có một thứ bông rừng sau hỏi đồng bào nói đó là bông Xi; bông giống hình ông Phước Lộc Thọ, có chim thú xuống ăn hàng ngày. Thấy cảnh đẹp, anh em đặt tên là Cát Tiên”.

Năm 1996, ông đã tham dự chuyến trở về Cát Tiên cùng với nhiều đồng chí, đồng đội của C200, các cơ quan của Khu 6, của tỉnh Lâm Đồng trong những năm kháng chiến. Sau chuyến đi ấy, ông như vui hẳn lên. Tôi hỏi ông “Thế đồng bào có ai nhận ra bác không?” - “Có chứ!”. Bác Bảy khẳng định và cho biết thêm nhiều già làng vẫn còn nhớ cả tên và gọi một cách thân mật “K’Bảy, K’Bảy”. Có lẽ điều đó làm cho ông cảm thấy vui. Có lúc ông đã khóc. Kể về những ngày hành quân từ Tà Lài về Cát Tiên và đặc biệt là giây phút nối được liên lạc với đoàn B90 vào ngày 30.10.1960 để đoạn đường giao liên cuối dãy Trường Sơn từ Nam Tây nguyên đến Đông Nam bộ được nối thông, ông tâm sự: “Chuyện ngày ấy mình là người trong cuộc mà giờ nghĩ lại cứ như ngày hôm qua, nhiều lúc nghĩ không hiểu sao lúc đó mình lại vượt qua được...”.

Sau lần trở về Cát Tiên ấy, ông tích cực đề xuất tham gia vào việc quyên góp quần áo cũ, tiền bạc, lương thực, thực phẩm giúp đỡ đồng bào dân tộc ở Cát Tiên, Di Linh, cảm thấy ông đang mang tâm trạng của một người mắc nợ mảnh đất ngày xưa đã che chở ông cùng đồng đội vượt qua mọi nguy hiểm, hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ móc nối hành lang mà Đảng đã giao phó. Có lần ông đã bộc

bạch một cách chân tình: “Tao thấy đồng bào trên ấy còn khổ, có người còn thiếu ăn, ngày xưa có lúc đồng bào đã nhịn ăn để nuôi tui tao...”.

Theo lời giới thiệu của bác Bảy Xuân, tôi tìm đến nhà Thiếu tướng Phùng Đình Ấm - Trưởng nhóm công tác thứ hai của đoàn B90 (đoàn từ miền Bắc vào để bắt liên lạc với đoàn từ phía Nam ra). Phải vất vả lắm tôi mới tìm được nhà riêng của ông nằm ở cư xá Tự Do (quận Tân Bình) - một căn nhà khá bề thế dành cho các sĩ quan cao cấp của quân đội. Chỉ sau một vài phút phong cách lính trong ông đã bộc lộ và khi biết tôi cũng là người cùng huyện Phù Mỹ, cùng quê hương anh hùng Nguyễn Huệ với ông thì giữa hai chúng tôi không còn có một khoảng cách nào nữa.

Câu chuyện của ông đưa tôi về với những buôn làng xa xôi của mảnh đất Nam Tây Nguyên, về những chuyến băng rừng vượt Trường Sơn, về những chuyến bám các buôn làng ở Tây Nguyên để gây cơ sở cách mạng. Câu chuyện mà tôi nhớ nhất là một lần ông bị bắt hụt. Ông kể: “Khi chúng tôi mở đường vào Nam ở đoạn cuối con đường hành lang chiến lược, cơ sở của ta hầu như chưa có, đi đến đâu phải bám từng người dân xây dựng cơ sở đến đó. Một lần chúng tôi vào làng Bu Nơ B’Long. Tổ chúng tôi có ba người gồm anh Ba Thu, anh Bảy Kính và tôi. Chúng tôi phục ngoài rừng và đến tối mới vào làng. Anh Bảy Kính gác ngoài cùng, anh Ba Thu biết tiếng dân tộc vào tuyên truyền còn tôi gác ở vòng trong. Hôm đó có thằng xã trưởng dự, âm mưu bắt sống chúng tôi để lấy thưởng. Tôi đứng vác xà gạt trên vai, lưng đeo khẩu “côn” đã lên nòng. Được một lát tôi thấy nghi nghi vì không có phụ nữ dự, có mấy thằng cứ đi tới đi lui định bắt sống tôi

nhưng tôi cứ xoay người liên tục nên nó không thực hiện được. Tôi nói nhỏ với Ba Thu - ra được rồi. Sau tôi bị chúng đè lên người nhưng cũng gượng rút súng bắn chỉ thiên. Thấy tiếng động, Bảy Kính nhào vô nhưng bị kẹt đạn. Ba Thu lao ra hô: “Thả ra!” và rút súng bắn gãy tay tên xã trưởng. Hai bên giằng co và cuối cùng chúng tôi đã rút ra được. Chúng tôi chạy đạn chúng bắn vãi theo...”.

Đối với một người lính có thâm niên gần nửa thế kỷ phục vụ quân đội như ông có biết bao kỷ niệm, nhưng đối với riêng ông, có một kỷ niệm sâu sắc nhất đã gắn bó ông với cái tên dân tộc mà giờ đây nó đã trở thành một cái tên chính thức. Số là ông có cái tên cúng cơm là Ấm. Khi hoạt động bí mật, mọi người đều đổi tên và để dễ nhớ ông đã chọn cái tên Cúng (Ấm Cúng). Khi hoạt động ở Tây Nguyên để mở đường hành lang vào vùng đồng bào Êđê, bà con hay gọi các cán bộ là Ama (nghĩa là bố) cộng với tên bí danh. Vì chữ Cúng khó phát âm nên bà con đã gọi thành Cung và không ngờ là cái tên ấy đã trở thành một cái tên chính thức trên giấy tờ đến tận bây giờ: Thiếu tướng Phùng Đình Cung. Ngay cả người vợ yêu quý của ông, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đi tìm ông, đã đến được gần nhà cứ hỏi cái tên Ấm không ai biết cả, bà đâu có ngờ là ông đã được “khai sinh” một cái tên mới. Kể đến chi tiết này, ông ngả lưng vào ghế cười một cách sáng khoái.

Sau khi về nghỉ hưu, công việc chính của ông là viết lách, ông có dịp chiêm nghiệm, có dịp kể cho thế hệ hôm nay những bài học lớn qua những năm theo Đảng làm cách mạng, qua những năm phục vụ trong quân đội. Còn sống là còn làm việc. Tôi đã đọc bài của ông vài lần trên báo Sài Gòn giải phóng nhưng hôm ấy mới biết mặt, biết

Ngày ấy...

xuất xứ cái tên Phùng Đình Cung.

Chia tay với hai cựa binh để về thành phố ngàn hoa, những câu chuyện về những ngày gian khổ đi mở đường hành lang, nối vùng đất Tây Nguyên với các vùng đất của Tổ quốc của hai bác đã để lại ấn tượng sâu đậm trong tôi.

Đà Lạt, tháng 5/1999

NGƯỜI ĐẦU TIÊN NĂM LẠI VỚI DÒNG SÔNG

MINH ĐẠO



Đó là đồng chí Trần Văn Thời, y tá, cán bộ đoàn B.90 hy sinh trong lúc bắt nổi liên lạc với C200 (tháng 9-1960). Đó cũng là những tháng ngày nối liền hành lang phía đông (Đ1) Bắc (B90) Nam (C200). Những năm tháng gian lao hào hùng ắp đầy kỷ niệm như vừa mới hôm qua.

Hôm đó, những ngày của tháng 8 năm 1960, từ buôn Buxana, đội 1/B90 có nhiệm vụ là bắt liên lạc với C200. Đích hành quân cũng là điểm liên lạc là vàm suối Đak R'Tih. Mười sáu chiến sĩ đội 1 chia thành bốn mũi cắt suối, xẻ đồi, lần theo lối mòn hành tiến về vàm suối. Mũi của Trần Văn Thời tham gia do đồng chí Phan Văn Lạc (Tư Lạc) phụ trách và còn có Hoàng Minh Đỏ, Nguyễn Văn Định. Từ Buxana, bốn đồng chí băng qua quốc lộ 14 bis tới Hàng No rồi dẫn xuống thượng nguồn sông Đồng Nai. Vàm suối Đak R'Tih ở đó.

Mưa dầm dề, ướt sũng cả trời đất Tây Nguyên nhưng không thể ngăn được bốn người. Họ vẫn hành quân, thần

tốc mà bí mật trong mịt mù, âm u của đại ngàn. Cây cối chẳng chặt, muỗi và vắt dày đặc cứ bám chặt lấy từng bước chân của các chiến sĩ. Ma Lạc, Ma Đen, Ma Thời và Ma Định chẳng phút lung lay, chẳng chút chôn chân. Vàm suối Đak R'Tih ngày một thêm gần phía trước mặt...

Họ đã tới đích. Bên kia sông Đồng Nai là ngã ba: hai dòng suối đổ về giao với Đồng Nai Thượng này để trở thành vàm Đak R'Tih. Nước từ các khe suối đổ về ào ào kéo theo nhiều cây rừng. Khúc thượng nguồn Đồng Nai ngày một dâng đầy nước lên trời. Mênh mông. Không thấy tăm hơi gì của C200. Làm sao để bắt nối liên lạc đây? Cả bốn chiến sĩ cùng xác định tọa độ của đồng đội. Mũi trưởng Tư Lạc họp bàn với anh em và cùng hạ quyết tâm vượt sang vàm suối. Chỉ một tiếng hú bên kia bờ nghe được nhưng đâu dễ dàng thế. Phải tuyệt đối im lặng cho đến khi phát hiện được nhau mới ra ám hiệu. Cầm một cành cây và quay ba vòng trên đầu rồi bên kia (C200) quay trả lời bốn vòng. Nghĩ đến ám tín hiệu để bắt liên lạc, các chiến sĩ lại càng náo nức, phấn chấn hơn. Nhìn lại từng khuôn mặt của chiến sĩ, đồng chí Tư Lạc phân công: Ma Đen và Điểu Định thông thạo tiếng dân tộc canh hai đầu còn đồng chí Thời khỏe mạnh, bơi giỏi nhận nhiệm vụ vượt sông.

Dòng sông dường như ngày một cuộn cuộn hơn. Bao nhiêu thân cây khô bập bênh, ngụp lặn giữa dòng nước ngẫu đỏ đổ về xuôi. Ma Thời chỉ một cách lách dòng sang ngang. Dây võng dù của cả bốn người trong chốc lát được đồng chí Tư Lạc nối lại với nhau thành một mối liên hoàn. Rồi một đầu dây được buộc vào phao bơi cao su và gốc cây rù rì, đầu dây còn lại thắt vào eo nách đồng chí Thời. Chiếc phao bơi được đồng chí Tư Lạc giữ để khi cần ném

xuống. Đồng chí Trần Văn Thời bơi cắt dòng nước xiết cách bờ được khoảng chục mét thì bị đẩy qua phải. Vật lộn giữa dòng lũ dữ, đồng chí Thời chấp chới. Trên bờ, đồng chí Tư Lạc hốt hoảng mở đầu dây dù buộc ở gốc cây thắt dây vào phao rồi vội vàng ném phao ra. Nhưng nước cuốn cả người, cả phao trôi đi khi chiếc phao chưa tới được tay đồng chí Thời. Cả ba đồng chí tắt tả lòng sục tìm bóng dáng đồng đội nhưng Ma Thời đã ra đi. Đồng chí Thời đã hy sinh khi đang ở độ tuổi 30. Lúc đó, vào khoảng 10-11 giờ của một ngày thượng tuần tháng 9 năm 1960. Nước Đồng Nai đã đưa người con của đất Bà Rịa vĩnh viễn ra đi, để lại một bóng dáng người giao bưu bất tử.

NỬA VÀNG TRẮNG

Truyện ngắn: NGUYỄN THÁI HUYỀN



ệ đi một buổi đường trong rừng rậm đến chân đồi trọc.

Về đêm, rừng im ắng lạ. Lệ đứng ngắm trời mây. Nửa vàng trắng đã nhô lên cao, ánh sáng dịu dàng tỏa sáng qua làn mây trắng bông bênh. Đây là điểm giao trực của giao liên M30 và M18. Lệ hất chiếc mũ tai bèo ra sau lưng, trán lấm tấm mồ hôi óng ánh. Tay Lệ nắm chắc khẩu súng AK, đứng chờ bắt liên lạc với đồng đội.

Lệ nhớ lại lời anh trưởng trạm: “Chuyến đi trực này chẳng những có công văn, còn phải dẫn đoàn cán bộ quân đội vào Trung ương cục miền Nam. Tôi cử đồng chí Lệ, người đã từng trải, quen đường thuộc lối và đồng chí Đoán sĩ quan quân đội mới về nhận công tác cùng đi bảo vệ đoàn”. Sao anh ấy lại bảo thế nhỉ! Đã biết bao nhiêu đoàn vào ra trên con đường Nam Tây nguyên này vẫn an toàn?

Lệ nhớ ngày mới vào làm giao liên được làm quen với những ám tín hiệu để bắt liên lạc, nhận chuyển hàng theo ký hiệu bí mật. Hàng khô là súng ống, tiền vàng là hàng

đặc biệt, hàng tươi là cán bộ... Chuyển trực nào mà chẳng quan trọng?

Bảo vệ phía sau, Đoán mới ra khỏi rừng, nhẹ nhàng lại gần Lệ, thì thầm:

- Họ chưa đến hả, cô Lệ?

Lệ lắc đầu. Đoán tiến lên phía trước, mấy con heo rừng đi ăn đêm thấy động chạy tẩn vào rừng rậm đập trên lá vàng khô xào xạc.

Bốn bề trở lại yên lặng. Tiếng những con dế lửa gọi mái “réc rác” nghe càng rõ.

Bỗng ba tiếng hú từ xa vọng lại, Lệ đáp bằng hai tiếng hú. Giao liên M18 đã đến.

Đoán nhận “bồng” công văn, Lệ nhận khách. Nửa vầng trăng đã ra khỏi đám mây, ánh sáng vàng nhợt rọi xuống vành mũ tai bèo, áo quần vàng nhạt. Lệ không nhìn rõ mặt, đếm được 16 người.

Họ vây quanh Lệ. Hành quân đã hơn 2 tháng, mọi người mệt mỏi nên có người ngồi bệt xuống đất. Lệ đồng dục nói:

- Thưa các chú, đoạn đường từ trạm M30 đến buôn Dang R'Mít rất nguy hiểm, có địch phục kích, qua đồn và có mìn cài dày đặc. Cháu đi lối nào, các chú phải đi đúng lối ấy.

- Xin lỗi cô em, chúng tôi đi giữa bãi bom B52 mà không sợ, sợ gì mìn. Một người trẻ tuổi tựa gốc cây nói.

- Chú Thủy đừng nói ầu!

Lệ đoán người vừa nói là trưởng đoàn, ông ta lại gần Lệ an ủi:

- Cô thông cảm, anh ta đang lên cơn sốt rét, cháo không, thuốc hết!

- Chúng tôi xin phục tùng mệnh lệnh cô giao liên. -

Người chống chiếc gậy “Trường Sơn” thọc thọc xuống đất nói:

- Dạ, vậy chúng ta đi, nhưng...

- Lại nhưng cái gì nữa? - Vài người xì xào, tỏ vẻ sốt ruột.

- Trên đường đi không được bẻ lá cây và tuyệt đối im lặng!

- Dạ, em xin tuân lệnh ạ! - Giọng nói trêu chọc của Thủy.

Lệ không trả lời, đi trước, Đoán đi ở giữa đoàn. Đoàn người tiến vào rừng thẳm. Cây cối rậm tối như bưng. Người đi sau chỉ biết nhìn vào lưng người đi trước. Cành và lá cây như muốn níu kéo những chiếc ba lô nặng trở lại.

Đoàn đi đến con đường mòn, cây thưa hơn, ánh trăng non xuyên qua kẽ lá lấp lánh. Sương đọng trên kẽ lá kết thành giọt rơi đi đọng trên áo, mũ.

- Sắp vượt Quốc lộ 20 - Lệnh từ trên truyền khẩu xuống. Đoàn người đi chậm rồi dừng lại.

Lệ bò rà mìn sau đó lôi cuộn ni lông trong “bồng” ra rải trên mặt đường.

- Sao lại phải làm vậy? - Họ thì thầm hỏi Đoán.

- Để không lộ dấu chân. Tụi biệt kích tinh lắm, phát hiện chúng sẽ truy kích theo ngay.

Lệ vượt đường đi một quãng, trở lại đón khách, dặn dò:

- Cách đây một cây số có đồn bắt địch, im lặng nhé!

Đoàn người vượt qua, đi vào rừng. Im lặng, tiếng lá xào xạc càng rõ, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Lệ bồn chồn, lo sợ vì quân địch đã phát hiện được đường hành lang chiến lược từ Đăklăk xuống Lâm Đồng về T6 (Khu ủy 6) và chỉ có con đường này bộ đội, cán bộ và vũ

khí mới vào đến R (Trung ương Cục miền Nam).

Bọn biệt kích như con vắt bắt hơi người, chúng chặn đón, phục kích khắp nơi...

Lệ lội qua suối, người thứ hai lần ra được mười bước, giày chạm rêu trơn, trượt ngã. Cà mèn, bị đồng chạm vào đá loảng xoảng.

Phía trước, những chiếc đèn pin lóe lên những tia sáng ngang dọc chọc thủng màn đêm và những tiếng súng nổ chát chúa, vang động một khu rừng:

- Địch phục kích! - Lệ hô lớn.

Lệ ra hiệu cho mọi người quay trở lại. Đoán chạy lên giao bông công văn cho Lệ, nói:

- Để tôi bắn cản chúng !

Lần theo tiếng động, quân địch rần rật chạy tới phía trước mặt Lệ, súng thì nhau nhả đạn.

Lệ cắt đường dẫn họ chạy. Súng tiểu liên trong tay Đoán quét một loạt, chặn địch lùi lại. Nhanh như sóc, Đoán nhảy sang gốc cây to lẩn tránh. Ngắm điểm sáng, súng quân địch lại nhả đạn.

Trên đồn, pháo sáng bay vút lên, bầu trời tỏa sáng một vùng.

Chạy được một quãng xa, Lệ dừng lại điểm quân, không ai lạc đường. Lệ mừng quá! Thủy lại gần Lệ hỏi:

- Chúng ta có súng, sao cô không bố trí đánh địch?

- Cuộc chiến không cân sức, đảm bảo khách đi an toàn là nhiệm vụ của chúng tôi.

- Đúng rồi, vả lại ta bị động, đánh không thắng đâu! - Một người khác nói xen vào.

Sắp xếp đội ngũ, họ im lặng lên đường. Lệ cảm thấy trống vắng vì thiếu Đoán, Lệ buồn, Lệ cầu mong sao Đoán tránh được địch để trở về với đồng đội.

Ra đến Bàu Cạn, Lệ nhìn lên thấy nửa vầng trăng đã luồn vào đám mây đen. Bầu trời sẫm lại như muốn bùng mất địch, chỗ che cho mọi người về tới đích.

Tiếng súng vẫn ù ù ù ù nổ xa xa...

oOo

Đoàn khách về đến trạm trời vừa rạng sáng. Chim trên cành riu rít gọi nhau đi tìm mồi. Đứng dưới tán cây mát rượi, họ tạm bằng lòng với cái cảnh “đi không dấu, nấu không khói, ở không nhà”. Họ lúi túi vòng ra cột vào gốc cây nằm. Giấc ngủ đến liền với họ. Riêng Thủy cơn sốt rét lại kéo đến hành hạ. Thủy co người lại cho ấm nhưng vẫn rét, rên hừ hừ. Vòng rung lên bần bật. Hết rét lại chuyển sang nóng, nóng đốt tâm can. Thủy cởi hết hàng cúc áo trước ngực mà vẫn nóng, mồ hôi thào ra như tắm, khát nước rên hừ hừ, sau đó Thủy thiếp đi mê man.

Đêm hôm ấy, đoàn cán bộ lại hành quân. Thủy phải ở lại trạm để điều trị...

Sau Hiệp định Paris, quân địch tăng cường lùng sục, đánh phá hành lang vào Nam, quân số bổ sung đến trạm ngày một vơi đi nhưng giao liên còn tăng thêm lần chuyển công văn hỏa tốc. Trục trạm chỉ còn hai người trong đó có Lệ. Lệ được phân công chăm sóc bệnh nhân.

Thủy nằm trong lán tranh mới dựng dưới tán cây, bên bờ suối. Dứt cơn sốt, Thủy ngủ thiếp đi. Tỉnh giấc, Thủy thấy Lệ ngồi tựa gốc cây nhìn dòng nước chảy. Thủy muốn gọi nhưng lại thôi.

Lệ mặc bộ đồ bà ba màu đen tôn màu da trắng càng trắng, khuôn mặt tròn, đôi mắt sáng. Lệ đang nhìn lá vàng rơi, trôi là là trên mặt nước.

Thủy đang học năm thứ tư Đại học Kiến trúc. Lệnh tổng động viên, Thủy nhập ngũ, lớp Thủy cũng có nhiều nữ sinh. Thủy so sánh sắc đẹp, Lệ vẫn trội hơn họ. Lệ lo bát cháo, viên thuốc cho Thủy. Tiếng nói dịu dàng của Lệ, Thủy thấy phấn chấn mà sao cũng lạ khác hẳn với đêm hành quân, giọng nói của Lệ nghiêm nghị khó gần. Những ngày sống bên Lệ, lòng Thủy rạo rức, thương thương.

Kìa, chiếc kẹp tóc trắng bóng của Thủy tặng Lệ vẫn cài trên mái tóc đen huyền. Muốn được gần Lệ hơn, Thủy ú ớ:

- Khát quá, khát!

Lệ chạy lại ngồi bên cạnh Thủy, đặt tay lên trán Thủy, âu yếm:

- Khát nước hả anh?

Thủy gật đầu. Một tay Lệ đưa miệng bi đông đựng nước vào môi Thủy. Thủy với tay giữ bi đông, tay Thủy úp lên tay Lệ. Một bàn tay nóng hổi và một bàn tay man mát chồng lên nhau. Lệ và Thủy cùng cảm thấy rạo rức, một cảm xúc khó tả. Hai cặp mắt đăm đăm nhìn nhau để đôi tim cùng rung động theo từng ngụm nước vào lòng.

Lệ cất bi đông, vờ hỏi:

- Em thấy anh đã khỏe, anh uống thuốc nhé!

Thủy lưỡng lự nói:

- Lại uống ký ninh vàng, còn có loại thuốc nào hơn không?

- Ở đây đâu có, giao liên nội thị mua được loại ấy chuyển vào là tốt nhất, em để giành riêng cho anh.

Lệ cười, nụ cười hiền hậu trông càng xinh. Cuộc sống đầy gian khổ, Thủy càng thương Lệ. Thủy tự trách mình đòi hỏi cao xa quá, Thủy lắng sang chuyện khác:

- Sao anh không thấy anh Đoán?

Nét mặt Lệ đượm buồn kể: Không thấy anh Đoán trở về, đơn vị cử người đi tìm kiếm nhiều lần, không biết anh ấy đã hy sinh hay bị bắt mà vẫn chưa biết tin.

Thủy hỏi to:

- Thật vậy sao?

Lệ rơm rớm nước mắt, im lặng không đáp. Thủy lại gần Lệ an ủi:

- Thôi! Em đừng buồn! Anh ấy cũng như chúng ta đều vì nhiệm vụ. Tớ là khóc nhè! Thôi, chúng ta xuống suối ngồi chơi đi em.

Thủy nắm tay Lệ đi theo con đường mòn đến tảng đá bằng, hai người ngồi gần nhau. Lệ kéo ống quần lên cao, ngâm đôi chân dưới nước. Nước bị cản dòng, sóng lăn tăn ôm lấy đôi cổ chân trắng như ngà. Mắt họ nhìn dòng nước chảy nhưng cõi lòng đều rộn rục niềm vui, khát vọng và hạnh phúc đan xen nhau.

Bên kia bờ, trên cành cây, đôi chim bạch mi đang hát bài ca ân ái.

Ngồi đã lâu nhưng chưa ai mở đầu được câu chuyện. Thủy gọi:

- Anh mơ ước được về quê gặp mẹ em.

Lệ quay lại nhìn Thủy, nét mặt buồn rười rượi:

- Anh nhắc đến, em càng đau khổ. Ba em chết, mẹ nuôi hai con nhỏ, là cán bộ địch hậu, hoạt động bị lộ, tổ chức bố trí vào căn cứ công tác. Một hôm, địch càn bắt mẹ em lên máy bay trực thăng chở đi. Em và anh em ở ngoài rẫy chạy thoát. Hai người bị lạc đường, đi cả ngày trong rừng rậm không biết lối ra. Em đói quá, anh em trèo lên cây sung hái quả cho em, chẳng may cành cây bị gãy, anh bị ngã xuống trúng đá chết. Em ôm người anh khóc một ngày, đợi chờ anh tỉnh dậy. Em ngắt xiu trên xác anh đầy

kiến đỏ...

Thủy ôm đôi vai Lệ. Lệ khóc nức nở, nước mắt long lanh chảy xuống áo. Tiếng khóc của Lệ như xé nát ruột gan Thủy, Thủy nói:

- Em tha lỗi cho anh, em kể tiếp đi!

- Bộ đội đi công tác thấy em họ dẫn em về đơn vị. Chú Sáu đưa em về hậu phương cho em ăn học. Mười tám tuổi, chú Sáu đưa em vào căn cứ làm giao liên.

Kể xong, Lệ gục đầu vào vai Thủy khóc. Thủy an ủi:

- Nín đi em, khóc làm gì, chuyện lâu lắm rồi mà.

Lệ lau nước mắt, Thủy hỏi:

- Lệ à?

- Sao anh?

- Từ ngày gặp em anh thấy...

- Thấy em dữ lắm phải không? - Lệ cười.

Thủy lắc đầu chậm rãi nói:

- Anh yêu em. Sau này anh sẽ đến nhà chú Sáu xin cưới em.

Nghe Thủy nói, nét mặt Lệ đượm buồn:

- Em cũng như người chèo đò ngang đưa khách qua sông, ít người nhớ đến bến đò xưa.

- Trời ơi! Em không tin anh sao?

- Em cũng nghĩ như vậy.

- Biết làm sao em tin, anh xin thề!...

Lệ âu yếm vội để ngón tay trở ngang đôi môi Thủy:

- Đừng thề anh. Em sẽ đợi.

Thủy ôm vai Lệ. Lệ thì thầm:

- Em không muốn Lệ là nước mắt chảy theo dòng nước là Thủy đâu!

- Anh hiểu, có ngày em sẽ tin anh.

Dòng suối vẫn chảy róc rách và in bóng hai người hôn

nhau.

Lệ đi công tác mới về tới trạm. Trong lán có ánh đèn búp măng tỏa sáng lơ mờ. Vào trong lán không thấy Thủy, Lệ ngồi phịch xuống phen nữa. Lệ cảm thấy trống trải, cô đơn.

Anh Long trực ban đến gần Lệ, an ủi:

- Đừng buồn, Lệ có thư của cậu Thủy gửi lại đây.

Lệ đã biết sẽ có ngày chia ly nhưng bóc lá thư, tay Lệ vẫn run run, Lệ buồn man mác theo những dòng chữ hiện ra trước mắt:

Em Lệ của anh!

Em đi công tác, anh lại lên đường vào Nam.

Em cho anh là người trốn chạy phải không? Đúng vậy, anh không can đảm nhìn thấy nước mắt em rơi vào vai áo anh.

Em ơi! Gần một tháng trời sống gần em, anh càng khâm phục em hay nói rộng ra cả những người trong trạm. Chính những người ấy đã ăn sắn, ngô, lá bép thay cơm, giành từng hạt gạo nuôi anh và cán bộ qua trạm.

Em là người đã cứu sống anh, em đã nhen vào lòng anh một ngọn lửa tình yêu trong sáng. Kỷ niệm êm đềm trong tim anh là lán tranh, dòng suối và tảng đá chúng ta ngồi.

Đất nước còn khói lửa, anh là chiến sĩ không có lẽ vật đánh hôn. Anh đã đem theo quả sung khô để mãi mãi nhớ lời em kể bước ngoặt cuộc đời em.

Còn em, anh đã thấy em cài kẹp tóc anh tặng trên mái tóc thề, nó sẽ thay anh an ủi em.

Anh nghĩ khác với em, Lệ là nước mắt, Thủy là nước, nước và nước sẽ hòa vào nhau thành một mối tình đầu

bất diệt.

Em sẽ đợi chờ anh, em nhé! Ngày hai trái tim cùng chung nhịp đập sẽ đến với chúng ta.

Nhờ chữ ký của anh hôn em

Anh của em

Lệ Thủy

Nước mắt Lệ tuôn trào, nhỏ giọt trên lá thư. Lệ ngăn ngơ giây lát, chạy ra bờ suối ngồi trên tảng đá đầy kỷ niệm. Ánh trăng soi tỏ. Lệ áp lá thư vào trái tim rồi gỡ chiếc kẹp tóc ra ngắt, nửa vầng trăng chiếu xuống chiếc kẹp óng ánh lan tỏa thành vầng trăng tròn.

KHÚC HÁT RỪNG THÔNG

Truyện ngắn: LÊ CÔNG

Chị đang dẫn mấy vị khách tham quan vùng Tam Giác, nơi đóng quân của Giao bưu Tx cũ. Đó là một vùng đồi núi hiểm trở, bây giờ thông non đã phủ kín triền đồi. Chị thuyết minh về quá khứ thành lập đội giao bưu ở đây. Đây là một trong những nút quan trọng nối hành lang chiến lược Bắc Nam. Mọi người đang lắng nghe, bỗng thấy hình như mắt chị đầm ướt. Rồi chị lấy khăn mùi xoa lau nước mắt và dừng lại. Mọi người đang nghe đến đoạn chị kể về đồng chí Luận, người trạm trưởng giao bưu Tx, sau khi dẫn đường cho một đồng chí cán bộ cao cấp, trở về bị phục kích thế rồi chị không kể tiếp được nữa mà ôm mặt khóc thút thít. Một số khách tản ra quan sát cảnh núi rừng để chị được yên tĩnh. Một số người thấy chị không được khỏe đề nghị cho xe đưa chị về nhà. Phải rất lâu chị mới bình tĩnh trở lại...

Chị nhớ lại hôm chia tay cuối cùng với Luận:

- Anh Luận à! Gần một tháng nay lúc nào gặp em anh cũng kêu bận nhiệm vụ. Anh tránh né em là vì sao vậy?

- Không phải đâu Thanh ạ. Nghề giao bưu nay đây mai đó, anh đâu dám kết thân với ai. Thanh là cô gái đẹp nhất Nam Tây Nguyên này. Được gần em là anh hạnh phúc lắm rồi.

- Anh là trạm trưởng sao anh lại nói vậy. Anh quan tâm nam giới nhiều hơn phụ nữ rồi đấy. Cả trạm chỉ có mỗi em là nữ mà anh không cưng chút nào hà?

- Được rồi! Được rồi! Sau chuyến này anh sẽ cố gắng để cô giao bưu trẻ của anh luôn được gần thủ trưởng.

Đêm đó Luận kể cho Thanh nghe nhiều lắm. Giọng miền Trung đầm ấm như quyện vào hồn chị. Luận người Quảng Ngãi, làng anh ở bên sông Trà Khúc. Anh bảo sông Trà Khúc đẹp lắm. Dòng sông rộng mênh mông uốn lượn giữa hai bờ cát trắng. Luận thường theo má đi bẻ bắp và nướng ăn ngay trên bãi cát cùng lũ chăn bò.

- Bao giờ giải phóng, Luận sẽ đưa Thanh về thăm sông Trà quê anh!

Đêm đó dưới rặng thông, Thanh đã trao cho Luận một nụ hôn. Thanh nắm chặt tay anh. Thanh mơ mộng sẽ có một ngày được về thăm quê anh. Làm dâu xứ Quảng có khó không nhỉ? Sao lại có câu “Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay lo”? Thanh tưởng tượng mình sẽ phải rụt rè trước ba má Luận thì buồn cười chết đi được. Rồi các cô em chồng. Nhà Luận có đến năm anh em lận. Ba má Luận cũng đã sáu mươi rồi. Ôi, bao giờ giải phóng?...

Một loạt đạn nổ ran trời ở phía Xuân Trường và thị trấn D’ran làm hai người sực tỉnh. Linh tính báo trước cuộc chia tay? Sau này khi người đàn ông cuối cùng của trạm hy sinh Thanh mới giật mình: Họ còn trẻ quá, họ chưa là đàn ông. Thanh được trên cử làm trạm trưởng rồi một vài đồng chí nam được điều về trạm. Thế rồi giải

phóng và chị là một trong những người sống sót.

Ai bảo rằng chỉ có chỗ nọ, chỗ kia mới là ác liệt. Thanh thấy ở Tam Giác này cũng kinh khủng lắm rồi. Bao nhiêu cuộc càn quét, biết bao bom đạn địch đã đổ xuống vùng này. Với bọn địch, xóa sổ khu Tam Giác là cắt đứt mọi giao bưu - thông tin từ Đà Lạt xuống Đức Trọng và thị trấn D'ran. Trên chỉ thị bằng mọi giá phải bám trụ vùng Tam Giác. Tx là đội giao bưu anh dũng, hy sinh nhiều nhất, người này ngã xuống, người khác lại kế tiếp làm nhiệm vụ.

Trước khi ra đi Luận còn kể về Niêm: “Thằng Niêm người Bắc, hay hát hay cười bị địch bao vây bắn chết xác thối ra anh em mới tìm được xác!”. Niêm là thằng rất nhanh nhẹn. Lạ thật, người đồng bằng Bắc Bộ vào Nam sao lại dễ thích nghi với rừng sâu núi hiểm. Cứ như thằng Đang chẳng hề sốt rét tý nào. Luận bảo thằng Niêm có người yêu sắp cưới ở quê rồi. Nó bảo nó chết đi không tiếc thân mà chỉ “thương người vợ chờ ở quê”.

Luận cũng thương Thanh như vậy phải không? Bây giờ đã 28 năm rồi. Thanh vẫn ở vậy. Chẳng hiểu vì sao, mỗi khi có người đặt vấn đề là Thanh lại nghĩ tới Luận. Ở vậy cũng cô đơn lắm chứ, mỗi đêm thức giấc lại như thấy Luận còn đâu đây.

Đó là cái năm ác liệt nhất, toàn khu Tam Giác bị bom địch nghiền nát. Anh em tản đi hết, chỉ còn lại Luận và Thanh ở trạm. Khi những quả bom rơi xuống trạm, Luận đã kéo Thanh xuống hầm. Tắm thân lực lưỡng của Luận đã đè lên người Thanh để che chở cho cô. Khi địch rút rồi anh cứ nhìn chị mà cười, còn chị thì vừa xấu hổ vừa cảm động. Luận ơi, anh bảo vệ cho em để làm gì?

Thanh cứ nghĩ sau lần Luận đi Campuchia bị mất tích

trong rừng hai tháng, ăn củ mài lá bép mà vẫn sống, vẫn bò về được thì Luận sẽ không bao giờ chết nữa. Nhưng bây giờ thì Thanh sợ lắm. Mười chín đồng chí giao bưu, thông tin ngã xuống vùng Tam Giác là một sự thật ngoài sức tưởng tượng của chị. Luận làm sao có thể tránh khỏi. Thanh chỉ sợ Luận buồn. Ngày mới về trạm, Thanh đã bướng bỉnh cãi lại thủ trưởng. Bởi vì Luận giao cho Thanh mang chiếc gùi quá xấu xí lại nhét đủ thứ vào mà lên tận Khu. Khi qua Suối Cạn, bọn địch phát hiện ra Thanh, nhưng ngỡ Thanh là người dân tộc đi rừng làm rẫy mà không rượt theo. Đó là cách nguy trang khôn khéo mà Luận lo cho Thanh. Đã thế, Thanh không biết ơn còn vùng vằng làm giận anh.

Tại sao Luận lại hy sinh vào chính cái đêm hai người đã hứa hẹn nhiều nhất. Cái đêm mãi mãi in sâu trong tâm hồn chị. Trời ơi! Sao đêm đó Đà Lạt đẹp chưa từng thấy. Đẹp lung linh huyền ảo. Trập trùng núi, trập trùng mây và trăng cũng như hòa vào sương lãng đãng. Chị nhớ lắm đêm đó dưới trăng, Luận đẹp như một thiên thần. Sau này nhắm tịt, Thanh biết được lúc đó Luận 25 tuổi. Một người con trai xứ biển hiền lành, khỏe mạnh.

Chị hỏi anh sao không xin đi phi công hay bộ binh. Luận bảo, hồi lên năm đã theo má đi giao liên nên nghề giao bưu đã thấm vào trong máu. Luận chỉ mong sau này được đi học để điều khiển cả tổng đài điện tử. “Hòa bình thì cái gì mà chẳng làm được phải không em?” - Luận nói rất tự tin...

Luận và nhiều đồng chí của Thanh đã không sống đến hòa bình. Thanh còn lại chỉ làm được một vài việc nhỏ sau giải phóng. Nhưng chị không vì thế mà xấu hổ. Thế hệ trẻ ngày nay đã làm được nhiều điều mà cha anh mơ

ước. Một điều làm chị vững tin mà sống là chị đang lưu giữ những ký ức về cuộc chiến tranh tàn khốc. Về vùng Tam Giác, về những con người dũng cảm mà với chị là những chiến sĩ giao bưu thông tin. Hiện tại thấy ngành Bưu điện phát triển mạnh, chị tự hào thay cho những người đã ngã xuống. Chị sung sướng khi thế hệ bưu điện hôm nay đang ghi chép lại những mẩu chuyện về những người giao bưu thông tin. Nhưng còn sau này và mai sau nữa không biết còn ai giữ được ký ức như chị nữa hay không. Chị nghĩ vậy là vì con người sinh ra có quá nhiều công việc. Chị sợ lắm khi phải mang tất cả xuống mồ..

Chị Thanh tới bàn thờ thấp nén nhang cho anh Luận. Luận cũng chẳng hề có một tấm ảnh. Các đồng chí khác cũng thế. Chị làm một bàn thờ chung cho tất cả các anh và một góc riêng cho Luận. Chị cầu khẩn cho linh hồn anh ở tuổi vàng được yên nghỉ ngàn thu.

Đà Lạt, 6.5.1999

Những cụm đài di động

Ở miền Nam giữa chiến trường đánh Mỹ
Biết bao nhiêu sự tích thần kỳ
Giữa rừng già vẫn lặng lẽ ra đi
Những con người - Những cụm đài di động.

Máy móc, tư trang, gạo ăn, tăng võng...
Vẫn hành quân vẫn làm việc bình thường
Đi suốt tháng, năm, hậu cứ tiền phương
Đến phiên việc lại dựng đài phát sóng.

Nhà đặt máy là tăng là võng
Cột anten là những cây rừng
(Rất đơn sơ mà tiện lợi vô cùng)
Vẫn thông suốt chủ trương, mệnh lệnh.

Đài di động theo từng trận đánh
Cơm vắt, ngủ hầm, lội suối vượt sông
Dù hy sinh liên lạc vẫn thông
Người ngã xuống người khác thay làm việc

*Ngày Cao nguyên nóng rang người thắm mệt
Bóng đêm trùm cái lạnh cắt luôn theo
Dưới tán cây vẫn “tà tích” đều đều
Ngọn đèn ló đủ sáng hồng khuôn mặt.*

*Có những ngày đối quay đối quắt
Cơn sốt rừng xanh ngắt thịt da
Lạt muối, thiếu cơm, thương nước, nhớ nhà
Bao ý nghĩ ùa vào tâm trạng...*

*Những phiên việc thâu đêm suốt sáng
Mệnh lệnh chiến trường, chỉ thị Trung ương
Tay quay máy - tai nghe - tay nhịp - gõ
Chuyện bình thường khắp hậu cứ tiền phương.*

*Có những đêm trong giấc ngủ bình thường
Địch tập kích bất ngờ hòng cướp máy
Súng chắc tay ta ngoan cường quật lại
Càng hiểm nguy càng sáng chí anh hùng.*

*Đêm chiến trường bóng tối quánh từng không
Vẫn hừng sáng đời trai cách mạng
Đài di động, ta truyền đi lời Đảng
Nguyện một đời vì hiệu lệnh: xung phong!*

Khu VI.1973

DƯƠNG THANH DANH

Lính thông tin ở chiến khu

(Tặng điện báo viên khu VI)

Rời ma-níp thay phiên đi làm rẫy
Lính thông tin: bách nghệ ở chiến khu
Gửi lương thực - săn thú rừng - bắt cá...
Súng chắc tay sẵn sàng đánh quân thù.

Đi phía trước, ở tuyến sau hậu cứ
Dọc tháng năm, vẫn "tà tích" hát ca
Những tín hiệu truyền chủ trương, mệnh lệnh
Vượt đạn bom từng cánh sóng bay xa.

Đời sống gian nguy đói cơm, lạt muối
Hăng say làm việc đến quên mình
Nuôi chí lớn trông mong ngày toàn thắng
Đâu có nề hà mất mát hy sinh

Tích - tà - tích truyền về tin thắng trận
Cánh sóng vô hình bỗng nở hoa
Những gương mặt con sóng rừng xanh mét
Lại hồng lên như sắc nắng quê nhà.

Nam - Trung bộ, mùa mưa 1974

DƯƠNG THANH DANH

Thăm mộ bạn ngày giáp tết

(Tuởng nhớ các đồng nghiệp của tôi)

*Ngày cuối năm mình tôi đi ngược nắng
Chiều nghĩa trang gió hun hút đôi thông
Hoàng hôn tím cả rừng chiều xao xác
Bạn nằm đây tết đến nhớ nhà không?*

*Về thăm bạn một ngày đông giáp tết
Đốt nấp nhang khói tỏa đến vô cùng
Quà cho bạn một bó hoa huệ trắng
Tôi gục đầu bên mộ chí rừng rừng!*

*Thôi bạn nhé hãy yên nằm với đất
Hai chúng ta giờ cách trở Âm - Dương
Đa diết quá! Chiều đầy lên kỷ niệm
Những xuân rừng hai đứa sống ly hương!*

*Nhành hoa núi thay cảnh đào xứ sở
Hai đứa mình hăm hở đón xuân về
Ghép mảnh ván thành bàn thờ Tổ quốc
Trái tim xa rạo rực cả hồn quê!*

*Hè đỏ lửa cả chiến trường ác liệt
Bạn hy sinh! Dừng lại tuổi hai mươi
Tôi mất bạn! Trút hồn lên đầu súng
Mối thù này đồng đội trả cùng tôi.*

*Thôi bạn nhé hãy yên nằm với đất
Tôi trở về với mái ấm tình thương
Đời hạnh phúc quên sao tình đồng đội
Những mùa đi rục lửa giữa chiến trường!*

*Thôi bạn nhé! Hãy vui cùng xuân đến
Giờ hai ta hai thế giới Âm - Dương
Đất cao nguyên vẫn đông đầy thương nhớ
Như ngày xưa - ngày ấy ở chiến trường.*

Dà Lạt, cuối đông 1997

DƯƠNG LỄ

Tiếng em qua cánh sóng

Hơi thở từng dồn dập nhập vào tim
Em hữu hình mà vô hình quá thể
Những tiếng nói qua bao trời bể
Nghe rất gần mà quá đôi mù khơi!

Áp sát vào tai ngõ hết cách vờ
Ngõ hơi ấm lan vào xúc giác
Em hiển hiện ngõ bóng hình ai tạc
Vội hương thơm dịu mát tuổi xuân thì.

Cánh sóng truyền về vui bớt nỗi chia ly
Lấp khoảng trống lấp đi nỗi nhớ
Cứ mong ngóng sau những hồi chuông đổ
Ngõ em về trước cửa phòng anh.

Tiếng nói dịu hiền tit tận mãi không xanh
Niềm rung cảm làm tim anh rạo rực
Tín hiệu đứt dư âm còn trong ngực
Giá lạnh lại ủa về em vẫn mãi trời xa...

LÊ BÁ CẢNH

Anh đến thăm em

(Tặng Tổng đài 10 Đà Lạt)

Anh đến thăm em cô gái tổng đài
Em bận rộn chẳng hay anh đến
“Rắc” tổng đài lá rừng đổ xuống
Mạch máu về tim chuyển tiếp khắp nơi nơi.

Ánh đèn đỏ xanh đêm ngày lấp lánh
Như mắt em sáng rực niềm tin
Em tiếp “phit” dịu dàng nối tiếp
Tình cảm trao đưa theo nhịp đôi tim.

Đất nước rộng dài đường đi vạn nẻo
Anh từng đi khắp cả mọi miền...
Biên giới đánh địch bao lần lần chiếm
Hải đảo xa xôi tin bám biển ngày đêm.

*Đầm Ròn mùa mưa nhiều người bị sốt
Cát Tiên nhiều lần cơn lũ băng qua,
Người yêu xa báo hẹn ngày đến gặp
Cà phê chín đỏ lay động đung đưa.*

*Anh biết em nhiều lần qua tiếng nói
Giọng thanh thanh trầm bổng như ru
Anh đến Vũng Tàu gọi về Đà Lạt
Đêm rất khuya vẫn có tiếng em thưa...*

*Anh đến thăm em cô gái Tổng đài
Em bận rộn chẳng hay anh đến
“Rắc” tổng đài lá rừng đổ xuống
Mạch máu về tim chuyển tiếp khắp nơi nơi.*

Đà Lạt, tháng 5.1985

NGUYỄN THÁI HUYỀN

Tháp Hoa

*Tháp Viba! Tuổi xuân thì
Nở ngàn cánh sóng gởi đi muôn trời
Trắng - Đen - Hồng thắm Buồn - Vui
Mang trong lòng tháp hồn đời đó em
Tình người xứ lạnh trao duyên
Niềm yêu gửi đến mọi miền quê xa*

*Nhớ Đà Lạt! Nét kiêu sa!
Nhớ tình, nhớ cảnh đậm đà sắc hương
Nắng nghiêng tháp xuống phố phường
Hoa dâng bình nở, nhớ thương tim chiều
Miền đi để nhớ để yêu
Tháp hoa đầy nước hồ chiều Xuân Hương!*

Đà Lạt, xuân 1998

DƯƠNG LỄ

Tiếng chuông điện thoại

Tiếng chuông reo
Gọi thức em mỗi sớm
“Sợ tối thức khuya
Em mệt ngủ quên”

Tiếng chuông ngân
“Em có bận lắm không
Nếu có việc cần
Gọi ngay - anh sẽ đến”.

Tiếng chuông vang rền
“Em có mệt lắm không
Sao giọng khàn khàn
Không trong như mọi bữa”...

*Cứ như vậy,
Từ bao giờ không rõ nữa
Tôi đã quen chờ
Hồi chuông ấy vang lên
Nếu có một ngày
Điện thoại lặng im
Chắc buồn lắm
Người ơi - đừng nhé!
Ai bảo anh
Gọi em nhiều như thế
Để đến bây giờ
Không thể ít hơn.*

Đà Lạt, đêm 16.7.97

BẠCH NHẬT PHƯƠNG

Nói về nguồn xưa

*Nhớ thuở xưa đánh giặc
Bom thù cắt đứt dây
Lệnh truyền qua bị ngắt
Lính chỉ còn đôi tay.*

*Anh kéo hai đầu dây
Căng quá rồi, không tới
Làm sao có thể nối
Hai dây liền với nhau!*

*Điện giật nhói tim đau
Hai hàm răng tê dại
Nhức buốt bàn tay phải
Điện truyền qua thân mình*

Người anh hùng hy sinh

*Trên đường dây ngày ấy
Máu hồng anh vẫn chảy
Trong tim ta hôm nay*

*Thắp sáng trên đường dây
Tỏa vào mạng cả nước
Nói ra ngoài Tổ quốc
Đến các chân trời xa*

*Ơi đường dây Viba
Sa Lộ Tin hiện đại
Tin hiệu vào trong máy
Nói ta về nguồn xưa!*

3.1999

PHẠM VŨ

Đôi sao

Tặng nữ báo vụ ở chiến khu

*Trên trời sao sáng suốt đêm
Dưới hầm thao thức ánh đèn thâu canh
Mắt cô báo vụ long lanh
Đôi theo tần số hoá thành đôi sao*

V.N.

Tín hiệu mùa Xuân

Nhạc & lời: Dương Toàn Thiên

Chậm, sâu lắng (♩ = 60)



Lòng bồi hồi nhớ những năm chiến tranh, những năm chiến



tranh trường kỳ gian khổ. Xẻ dọc Trường Sơn, tuyến dây ta



đi theo những binh đoàn xuyên rừng vượt núi.



Dù đạn rỏ bom rơi dù máu trào thịt nát xương tan những chiến sĩ thông



tin vẫn lên đường hướng tiền phương quyết giữ liền đường dây chiến



thắng. Lòng bồi hồi nhớ, Lòng bồi hồi nhớ...

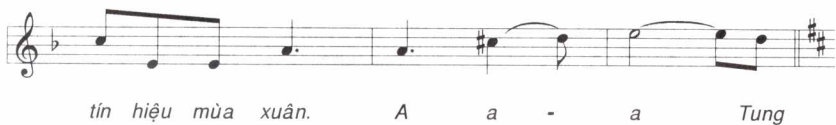
Nhanh, vui (♩ = 150)



Hôm nay khắp quê hương đã ngập tràn niềm vui, Độc lập Tự do



thắng đường đi tới. Ta vui bước bên nhau hát mừng cuộc đời mới,



Cô gái điện hoa

Nhạc & lời: Đinh Nghi

Nhịp vừa - Trẻ trung - Yêu đời



Nơi đâu nơi đâu
Lặng hoa xinh tươi

mong tin cho nhau, tin cho người thương.
cho anh cho em cho bao người thân.



Bao nhiêu tâm tư nhắn gửi thay lời tin nhanh cho em cô gái điện hoa.
Xa xôi xa xôi cách mấy biển trời A - lô ngay đây



hạnh phúc bất ngờ

Quanh bên em điện sóng toả khắp



Nghe âm vang náo nức thành phố hoa. Thêm tin yêu cuộc sống lớn lên cùng thời



gian Quanh bên em điện sóng toả khắp nơi

Reo vang bao mơ ước và khát khao



Tin vui về người thương Nỗi nhớ của người yêu Nơi đâu xa xôi
Mênh mông cao nguyên



dù ở cuối trời cho nhau yêu thương em xin sẵn sàng.
mùa xuân nắng hồng tóc em tung bay

bay giữa mây trời.

Cô gái tổng đài

Nhạc & lời: NGUYỄN TÁNH

Valse, tự sự

Tiếng ai bên kia đầu dây trong như tiếng suối chảy... Tiếng
 ai bên kia đầu dây êm như tiếng thở... Tiếng

1.
 ai bên kia đầu dây ngọt như tiếng sơn ca... Tiếng...
 ai bên kia đầu dây toả...

2.
 hơi ấm nồng nàn... Tiếng ai bên kia đầu dây đẹp
 âm sắc dịu dàng... Dạ tôi nghe.
 Dạ tôi nghe. Cô gái tổng đài ơi... Dạ tôi

Andantino
 nghe. Dạ tôi nghe. Cô gái tổng đài ơi...
 Em âm thầm lặng lẽ Nói cho đời mạch sống thông
 tin Tình yêu em bao la như biển rộng Hát về
 em, cô gái tổng đài...

rall... **FINE**

Tín hiệu từ trái tim

Nhạc & lời: Mạnh Đạt

Moderato



FINE



Chuyện tình Téléphone

*Người ấy gọi từ ngàn cây số
- Alô! Nhận ra tiếng ai không?
Trong trẻo tiếng cười
Người ấy
Như ở cạnh tôi
Đôi mắt mê lòng*

*Người ấy hỏi thăm ân cần... như chị(!)
Riu rít chuyện trò như thể em tôi(!)
Nhưng tình yêu
Tình yêu không dấu được!
Người ấy không nói đến một lời.*

*Người ấy nói cả giờ
Như không qua điện thoại!
Ôi, đã bao lần dưới bóng cây xanh
Tôi chỉ khát một lời người ấy
Ngắn gọn, giản đơn rằng “Em yêu anh!”*

*Người ấy tiếc đã đến lúc “tạm biệt”
- Số điện thoại mình đây (...)
Giọng người ấy ngọt ngào
Lấy can đảm tôi hỏi thăm người ấy:
- Nói mạng tình yêu thì gọi số nào?!*

1999

ĐAN TÂN

CHUYỆN VUI KHÁNG CHIẾN

GIAO LIÊN ĐI LẠC

Tổ văn thư ở Văn phòng Tỉnh ủy Tuyên Đức có 3 anh em, ngoài tôi ra còn có 2 cậu nhỏ tuổi hơn làm liên lạc, lúc bấy giờ các em khoảng 9-10 tuổi theo cha mẹ đi thoát ly. Các em đi liên lạc đưa thư từ, công văn ra trạm giao liên và ngược lại. Ngoài ra còn chạy công văn đến các ban ngành của Đảng trong cứ.

Tối hôm ấy, một cậu đi công văn không thấy về. Chúng tôi lo lắng không hiểu tình hình có chuyện gì xảy ra trên các trục đường, vì hôm ấy chúng tôi chuyển công văn hỏa tốc nên phải đi nhanh mới kịp. Trời nhá nhem tối mới thấy cậu ta lò mò về áo quần ướt tả, mặt mày xây xước, chân vết cắn máu đầm đìa.

Hỏi ra mới vỡ lẽ, thay vì đi đường vòng mất hơn 2 tiếng là về đến cơ quan. Cậu ta nhắm hướng cắt rừng cho nhanh, không ngờ càng đi càng lạc đường, chui vào rẫy hổi (rẫy đồng bào dân tộc bỏ lâu năm) gai góc cỏ lau rậm rạp, cậu ta mất phương hướng không tìm được lối về, cuối cùng đành phải quay lại lối cũ theo đường mòn về cơ quan mất

hơn 6 tiếng. Thực hiện đúng phương châm “đi vòng xa lắc, đi tắt tối ngày”. Cả cơ quan vừa thương, vừa cười “giao liên mà đi lạc”.

CHUYỆN VUI TRÊN ĐƯỜNG

Vượt qua suối Đa Me ướt lạnh, đêm càng về khuya. Chúng tôi vượt đường 21 (nay là QL 27) qua đoạn gần ấp chiến lược Đa Me (N'Thol Hạ). Theo lệnh của đ/c giao liên phải tuyệt đối im lặng, toàn bộ thành viên trong đoàn là phải bỏ dép ra, không được mang khi chưa có lệnh (vì sợ để lại dấu vết, hôm sau địch mai phục), đoàn hôm ấy phần lớn là phụ nữ đi mang tải lương thực, thực phẩm từ hướng 81 về (kho lương thực Đức Trọng), họ tải tương đối nặng mà phải tháo dép khi đi trên đường đá, sỏi quả là một cực hình.

Khi vượt qua rẫy lúa nương là phải đi tránh, không được đạp lúa đồng bào. Tới lúc qua lán cỏ tranh cứ ngỡ là lúa, trời tối về khuya không phân biệt được, lại phải đi tránh. Chân dẫm phải gai đau không thể nào tả được, nhưng không ai dám than.

Càng về khuya càng buồn ngủ, vừa đi vừa ngủ gật. Nghe giao liên truyền lệnh nghỉ giải lao, chị em vất bông (bao tải) tựa lưng ngủ ngay. Lúc này cứ như người trong mơ, hai mắt nhìn không rõ cứ tưởng như phía trước có người ngồi nghỉ, mãi về sau thấy nghỉ lâu một đồng chí trong đoàn hối thúc phía trước đi, chị ấy đứng lên quơ tay xem người phía trước đi chưa, hóa ra vợ trúng gốc cây cháy. Lúc này cả đoàn quên cả ngủ gật, chị em nháo nhác cả lên không biết đi về bằng hướng nào. Mãi sau đồng chí giao liên trở lại bắt liên lạc và đưa đoàn về căn cứ an toàn.

VÕ TRẦN PHÚ (Sưu tầm)

“QUÁN QUÂN”... CHÂN ĐẤT

KIM ANH



Giữa thập niên 80, nhận nhiệm vụ tại huyện Lạc Dương (cao nguyên Lang Bian) - địa bàn khó khăn, cách trở bậc nhất của tỉnh Lâm Đồng, Cil Múp Ha K'Riêng cùng các đồng nghiệp thay nhau đi bộ nối mạch máu thông tin giữa trung tâm huyện và các xã vùng sâu vùng xa. Đặc biệt, để vào được Đầm Ròn, các anh phải vất vả suốt một ngày rông vượt núi, băng rừng, nhất là “chinh phục” dốc Trời - một con dốc đứng đến độ người đi sau chỉ nhìn thấy chân người đi trước. Dấn thân vào chốn rừng thiêng, nước độc, vào những ổ dịch sốt rét Đầm Ròn, Đỉnh K'Nớ, Đạ Long, Đạ Tông..., các giao thông viên bưu điện cũng không khỏi trở thành nạn nhân của căn bệnh nguy hiểm này. K'Riêng kể:

-Nhiều lúc bị sốt nhưng vì tổ ít người, không ai thay thế nên cứ phải chống gậy đi làm. Một lần, tôi cùng một điện báo viên đang trên đường từ Đầm Ròn trở về, ngang qua dốc Đá tôi lên cơn sốt người run cầm cập không bước nổi nữa, mưa tầm tã không thể đốt lửa hai anh em chia

nhau ổ bánh mì cứ quần áo mưa nằm suốt đêm dưới một tán cây.

Gian khổ, bệnh tật là vậy nhưng không thấm vào đâu so với những khó khăn nguy hiểm phải đương đầu với Fulro hoặc thú dữ... Một chiều tháng 7 sương mù dày đặc tôi và Ha Sú đang luồn rừng một con gấu to lớn, đen trũi bất thần lao tới, Ha Sú nhanh tay giữ chặt miệng nó, tôi hươ tay tìm cây xà gạc nhưng đã rơi đầu mất, tôi chỉ còn biết la hét, vợ lấy đá càn cây ném con vật, cuối cùng nó cũng bỏ đi sau khi dùng móng vuốt cào cấu khắp mình mẩy, tay chân Ha Sú, tôi xé áo băng bó các vết thương dịu anh về nhà.

- Ha K'Riêng kể tiếp chuyển công tác xuýt chết khi còn là “lính” mới bóc tem:

- Nếu để lộ là người Nhà nước, bọn Fulro sẽ giết ngay, những năm 80 đã có cả chục cán bộ bị Fulro sát hại. Do vậy khi đi đưa thư chúng tôi ăn mặc như người dân đi rẫy đi rừng, tài liệu, thư từ giấu dưới đáy gùi.

Vào mùa mưa, Ha K'Riêng được cấp phát 2 tấm nylon - một để làm áo mưa một để bọc công văn, thư từ. Do thường xuyên luồn rừng lội suối áo mưa rách bươm, anh cẩn răng chịu lạnh, dành tấm nylon lành lặn giữ khô tài liệu: “Mình bị đau rồi sẽ khỏi chứ công văn, thư từ ướt thì hỏng hết”, anh nói.

Ròng rã mười ba năm với đôi chân trần, Ha K'Riêng cùng đồng nghiệp băng rừng, vượt suối nối mạch máu thông tin trên cao nguyên Lang Bian xa xôi, hiểm trở. Gần đây được sự hỗ trợ của Bưu điện tỉnh, anh sắm được chiếc Win 100 để rút ngắn phần nào những chuyến công tác gian nan. Chịu khó, chịu khổ, đoàn kết giúp đỡ anh em trong đội, nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không

ngừng học hỏi nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn...
Ha K'Riêng được lãnh đạo và đồng nghiệp quý mến, tin tưởng.

- Và một vinh dự lớn đã đến với anh, với ngành Bưu điện Lâm Đồng : Cil Húp Ma, K'Riêng vừa được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới.

SÂU NẶNG NGHĨA TÌNH

THU HIỀN



ỪNG trải qua những năm tháng chiến tranh gian khổ và ác liệt, Bưu điện Lâm Đồng thấu hiểu sâu sắc ý nghĩa của mười chữ vàng mà Đảng và Nhà nước đã phong tặng cho ngành: “Trung thành, dũng cảm, tận tụy, sáng tạo, nghĩa tình”. Để có được những chữ vàng truyền thống đó, lực lượng giao bưu - thông tin đã không tiếc máu xương, chiến đấu kiên cường, dũng cảm hy sinh cả tính mạng để bảo vệ an toàn hành lang thông tin liên lạc rộng khắp các chiến trường, phục vụ kịp thời cho sự lãnh đạo của Đảng trong suốt hai cuộc trường kỳ kháng chiến. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất thì 152 chiến sĩ giao bưu - thông tin Lâm Đồng đã vĩnh viễn nằm xuống, trong đó rất nhiều người đã dũng cảm giữ vững mạch máu thông tin liên lạc đến hơi thở cuối cùng hy sinh ngay trước giờ chiến thắng.

- Cuộc chiến đã đi qua, tuy không còn những ngày tháng phải sống trong gian khổ, ác liệt; không còn cảnh thiếu cơm lạt muối. Nhưng vẫn còn đó, hậu quả cuộc chiến

để lại: Biết bao nhiêu người mẹ mất con, vợ mất chồng, những trẻ thơ không cha... mặc dù họ vẫn được cơ quan và xã hội quan tâm, chăm sóc nhưng làm sao thay thế được tình cảm của người thân yêu, ruột thịt. Chiến tranh đã qua nhưng nhiều người lính giao bưu, thông tin trở về trên thân thể còn mang đầy thương tích phải thường xuyên chịu đựng những cơn đau mỗi khi trái gió trở trời. Nhiều người đã phải chịu tật nguyền suốt đời, không còn khả năng lao động để kiếm sống, làm chỗ dựa cho gia đình. Sự hy sinh, mất mát của các anh, các chị ấy thật không có gì bù đắp được! - Đó là tâm sự của anh Nguyễn Huy Ninh, Giám đốc Bưu điện Lâm Đồng khi tôi hỏi về công tác đền ơn đáp nghĩa của ngành trong thời gian qua.

Tôi trân trọng từng suy nghĩ, lời nói đầy xúc động và chân thành của người đứng đầu Bưu điện tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Đối với chiến trường này, anh không phải là người trong cuộc, nhưng đã từng là người lính nên anh thấu hiểu được nỗi đau của chiến tranh! Tôi cảm nhận sâu sắc những việc làm đầy tình nghĩa suốt 25 năm qua ngành Bưu điện Lâm Đồng đã chăm lo cho những người đi trước. Kế thừa và phát huy truyền thống các thế hệ cha anh, những người đang tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp bưu chính viễn thông hôm nay ở Bưu điện Lâm Đồng càng thấy rõ hơn trách nhiệm nặng nề của mình trong việc kế tục sự nghiệp để đứng vững trên mặt trận mới. Càng đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, Bưu điện Lâm Đồng càng ý thức sâu sắc hơn đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”, sống nghĩa tình, thủy chung hơn với những người đi trước.

Bước vào công cuộc xây dựng đất nước, Bưu điện Lâm Đồng cũng tích cực trong công việc hiện đại hóa mạng bưu chính viễn thông để đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin liên lạc trong nước và quốc tế, đồng thời cũng không quên được nơi góc rừng, con suối nào đó của chiến trường xưa đồng đội của mình vẫn còn nằm lại. Liên tục trong nhiều năm qua Bưu điện Lâm Đồng đã liên lạc, gặp gỡ những thân nhân liệt sĩ, tìm kiếm đầu mối xác minh, thu thập tư liệu về mộ chí các liệt sĩ trong ngành, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức nhiều đợt trở lại chiến trường những vùng căn cứ cũ tìm kiếm hài cốt liệt sĩ. Đến nay, 86 liệt sĩ của ngành đã được quy tập về các nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh. Tuy nhiên, do tính chất ác liệt của một chiến trường miền núi nên việc tìm kiếm hài cốt sau 15-20 năm vô cùng khó khăn. Nhiều chuyến đi, anh em đã đưa về được 2-3 hài cốt, nhưng cũng có chuyến mất rất nhiều thời gian, công sức tìm kiếm để rồi phải ngậm ngùi về không, cũng có lần đi tìm không thấy hài cốt liệt sĩ của ngành nhưng lại đưa được nhiều hài cốt liệt sĩ của những đơn vị khác về nghĩa trang.

66 liệt sĩ của ngành còn nằm lại đâu đó trên chiến trường là điều day dứt lớn nhất của những người còn sống hôm nay, dù ngành Bưu điện rất tận tâm với những việc làm tình nghĩa, đã góp phần đem lại niềm vui cho rất nhiều gia đình thân nhân liệt sĩ. Bản thân đồng chí giám đốc vẫn cứ ngậm ngùi, xót xa, ray rứt với ý nghĩ “chiến tranh đã đi qua một phần tư thế kỷ rồi, thế mà còn biết bao anh em đến giờ vẫn chưa được hưởng một

nén hương của người thân, của đồng đội. Còn biết bao người mẹ, người vợ vẫn còn băn khoăn, phiền muộn vì chưa biết chồng con mình nằm lại nơi nào trên chiến trường này!”.

Công việc nghĩa tình ở Bưu điện Lâm Đồng không chỉ nhớ và biết ơn những người nằm xuống, còn tận tụy chăm lo cho những người còn sống: Ngành đã nhận phụng dưỡng suốt đời năm bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có hai mẹ ở huyện Bắc Bình (Bình Thuận) là mẹ liệt sĩ trong ngành Bưu điện. Ngoài việc trợ cấp hàng tháng, ngành còn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, chăm sóc sức khỏe cho các mẹ; đưa các mẹ đi tham quan, nghỉ mát, viếng lăng Bác Hồ, thăm thủ đô Hà Nội... Từ nhiều năm nay, ngành đã trợ cấp thường xuyên hàng tháng cho ba gia đình thân nhân liệt sĩ; tặng sổ tiết kiệm cho gia đình của hai liệt sĩ Jrang Ha Hương và Ha K'Rang (hy sinh sau giải phóng); hỗ trợ thêm kinh phí cho 112 cán bộ giao liên, giao bưu, thông tin, cán bộ của ngành về hưu trước năm 1992. Từ nguồn quỹ phúc lợi và cán bộ - công nhân viên đóng góp, 10 năm qua, Bưu điện Lâm Đồng đã xây dựng được năm căn nhà tình nghĩa và hỗ trợ tiền sửa chữa được bốn căn nhà cho đối tượng chính sách. Trong những năm gần đây, ngành Bưu điện Lâm Đồng đã tiếp nhận 17 con em các gia đình liệt sĩ, 132 quân nhân phục viên vào đào tạo để phục vụ lâu dài trong ngành Bưu điện. Hàng năm, Bưu điện Lâm Đồng cũng đã trích kinh phí hỗ trợ cho ban liên lạc hưu trí của ngành hoạt động, thường xuyên quan tâm tới tình hình sức khỏe và hoàn cảnh kinh tế gia đình của từng

cán bộ đã một thời cống hiến cho sự nghiệp phát triển của ngành.

Đặc biệt, năm 1997 ngành Bưu điện Lâm Đồng đã hoàn thành được việc xây dựng bia tưởng niệm tại xã Lộc Bảo (vùng căn cứ kháng chiến anh hùng) lịch sử giao liên hai miền Nam - Bắc gặp nhau, nối thông hành lang chiến lược Bắc - Nam thắng lợi to lớn của ngành trong việc phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Mới đây, ngành cũng đã hoàn thành việc xây dựng nhà bia ghi danh các liệt sĩ và phòng truyền thống của ngành, ghi lại những hình ảnh sinh động về việc khắc phục khó khăn, gian khổ ở chiến trường, tinh thần chiến đấu anh dũng và sự tận tụy với công việc của anh chị em giao liên, thông tin Lâm Đồng - Tuyên Đức trong kháng chiến giáo dục truyền thống đối với thế hệ đang trưởng thành hôm nay.

Hàng năm, Bưu điện Lâm Đồng cũng đã đóng góp đáng kể vào việc xây dựng quỹ hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, khuyết tật; ủng hộ các vùng bị thiên tai, lũ lụt. Bưu điện Lâm Đồng vận động công nhân viên chức đóng góp xây dựng quỹ bảo trợ tài năng trẻ, khen thưởng, động viên khuyến khích con em trong ngành vượt khó, học giỏi, tổ chức ngày trung thu, ngày quốc tế thiếu nhi... Ngành có quy chế về việc xây dựng và chi tiêu quỹ bảo trợ giúp đỡ cán bộ, công nhân viên gặp khó khăn khi nghỉ hưu, đau ốm, tai nạn rủi ro... Bưu điện các huyện, thị và các công ty trực thuộc Bưu điện tỉnh, những năm qua đã cùng với các địa phương thực hiện tốt các chính

sách xã hội, làm nhiều công việc nghĩa tình trên từng địa bàn, từng khu dân cư, với tấm lòng mong muốn góp phần giảm nhẹ những khó khăn mất mát của những người đã một thời không tiếc máu xương cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Năm 2000, Bưu điện Lâm Đồng đạt mức doanh thu trên 100 tỷ đồng, công sức đóng góp không nhỏ của 800 cán bộ, công nhân viên Bưu điện Lâm Đồng.

ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH - ĐỘNG LỰC CHÍNH CỦA SỰ “CẤT CÁNH”

MỸ HẠNH

Là doanh nghiệp mang tính đặc thù của một ngành khoa học kỹ thuật tiên tiến, hoạt động trên địa bàn một tỉnh miền núi, để hoàn thành được nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa vai trò lãnh đạo của Đảng là vô cùng quan trọng. Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng luôn khẳng định “Chỉ khi nào vai trò của các cấp ủy thật sự là hạt nhân lãnh đạo, trung tâm đoàn kết nhất trí; người đảng viên dù ở trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào cũng tiên phong gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, có đủ trình độ để thuyết phục quần chúng thì sản xuất kinh doanh mới có hiệu quả”.

Từ quan điểm ấy từ ngày thành lập đến nay, nhất là trong hơn 10 năm đổi mới, Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng đã chú trọng nâng cao chất lượng đảng viên: Từ việc nâng cao tính tiên phong gương mẫu, trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, đến năng lực công tác, tác phong làm việc, quan hệ với quần chúng... Trong đó việc nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, đảng viên và công nhân viên chức trong toàn cơ quan

được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ then chốt để Bưu điện tỉnh Lâm Đồng có thể vươn lên ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Nhiệm vụ ấy được đưa vào nghị quyết của từng chi bộ cơ sở và lập tức được cán bộ - công nhân viên chức trong toàn Bưu điện tỉnh hưởng ứng. Đảng bộ đã cùng với Công đoàn ngành và chính quyền cụ thể hóa nghị quyết của Đảng bằng cách xây dựng quy chế về hệ số phân phối thu nhập, tiêu chuẩn hóa cán bộ và một số chế độ cụ thể kèm theo, tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên yên tâm công tác và học tập. Tác dụng rõ nét nhất của việc thực hiện quy chế này là đã tạo nên sức mạnh thống nhất trong lãnh đạo về công tác quản lý và xây dựng được khối đoàn kết nhất trí cao trong nội bộ.

Đặc biệt là phong trào tự học tập, rèn luyện bắt đầu từ cán bộ, đảng viên đã ngày càng trở thành nhu cầu của công nhân viên chức trong toàn Bưu điện tỉnh. Đến cuối năm 1999, tất cả đảng viên đều có trình độ tốt nghiệp cấp III trở lên. Hàng năm, mỗi đảng viên đều đăng ký với chi bộ chương trình phấn đấu về công tác, học tập của bản thân; mỗi lần sinh hoạt chi bộ căn cứ vào chương trình đăng ký để nhận xét, kiểm điểm... Sự sàng lọc thường xuyên này đã giúp cho từng đảng viên trong Đảng bộ tinh thần phấn đấu, vươn lên liên tục, nếu ai ngại khó, ngại khổ sẽ bị tụt hậu và tự đào thải mình.

Đảng bộ hiện có bảy chi bộ trực thuộc, với tổng số tám mươi bảy đảng viên (trong đó có chín đảng viên mới được kết nạp trong năm 1999) và đội ngũ gần một trăm đảng viên đang công tác và sinh hoạt ở các huyện, thị trong tỉnh. Tuy hoạt động phân tán, nhưng Ban Chấp hành Đảng ủy lấy việc chỉ đạo trực tiếp các cấp ủy cơ

sở làm đầu mối để truyền đạt kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ. Chín năm qua, toàn Đảng bộ Bưu điện tỉnh Lâm Đồng không còn đảng viên yếu kém. 100% đảng viên đã hoàn thành nhiệm vụ, trên 90% đảng viên đã phát huy tác dụng tốt và hoàn thành nhiệm vụ ở mức độ xuất sắc, đảng viên có trình độ đại học ngày càng tăng. 100% tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu “chi bộ trong sạch vững mạnh” trong nhiều năm liền và Đảng bộ Bưu điện tỉnh Lâm Đồng chín năm liên tục đã giữ vững danh hiệu “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”.

Từ sự lãnh đạo thiết thực, cụ thể của Đảng bộ và các tổ chức cơ sở Đảng, kết quả sản xuất kinh doanh của Bưu điện tỉnh Lâm Đồng ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Mạng lưới bưu chính - viễn thông được xây dựng, cải tạo và phát triển đến tận các vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày một tốt hơn cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương. 134/135 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã có hệ thống điện thoại tự động, đến cuối năm 1999 đã đạt mật độ bình quân 3,55 máy điện thoại/100 dân (riêng thành phố Đà Lạt đã đạt mật độ 9,24 máy/100 dân). Mạng đường thư nội tỉnh cũng được tổ chức ngày càng hợp lý hơn nên đã tăng đáng kể số xã có báo đọc trong ngày (99/106 xã), bảy xã còn lại có báo trong ngày thứ hai. Đặc biệt ba xã vùng cao Đam Rông (huyện Lạc Dương) đã rút ngắn đường thư từ ba ngày một chuyến xuống còn một ngày một chuyến.

Việc phát triển nhanh các dịch vụ bưu điện mới như: EMS, HCD, nhắn tin, vinacard, các dịch vụ gia tăng của tổng đài điện tử EWSD, dịch vụ money gram... đã phát huy được hiệu quả, tăng nhanh về sản lượng và doanh thu, tạo sự đa dạng hóa các hình thức phục vụ khách

hàng. Kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cả về doanh thu và phát triển máy hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, giữ vững tốc độ tăng trưởng cao; hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nộp ngân sách; đời sống cán bộ, đảng viên, công nhân viên được cải thiện và đảm bảo việc làm ổn định. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, Đảng bộ Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã làm tốt việc vận động cán bộ - công nhân viên đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, giữ gìn và tôn tạo truyền thống của ngành, thực hiện tốt các chính sách xã hội, góp phần giải quyết khó khăn cho các đối tượng chính sách và bà con các vùng bị thiên tai, lũ lụt.

Để chuẩn bị điều kiện bước vào thiên niên kỷ thứ III - kỷ nguyên của xã hội thông tin, mạng lưới đã từng bước được hiện đại hóa, Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng là một đội ngũ cán bộ, đảng viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nắm vững kiến thức quản lý kinh doanh, “sẵn sàng hội nhập” để cạnh tranh trong lĩnh vực Bưu chính - Viễn thông. Bên cạnh việc phấn đấu giữ vững và phát huy tiềm năng sẵn có, đẩy mạnh việc phát triển mạng lưới và tổ chức kinh doanh, khai thác có hiệu quả, Đảng bộ Bưu điện tỉnh Lâm Đồng còn có một nhiệm vụ chính trị quan trọng là đưa nhanh các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông về phục vụ các vùng sâu, vùng xa, xây dựng nông thôn, phát triển nông nghiệp, góp phần nâng cao dân trí, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo và kết hợp tốt nhiệm vụ phát triển Bưu chính - Viễn thông phục vụ phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng.

Mười giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2000 - năm cuối cùng của kế hoạch tăng tốc

giai đoạn II và làm tiền đề cho những năm 2000-2005 được Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng chỉ đạo cho các tổ chức cơ sở Đảng thực hiện nghiêm túc ngay từ những ngày đầu, tháng đầu. Trong đó, Đảng bộ đã chú trọng công tác hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành tinh, gọn, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động. Thực hiện quy chế dân chủ, pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật trong quản lý nghiệp vụ và kinh tế, tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo theo tinh thần chuyên sâu về kỹ thuật, nghiệp vụ và các lĩnh vực có liên quan về quản lý, khai thác, kinh doanh... để có thể đối mặt với sự cạnh tranh theo cơ chế thị trường trong tiến trình hội nhập.

Nhiệm vụ đặt ra hết sức nặng nề, đòi hỏi phải có sự quyết tâm và đoàn kết nhất trí cao, trong suốt hành trình tiến vào thiên niên kỷ mới, ngành Bưu điện Lâm Đồng đã có nền tảng vững chắc là một Đảng bộ trong sạch vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo, một đội ngũ đảng viên “hồng thắm, chuyên sâu”, một lực lượng cán bộ - công nhân viên gồm: 160 người có trình độ đại học, cao đẳng; 132 người có trình độ trung cấp kỹ thuật, 100% cán bộ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo qua trường lớp... chắc chắn đó sẽ là động lực cho Bưu điện Lâm Đồng cất cánh vào tầm cao mới.

BUƯ ĐIỆN BẢO LỘC VỚI CHIẾN LƯỢC TĂNG TỐC

KHẮC DỨNG



Thị xã Bảo Lộc là đô thị loại 4, là trung tâm kinh tế - xã hội thứ hai của tỉnh Lâm Đồng. Nơi đây còn là khu công nghiệp phía nam của tỉnh và là đầu mối giao lưu kinh tế với các tỉnh Đông Nam Bộ và trung tâm kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Sau ngày giải phóng, nhất là sau khi trở thành đô thị loại 4 (1994). Bảo Lộc trở thành miền đất hứa của các nhà đầu tư và kinh doanh, trong đó có ngành Bưu điện. Trong quá trình phát triển cùng thị xã, Bưu điện Bảo Lộc trong những năm qua đã có bước trưởng thành khá nhanh.

Bưu điện thị xã Bảo Lộc được hình thành theo Quyết định số 1792 QĐ/TCCB của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, là thành viên của doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bưu điện tỉnh Lâm Đồng. Bưu điện Bảo Lộc được giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh bưu chính viễn thông trên địa bàn thị xã và được tổ chức theo mô hình của một đơn vị bưu điện cấp huyện.

Bên cạnh những dịch vụ bưu điện truyền thống, Bưu

điện thị xã Bảo Lộc còn là một trong những đơn vị được phép khai thác các dịch vụ mới rất sớm. Đó là các dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS), thư điện tử, chuyển tiền nhanh, dịch vụ điện hoa, điện thoại di động, nhắn tin điện thoại thấy hình... Ngay từ tháng 7/1994, tổng đài EWSD của Siemens Đức đã được đưa vào sử dụng tại Bưu điện Bảo Lộc. Đây là một bước phát triển rất đáng kể trong lĩnh vực chuyển mạch của ngành Bưu điện tại địa bàn thị xã Bảo Lộc.

Bên cạnh đó, hệ thống viba số cũng đã được đưa vào sử dụng rất sớm, dung lượng đường thông từ Host Bảo Lộc đến các tổng đài vệ tinh trong khu vực, về Đà Lạt và đi các nơi trong nước và quốc tế khá dồi dào, không còn tình trạng nghẽn mạch. Việc đưa vào sử dụng mạng điện thoại di động Vinaphone, Mobiphone đã tạo ra một năng lực thông tin mới, đáp ứng mọi nhu cầu thông tin của khách hàng. Mạng bưu chính và phát hành báo chí hình thành ba bưu cục, ba đại lý, kiosque rải đều trên từng cụm dân cư trong toàn thị xã; lực lượng giao thông viên phát thư, báo của Bưu điện và lực lượng thuê phát Bưu điện xã đã đủ khả năng phục vụ tốt đến từng địa chỉ để hầu hết độc giả có báo đọc trong ngày.

Bưu điện thị xã Bảo Lộc là đơn vị luôn kết hợp biện pháp tổ chức các phong trào thi đua với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm nên “chiến lược tăng tốc” của đơn vị luôn đạt được kết quả khả quan. Chỉ tính riêng việc phát triển máy điện thoại: 1992 phát triển 264 máy, 1993: 554 máy, 1996: 1291 máy. Mật độ máy điện thoại đã tăng từ 0,29 máy/năm 1992 lên 3,2 máy/năm 1996 - tốc độ tăng mười lần. Doanh thu từ 742 triệu năm 1992 tăng lên 22 tỷ 300 triệu đồng năm 1999

vừa qua. Trong năm 2000 này, theo dự kiến, mật độ máy điện thoại của thị xã sẽ là 5,5 máy/100 dân và doanh thu đạt hơn 23 tỷ đồng. Cũng theo kế hoạch, trong 2 năm 1999 và 2000, Bưu điện thị xã Bảo Lộc tiếp tục đầu tư xây dựng mới ba bưu cục với ba tổng đài điện tử cho ba khu vực Lộc Tiến, Lộc Nga và ngã năm Đạm Bri.

Bưu điện Bảo Lộc luôn thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Ý thức được tầm quan trọng của công tác này, trong các năm từ 1992-1994, Bưu điện Bảo Lộc đã tiến hành cho đi học bổ túc văn hóa mười lăm người, hàng năm cho đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao khoảng 60% cán bộ. Ngay từ năm 1997, số cán bộ Bưu điện Bảo Lộc được đưa đi đào tạo ngành nghề là bốn đại học kỹ thuật Bưu chính Viễn thông, một đại học tài chính kế toán, sáu cao đẳng Bưu chính Viễn thông, bảy trung cấp Bưu chính Viễn thông và sáu trung cấp lý luận chính trị. Năm 1999 vừa qua số người được đưa đi đào tạo là: đại học kỹ thuật 4 người, đại học kinh tế 2, cao đẳng kỹ thuật nghiệp vụ 6, trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ 11 và công nhân Bưu điện là một người (đạt tỷ lệ 45% cán bộ công nhân viên chức được đào tạo nâng cao tay nghề).

Trong năm 2000 này, theo kế hoạch sẽ có từ 30%-40% cán bộ công nhân viên được tiếp tục đi đào tạo. Để “nuôi” nguồn nhân lực này, một trong những công việc vô cùng thiết thực là vấn đề chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên chức - lao động và thực hiện các chính sách xã hội cho đội ngũ này. Ông Nguyễn Hoàng Oanh, Trưởng Bưu điện Bảo Lộc - tâm sự: “Trong chiến lược tăng tốc, không thể không tính đến vấn đề nhân lực. Trong vấn đề nhân lực, không thể không tính đến đời sống và việc làm của

những người lao động. Hàng tháng các chế độ chính sách đều được phổ biến đến toàn thể cán bộ công nhân viên để mọi người cùng nắm bắt, kiểm tra và thực hiện.

Trưởng Bưu điện thị xã Bảo Lộc nói: “Ngành Bưu điện đang bước vào giai đoạn II của chiến lược tăng tốc, nhiệm vụ ngày một thêm nặng nề. Với một thị xã như Bảo Lộc, một đô thị loại bốn nhưng nó là trung tâm kinh tế - xã hội thứ hai của tỉnh, là đầu mối giao lưu kinh tế giữa Lâm Đồng với vùng Đông Nam bộ và phía Nam ngành Bưu điện với tư cách là một trong những ngành kinh tế đặc biệt không thể không có những định hướng phát triển sao cho theo kịp - thậm chí còn đi trước - những ngành kinh tế khác”.

Chỉ tiêu phấn đấu của Chi bộ: “Phát huy tinh thần tự chủ sáng tạo, tính tiên phong của người đảng viên cộng sản, Chi bộ Bưu điện phấn đấu xây dựng Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh trong năm 2000”. Đó là một trong những khẩu hiệu tích cực trong việc thực hiện chiến lược tăng tốc của Bưu điện thị xã Bảo Lộc.

MỤC LỤC

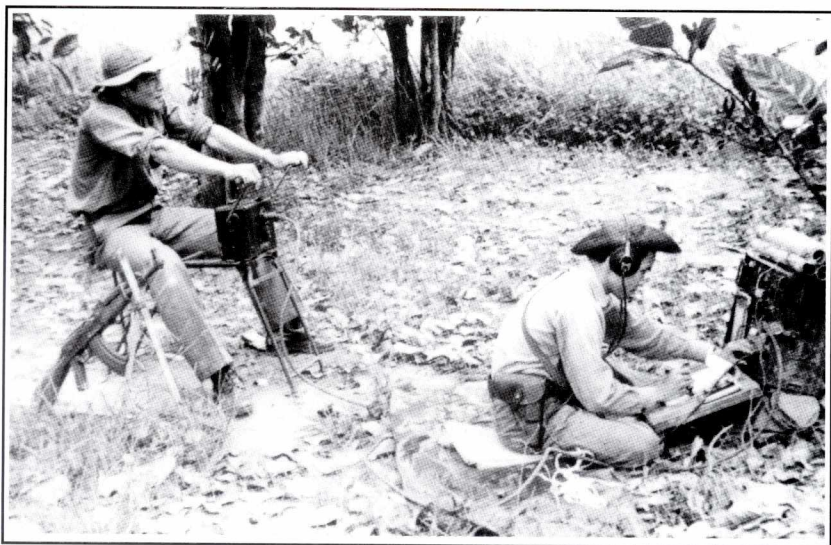
<i>Lời giới thiệu</i>	3
-----------------------------	---

Nhìn lại truyền thống hào hùng để sống xứng đáng hơn với những người đã khuất	7
Bưu Điện Lâm Đồng: Chặng đường hình thành và phát triển	11
Về nguồn	20
Khơi dòng thác cách mạng đổ về miền Nam	28
Những người lính giao bưu đầu bạc	35
T.371, những điều chưa nói hết	39
T.378 - những dấu ấn còn lại.	45
Nhớ mãi một chuyến đi	51
Một lần nhận nhiệm vụ	58
Những kỷ niệm về đài thông tin Đ56	62
Thông tin vô tuyến điện báo ở vùng căn cứ cách mạng	68
Bốn mươi lăm ngày trên đỉnh Hòn Nga	71
Trạm giao liên ở cây số 6	75
Mũi nhọn ngay trong lòng địch	78

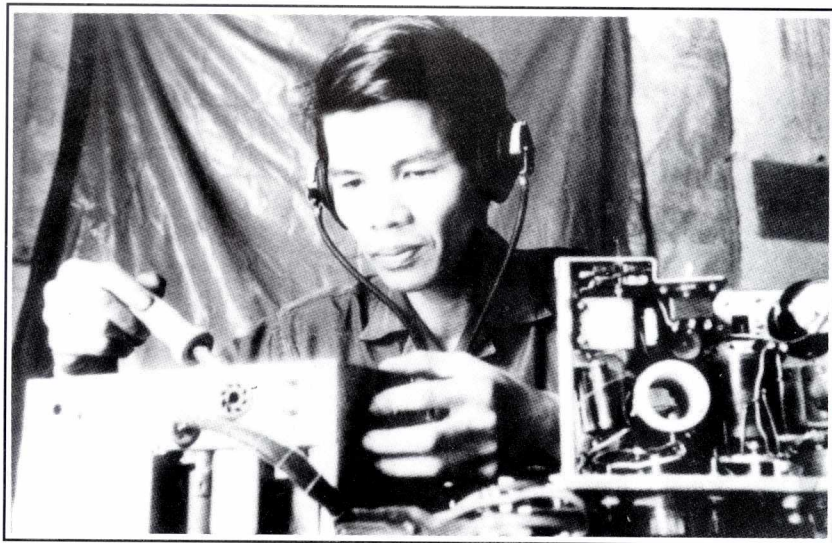
Chuyện trên đường hành quân	83
Lần đầu đi bắt liên lạc với nữ giao liên từ mật khu	86
Về Vũng Rô tiếp cận tàu Hải quân không số	89
Sự hy sinh thầm lặng	94
Có một bà má giao liên trong vùng địch hậu	99
Bảy ngày chiến đấu với tử thần	103
Thao thức	113
Thà chết chứ không chịu hàng	119
Langbian - còn đó những bước chân	123
Trần Ngữ - Người chiến sĩ giao bưu đầu tiên trên chiến trường Tuyên Đức	129
Đời giao liên bước tôi đi	133
Kỷ niệm của người giao liên	138
Kỷ niệm của một thời làm điện báo viên ở chiến khu	143
Cánh nhận đưa tin	148
Gặp những chiến sĩ đi mở đường chiến lược Bắc - Nam	152
Người đầu tiên nằm lại với dòng sông	157
Nửa vầng trăng	160
Khúc hát rừng thông	170
Những cụm đài di động	175
Lính thông tin ở chiến khu	177
Thăm mộ bạn ngày giáp tết	178
Tiếng em qua cánh sóng	180
Anh đến thăm em	181
Tháp Hoa	183
Tiếng chuông điện thoại	184
Nói về nguồn xưa	186
Đôi sao	188

Ngày ấy...

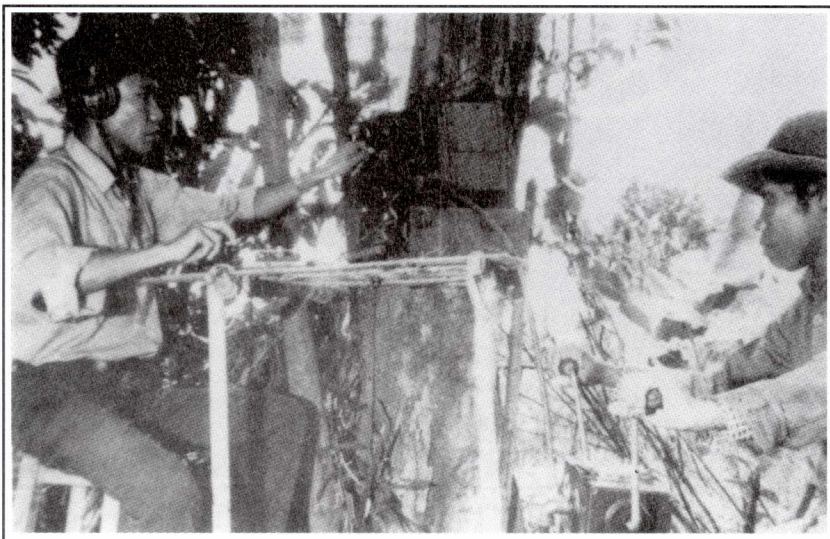
Tín hiệu mùa Xuân -----	189
Cô gái điện hoa -----	191
Cô gái tổng đài -----	192
Tín hiệu từ trái tim -----	193
Chuyện tình Telephone -----	194
Chuyện vui kháng chiến -----	196
“Quán quân”... chân đất -----	198
Sâu nặng nghĩa tình -----	201
Đảng bộ trong sạch vững mạnh -	
Động lực chính của sự “cất cánh” -----	207
Bưu điện Bảo Lộc với chiến lược tăng tốc -----	212



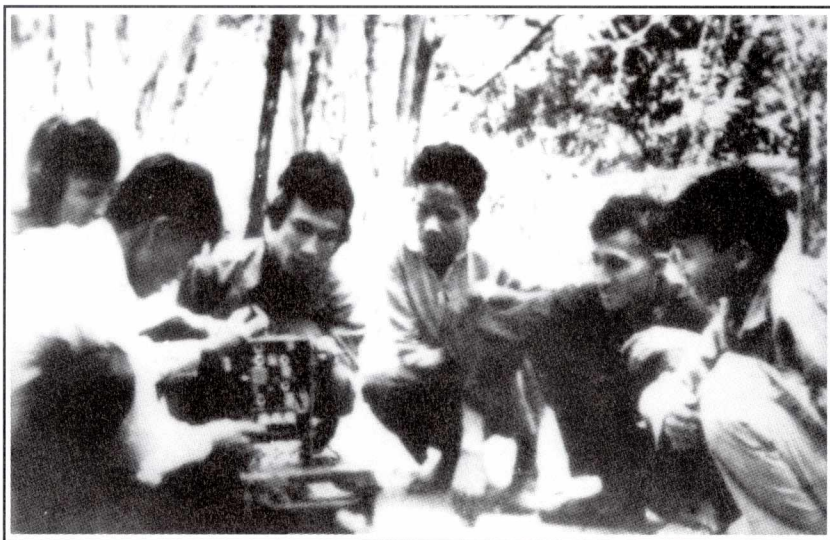
Đ/c Nguyễn Thanh Dũng cùng đồng đội đang liên lạc trên máy VTĐ 15w phục vụ các mũi hành quân. Ảnh : Tư liệu



Đ/c Nguyễn Hoàng Oanh - cơ công đang sửa chữa máy VTĐ (năm 1974).
Ảnh : Tư liệu



Đ/c Nguyễn Đức Tài Điện báo viên (Lâm Đồng cũ) đang làm việc phục vụ chiến dịch năm 1972. Ảnh : Tư liệu



Đ/c Hồ Văn Quý (giữa thứ nhất bên phải) cùng tổ kỹ thuật đang hội ý xử lý sự cố máy VTĐ 15w. Ảnh : Tư liệu



Đ/c Trần Lê Bí thư khu ủy khu 6 đi chiến dịch năm 1972, đ/c Nguyễn Xuân Nhị
Trưởng đài VTD cùng đi phục vụ. Ảnh : Tư liệu



Đ/c Nguyễn Kim Kiệm (giữa) cùng các chiến sĩ thông tin (Tuyên Đức cũ)
ngày đầu tiếp quản Bưu điện Đà Lạt, tháng 4/1975. Ảnh : Tư liệu



Đ/c Nguyễn Hoàng Oanh, đ/c Lê Ngọc Triêm cùng đồng đội trên đường ra Bắc tập huấn nghiệp vụ năm 1973, đang qua sông khu vực Bãi Cây Tiên (Lâm Đồng cũ). Ảnh : Tư liệu



Đ/c Đặng Thu Hiền, báo vụ Đài thông tin Đ56. Ảnh : Tư liệu



Hai đ/c Huỳnh Thị Hồng Trang và
Đặng Thị Thu Hiền, báo vụ Đài
thông tin Đ56 trên đường đi giao điện
hoả tốc. Ảnh: Tư liệu



Chị Huỳnh Thị Minh Nhạn, giao liên nội thành Đà Lạt. Ảnh: Tư liệu



Ba đ/c duy nhất còn lại (Nguyễn Văn Chay, Cao Thi, Huỳnh Ngọc Hai) của Trạm giao liên T372 trong chuyến về lại chiến trường xưa.

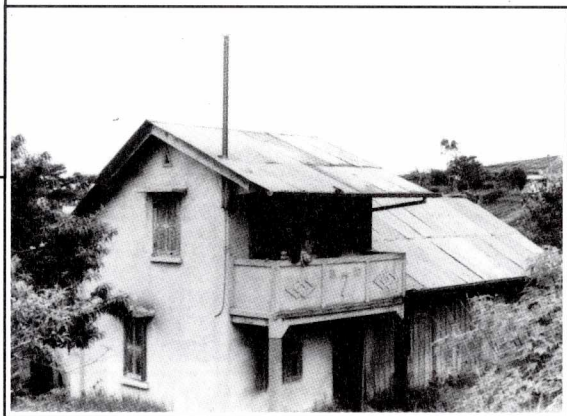


Chị Nguyễn Thị Hiếu,
giao liên T378



Má Nguyễn Thị Thủy,
giao liên nội thành Đà Lạt. Ảnh: Tư liệu

Nhà má Năm Mên, Trạm
giao liên ở cây số 6,
Tp. Đà Lạt. Ảnh: Tư liệu

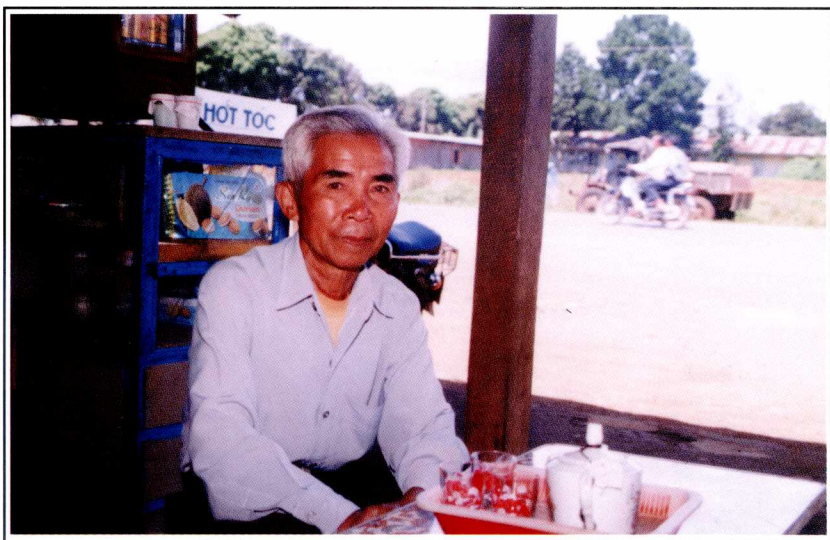




Ông Nguyễn Xuân Khanh nguyên Phó Ban hành lang khu 6 chỉ lại các đường hành lang trên bản đồ. Ảnh : Nam Long



Các anh chị giao liên T378 về thăm lại căn cứ cũ.
Ảnh : Nam Long



Ông Trần Quyền, người dẫn đầu đoàn dân công Lâm Đồng về Vũng Rô tiếp cận tàu hải quân không số. Ảnh : Nam Long



Đoàn “về nguồn” gồm các anh chị giao liên T378, cán bộ Ban hành lang tỉnh Tuyên Đức và cán bộ Bưu điện tỉnh Lâm Đồng. Ảnh : Nam Long



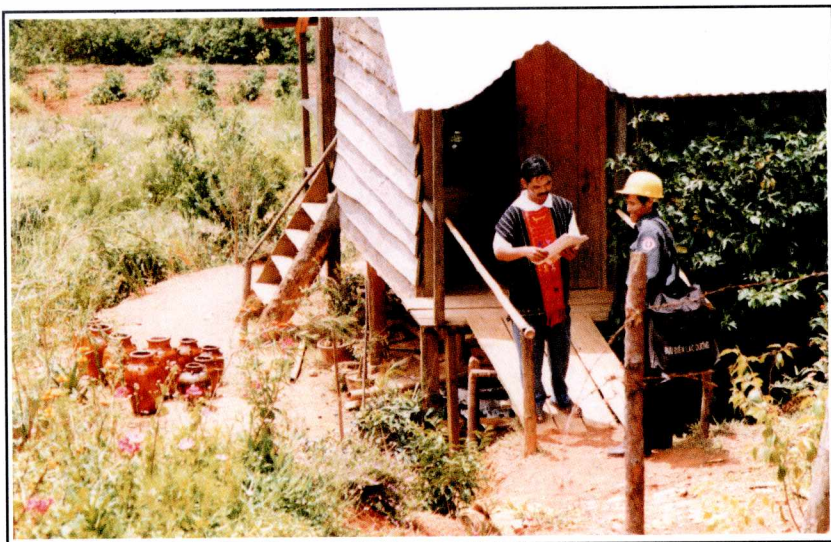
Quy tập hài cốt liệt sĩ trong ngành. (Ảnh: Đức Thuận).



Nhận phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng. (Ảnh: Nam Long)



Bàn giao nhà tình nghĩa cho bà Lê Thị Huệ ở Lạc Dương. (Ảnh: Đức Thuận).



Anh Cil Ha K' Riêng nhân viên Bưu tá (người đưa thư) vào vùng sâu Đam Rông. (Ảnh: Văn Hiến).

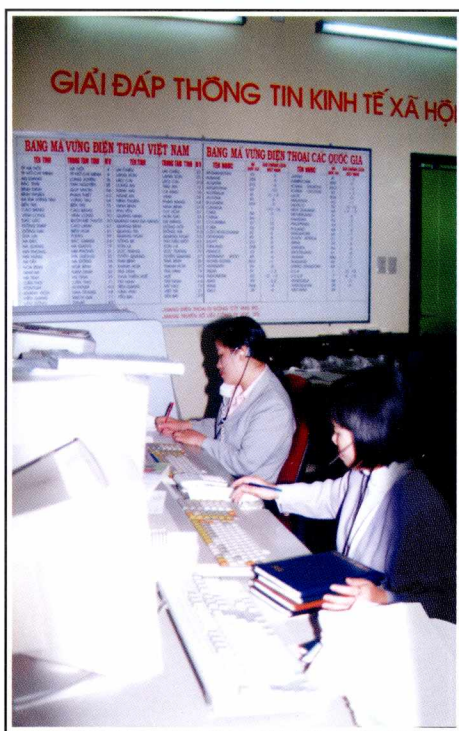


Đ/c Nguyễn Hữu Bản P. Tổng Giám đốc TCTBCVT Việt nam (giữa) và đ/c Đặng Đức Lợi P. Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cắt băng triển lãm tem Bưu chính Việt Nam tại Đà Lạt năm 1996. (Ảnh: Nam Long).

Trạm viba chuyển tiếp đồi Châu Sơn, Lạc Nghiệp - Đơn Dương.
(Ảnh: Võ Văn Hiến).



Giao dịch tại Trung tâm
Bưu điện Đà Lạt.



Bộ phận dịch vụ 108 Đà Lạt.
(Ảnh: Nam Long).



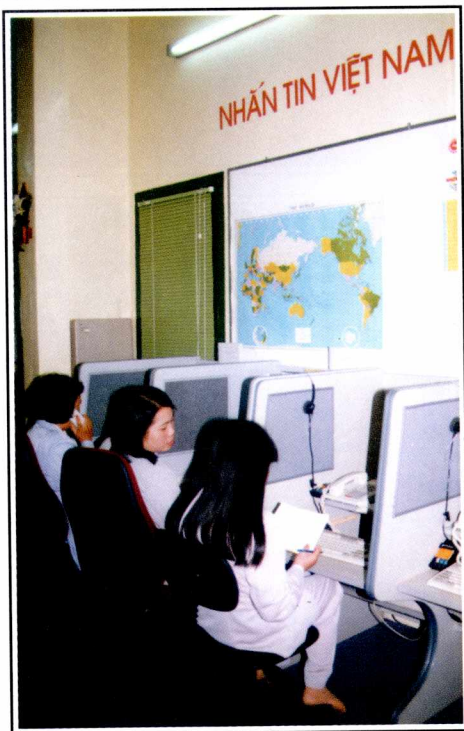
Cán bộ kỹ thuật đang vận hành bảo
dưỡng trạm vi ba ở Đà Lạt.
(Ảnh: Hữu Nguyên)



Giao dịch tại Trung tâm huyện Đức
Trọng. (Ảnh: Nam Long).



Văn nghệ chào mừng lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Công đoàn Bưu điện Việt Nam. (Ảnh: Nam Long)



Bộ phận dịch vụ nhân tin Đà Lạt. (Ảnh: Nam Long).



Triển lãm tem bưu chính
tại Đà Lạt. (Ảnh: Nam Long).

Kỷ niệm Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6
của Bưu điện Lâm Đồng - 1999.
(Ảnh: Nam Long).





Hội thao chào mừng 50 năm ngày thành lập
Công đoàn Bưu điện Việt Nam. (Ảnh: Nam Long)



Lễ ký kết liên ngành triển khai thực hiện
hoạt động bưu điện-văn hóa-pháp luật. (Ảnh: Nam Long)

GIAO BƯU-THÔNG TIN LÂM ĐỒNG

Ngày ấy... Bây giờ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN HUY NINH

Hội đồng biên tập:

TRẦN MỸ SƠN

NGUYỄN VĂN LỰC

TRẦN KIM QUY

UÔNG THÁI BIỂU

ĐẶNG THU HIỀN

TRẦN BÍCH HIỀN

VÕ KHÁC DỪNG

Mỹ thuật: **HOÀNG THẢO**

Trình bày bìa: **SINH THỰC**

Sửa bản in: **TUYẾT MAI**

Ảnh bìa 1: - **HOÀNG THẮNG**

- **HÀ HỮU NÉT**

Ảnh bìa 4 : - **QUANG MINH**

Giấy phép xuất bản số 60 GPXB do Sở Văn hoá-Thông tin Lâm Đồng cấp ngày 3/10/2000. Sắp chữ và chế bản tại Báo Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp In Tem Bưu điện - 270 Lý Thường Kiệt, Q.10, TP. HCM. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2001.

